

Không gia đình

Contents

Không gia đình	1
1. Chương 01	2
2. Chương 02	5
3. Chương 03	10
4. Chương 04	15
5. Chương 05	19
6. Chương 06	22
7. Chương 07	27
8. Chương 08	31
9. Chương 09	33
10. Chương 09	34
11. Chương 10	37
12. Chương 11	42
13. Chương 12	52
14. Chương 12	57
15. Chương 13 + 14	64
16. Chương 15 + 16	74
17. Chương 17 (hết)	89

Không gia đình



Giới thiệu

Không gia đình là tác phẩm văn học thiếu nhi nổi tiếng của nhà văn Pháp: Hector Malot. Không gia

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/khong-gia-dinh>

1. Chương 01

Chương 01 - Làng tôi

Tôi là một đứa trẻ bị bỏ rơi.

Mãi đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có một người mẹ như những đứa trẻ khác, vì lúc nào tôi khóc thì lại có một bà đến dịu dàng ôm tôi vào lòng, dỗ dành cho tôi nín.

Mỗi khi tôi đi ngủ lại có bà đến vuốt ve tôi. Về mùa đông, khi gió gieo tuyết vào cửa kính trắng xóa, bà kéo chân tôi ủ vào hai bàn tay bà và ru tôi. Đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ giọng hát và câu hát ru của bà.

Khi tôi chán con bò sữa trên những ven đường cỏ xanh hay ở bãi hoang mà chợt gặp mưa to, bà vội vã chạy ra đón, kéo vạt áo che đầu cho tôi và đưa tôi về.

Khi tôi cãi nhau với một đứa trẻ khác, bà bảo tôi kể lại cho bà nghe, rồi bà tìm lời ngọt ngào dỗ tôi và bao giờ cũng cho tôi là phải.

Vì những điều đó và nhiều điều khác nữa, vì giọng nói âu yếm, vì đôi mắt trù mến của bà, vì những sự vỗ về thương yêu tôi, vì vẻ nhân từ của bà dẫu khi trách mắng tôi, tôi luôn nghĩ bà là mẹ tôi.

Tôi biết bà chỉ là mẹ nuôi tôi thôi, như thế này đây.

Làng tôi, hay gọi cho đúng, nơi tôi được nuôi nấng, vì tôi không có làng riêng cho tôi, không có nơi sinh, mà không có cả cha lẫn mẹ nữa, làng mà tôi đã sống trong thời thơ ấu gọi là Savanong, một làng trong những làng nghèo nhất ở miền Trung nước Pháp.

... nghèo nàn đó không phải là tại dân đông hay lười biếng mà chính vì vị trí của làng ở vào một nơi đất khô cằn. Đất lớp mặt mỏng, muốn được hoa màu tốt phải có phân bón nhưng ở miền này đều thiếu thốn. Vì thế người ta chỉ thấy một số ít ruộng được cày cấy, còn toàn là những bãi hoang bao la để cho bụi rậm và cỏ mọc đầy. Trên những bãi cao đó, lác đác cũng có một vài khóm cây to, nhưng khi những ngọn gió may thổi đến, thì chỉ còn trơ những cành khẳng khiu.

Muốn thấy những cây đẹp, phải xuống thung lũng, đến chỗ các bờ sông nhỏ; trong những đồng cỏ hẹp mới có những cây dễ cao và những cây sồi to lớn xum xuê. Chính ở một trong những thung lũng đó, trên bờ một dòng suối chảy xiết đổ vào phụ lưu của sông Loa, có ngôi nhà thân yêu của tôi thời thơ ấu.

Cho đến năm lên tám, tôi chưa hề trông thấy một người đàn ông nào trong nhà. Tuy nhiên, mẹ tôi không phải góa bụa, vì chồng bà đi làm thợ đẽo đá ở Pari cũng như phần đông những người thợ khác ở vùng này. Từ ngày tôi đến tuổi hiểu biết, tôi không thấy ông ta về lần nào. Thỉnh thoảng bạn cùng làm về quê thì ông nhẩn tin thôi.

- Bà Bacboranh ơi! Ông nhà vẫn khỏe mạnh, có nhờ tôi về nói cho bà biết là việc làm ăn cũng khá và có gửi ít tiền về đây. Bà đếm lại xem!

Chỉ có thế thôi. Bà Bacboranh cũng đành biết có thể là đủ: chồng bà mạnh giỏi, công việc đều, làm ăn khá. Ông Bacboranh ở mãi Pari không về, không phải là trong gia đình có chuyện xích mích gì đâu. Việc bất hòa không phải là nguyên nhân cuộc xa vắng đó. Ông phải ở luôn Pari vì công việc bắt buộc, chỉ có thể thôi. Khi già ông sẽ trở về. Với số tiền góp nhặt, dành dụm, vợ chồng ông sẽ khỏi bị đói rét khi tuổi già sức yếu.

Một buổi chiều về tháng Mười Một, trời sắp tối, có một người đàn ông lạ mặt, đến đứng ngoài bờ giậu. Tôi ở trên hè đang bẻ củi chà là. Người ấy đứng ngoài ngẩn đầu vào hỏi tôi có phải đây là nhà bà Bacboranh.

Tôi mời ông ta vào. Ông khách đẩy cửa làm cho sợi dây buộc kêu cọt két rồi bước vào.

Ông ta lấm nhừ vùi. Những vẩy bùn chỗ khô, chỗ ướt bám từ đầu xuống chân. Trông thấy thế, ai cũng hiểu rằng ông ta đã vất vả trên những con đường lầy lội. Nghe có tiếng người, mẹ tôi chạy ra thì vừa gặp ông ta đang vào. Ông ta nói:

- Tôi đem tin từ Pari về đây!

Đó là một câu rất quen tai, nhưng câu đó nghe khác hẳn giọng nói các câu mấy lần trước thường kèm thêm những tin: “Ông ấy khỏe mạnh, làm ăn khá”.

Mẹ tôi chấp tay lại và kêu to:

- Trời ơi! Chắc có tin chẳng lành cho ông Giê-rôm nhà tôi rồi!

- Phải đấy! Bà đừng lo sợ quá. Ông nhà bị thương, may không chết. Nhưng có lẽ rồi thành tật. Hiện giờ ông nằm nhà thương. Tôi nằm giường bên cạnh. Nhân tôi về quê, ông bảo đi qua nhấn giúp. Thôi, chào bà, tôi không thể ở lâu được, vì còn phải đi ba dặm nữa, mà trời đã sắp tối rồi.

Mẹ tôi muốn biết tường tận hơn nên đã mời ông khách ở lại ăn cơm. Đường thì xấu, mà người ta lại bảo trong rừng có nhiều chó sói, nên ông ta cũng vui lòng ở lại. Ông ta ngồi trong góc cạnh lò sưởi, vừa ăn vừa kể lại cho chúng tôi nghe.

Ông Bacơranh bị giàn giáo xây nhà đổ sập xuống đè phải. Xét ra lúc bấy giờ không phải việc ông ở đấy, nên chủ thầu không chịu bồi thường. Ông khách nói thêm:

- Thực không may! Phải kể tình khôn hơn, có lẽ họ tìm cách đòi được tiền trợ cấp suốt đời. Nhưng ông nhà thì chẳng được đồng nào.

Ông ta vừa sẩy đôi ống quần cứng cộp vì bùn khô lại, vừa nhắc lại câu “Thực không may!” với một vẻ buồn thành thực như tỏ ra rằng nếu vào địa vị ông, ông sẽ vui lòng xin cửa phăng đi một chân hông đòi khoản trợ cấp suốt đời. Để kết thúc câu chuyện, ông nói:

- Tuy nhiên, tôi đã khuyên ông nhà đệ đơn kiện chủ thầu.

Mẹ tôi nói:

- Kiện thì tốn kém lắm!

- Phải, nhưng lúc được kiện thì cũng bỏ!

Mẹ tôi muốn đi Pari xem sao, nhưng đi là cả một sự phiền phức vì đường xá xa xôi và tốn nhiều tiền.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến hỏi ý kiến linh mục làng. Cha bảo để xét xem mẹ tôi ra đó có lợi ích gì, thì hãy nên đi. Rồi cha viết thư cho cha tuyên úy ở nhà thương ông Bacơranh nằm điều trị. Mấy hôm sau, cha nhận được thư trả lời, bảo mẹ tôi không phải đi, chỉ cần gửi ít tiền ra cho ông để kiện chủ thầu.

Ngày, tháng qua, thỉnh thoảng lại có thư về hỏi tiền. Lá thư cuối cùng khẩn bách hơn, bảo nếu hết tiền thì đem bán con bò sữa đi mà gửi.

Những ai đã sống ở nhà quê, mới biết có bao nhiêu khổ não, đau đớn trong hai tiếng “bán bò sữa”.

Đối với nhà động vật học, bò là giống nhai lại; dưới con mắt của du khách, đó là con vật tô điểm cho phong cảnh nên thơ mỗi khi nó ghéech cái mồm đầm sương trên thảm cỏ; với trẻ con ở tỉnh, bò là nguồn cả phê sữa, bánh phớ-mát kem. Nhưng đối với dân quê, còn có những điều hơn thế. Nhà dù nghèo đến thế nào, khó đến thế nào, nếu trong chuồng có được một con bò cái, thì nhất định không phải nhịn đói.

Chỉ với một cái dây thừng để dài hay quấn gọn trên sừng là đủ để một đứa trẻ có thể chặn bò trên những con đường đầy cỏ xanh non, nơi không thuộc về ai. Rồi chiều đến, cả gia đình có đủ bơ để nấu súp, đủ sữa để đầm khoai. Cha, mẹ, con cái, người lớn cũng như trẻ con, mọi người đều sống nhờ con bò.

Mẹ tôi và tôi, sống rất no đủ nhờ con bò của chúng tôi, ngoài sữa ra không hề cần đến thịt thà. Con bò cái đó không những là vú nuôi của chúng tôi, nó còn là một người bạn chân tình nữa. Ta chớ tưởng con bò là một con vật không biết gì, trái lại, nó là giống rất thông minh và có nhiều đức tính ngày thêm nảy nở do sự huấn luyện mà ra. Chúng tôi vuốt ve nó, nói chuyện với nó, nó hiểu chúng tôi. Bằng đôi mắt to tròn, dịu hiền, nó có thể tỏ cho chúng tôi biết ý muốn hoặc sự cảm biết của nó. Nói tóm lại, chúng tôi yêu nó và nó cũng mến chúng tôi.

Thế mà chúng tôi phải lìa bỏ nó, lìa nhau vì phải bán nó mới làm cho ông Bacơranh vừa lòng.

Hôm sau, một người lái đến. Sau khi ngắm nghía con Russet, rồi vừa sờ nắn, vừa lắc đầu nói đi nói lại đến trăm lần là con bò này chẳng vừa ý ông ta chút nào, bò nhà nghèo, khó bán lại, đã ít sữa mà sữa lại xấu. Sau cùng, ông ta cũng cố gắng mua, cốt để tỏ lòng tốt muốn giúp đỡ bà Bacơranh là một người đàn bà đảm đang.

Tội nghiệp cho con Russet. Hình như nó cũng biết câu chuyện vừa diễn ra, nên không chịu ra khỏi chuồng và kêu rống lên.

Người lái tháo cái roi vẫn quàng ở cổ, đưa cho tôi và bảo:

- Em vào phía sau đánh cho nó ra.

Mẹ tôi bảo:

- Đừng làm thế! Rồi cầm lấy dây, mẹ tôi nói nhẹ nhàng:

- Russet ra đây! Ngoan!

Con Russet không dám kháng cự nữa. Ra đến đường cái, người lái buộc dây bò vào sau xe, thế là nó phải chạy theo ngựa.

Chúng tôi trở về nhà, vẫn còn nghe thấy tiếng bò kêu, lâu lâu mới hết.

Thế là chẳng còn sữa, chẳng còn bơ. Từ nay, sáng ăn bánh sưng, chiều ăn khoai chấm muối.

Bán bò được mấy hôm thì đến ngày lễ “Tuần chay”. Năm ngoái, cũng ngày này, mẹ tôi đã làm một bữa bánh rán, bánh sữa rất ngon. Tôi ăn lấy ăn để, mẹ tôi tỏ vẻ sung sướng vô cùng.

Bây giờ chúng tôi còn Russet, nó cho sữa pha bột, cho bơ để bỏ chảo. Bây giờ không còn Russet nữa, hết bơ, hết sữa, hết ngày “Tuần chay”. Tôi nghĩ mà buồn.

Nhưng mẹ tôi đã đem lại cho tôi một sự ngạc nhiên. Không phải vay mượn ai, bà đã xin hàng xóm người này một chén sữa, người kia một miếng bơ. Khoảng trưa tôi về nhà, thấy bà đang lúi húi đổ bột vào chảo sành lớn. Tôi lại gần mẹ tôi và nói:

- A! Nhà có bột!

Mẹ tôi vừa cười vừa đáp:

- Có chứ! Bột đấy! Chính bột mì đấy! Reemi, con xem bột có mịn không?

Lòng tôi muốn hỏi bột đó dùng để làm gì, nhưng không dám nói ra. Tôi cũng muốn nhắc hôm nay là ngày lễ “Tuần chay”, nhưng sợ làm mẹ tôi phiền lòng. Chợt mẹ tôi hỏi:

- Đố con biết bột dùng để làm gì?

- Làm bánh mì.

- Làm gì nữa?

- Nấu cháo sữa.

- Gì nữa?

- Trời! Con không biết!

- Có, con biết đấy. Nhưng con là đứa trẻ ngoan, nên con không nói đấy thôi. Con biết hôm nay thứ ba, ngày “Tuần chay” được ăn bánh rán, bánh sữa. Nhưng con thấy nhà hết bơ, hết sữa nên con không dám nhắc đến. Phải không?

- Ôi! Mẹ...

- Mẹ biết trước thế. Nên mẹ đã sắp đặt để đến ngày lễ con khỏi phải buồn tủi. Con nhìn trong thùng gỗ xem.

Tôi vội tới mở mạnh nắp ra, thì quả thấy nào sữa, nào bơ, nào trứng, nào khoai. Mẹ tôi bảo:

- Lấy trứng ra đây ẹ làm! Con đi gọt khoai đi!

Trong khi tôi thái khoai, mẹ tôi đập trứng cho vào bột, đánh đều, rồi thỉnh thoảng lại trộn vào một thìa sữa. Khi bột đã hòa xong, mẹ tôi đặt chậu lên đồng tro nóng để đến chiều làm, vì bữa tối chúng tôi mới

dùng đến. Tôi xin thú thật rằng ngày hôm đó tôi thấy dài quá và nhiều lần tôi vào bếp mở trộm tấm khăn phủ chậu bột ra nhìn. Mẹ tôi gắt:

- Đừng mở! Bột mì bị lạnh vào không nở đâu!

Nhưng tôi thấy bột vẫn nở tốt. Nhiều chỗ phồng lên và trên mặt có thứ nước như nước dùng. Bột lên men sao mà thơm thế, nức mùi trứng và sữa. Mẹ tôi bảo:

- Con bẻ ẹ một ít củ vụn, để lửa cháy cho đượm và không có khói.

Không cần phải bảo đến hai lần, tôi vào bếp luôn vì đã nóng ruột lắm rồi. Trong giây lát, một ngọn lửa to đã bốc lên trong lò. Ánh sáng chiếu khắp căn bếp. Mẹ tôi liền lấy chảo ở trên tường xuống, đặt lên lò:

- Lấy bơ ẹ.

Tôi đem bơ ra, mẹ tôi lấy mũi dao xén một miếng bằng quả hồ đào và bỏ vào chảo, bơ chảy ra và kêu xèo xèo. A! Bơ thơm ngon quá vì đã lâu tôi không ngửi thấy mùi. Đồng thời, tôi lại được nghe một khúc nhạc vui tai do lửa reo và tiếng mỡ nổ tí tách trên lò.

Trong khi tôi chăm chú nghe những âm thanh đó, thì hình như có tiếng bước chân ngoài sân. Ai lại có thể đến ám bên ta trong giờ này? Có lẽ bà hàng xóm sang xin lửa chăng?

Nhưng tôi cũng chẳng để ý đến việc đó, vì mẹ tôi đang múc ở chậu ra một thìa bột trắng tinh đổ vào chảo. Lúc này không phải là lúc nghĩ đến chuyện khác.

Tiếng gậy chạm vào ngưỡng cửa, rồi bỗng nhiên cánh cửa mở toang ra. Không ngoảnh cổ lại, bà Bacboranh hỏi:

- Ai đấy?

Một người đàn ông bước vào. Nhờ ánh đèn đỏ, tôi trông rõ người đó mặc một cái áo blu trắng, tay chống chiếc gậy to. Người đó nói giọng chương chương:

- Đây cũng ăn lễ “Tuần chay” à? Cứ làm đi.

Mẹ tôi bắc chảo ra, vội kêu to:

- A! Ông đã về đấy à?

Xong mẹ tôi cầm cánh tay tôi, đẩy tôi lại chỗ ông ta, ông đứng dừng lại. Mẹ tôi bảo tôi:

- Cha con đấy!

2. Chương 02

Chương 02 - Người cha nuôi

Tôi lại gần định ôm hôn ông, nhưng ông lấy đầu gậy ngăn tôi lại và hỏi:

- Đứa này là đứa nào?

- Cu Rêmi đấy.

- Bà có bảo tôi là ...

- Có. Nhưng không phải, vì ...

- A! Không phải, không phải.

Ông giờ cao gầy, tiến lại phía tôi, tự nhiên tôi lùi lại.

Tôi đã làm gì? Tôi có lỗi gì? Tại sao lại có sự nhặt nhẻo khi tôi định đến hôn ông? Tôi không kịp suy nghĩ về việc đó, nó rối bời trong óc tôi, thì đã nghe ông nói:

- Nhà này cũng ăn lễ “Tuần chay”. Tốt lắm. Tôi đang đói bụng đây. Có gì ăn bữa tối không?
- Tôi đang làm bánh trắng.
- Bánh trắng, biết rồi. Nhưng không phải thứ đồ ăn dành ột người đã đi bộ hơn mười dặm đường.
- Vì nhà chẳng có gì. Mà tôi không biết ông về.
- Thế nào? Không còn gì? Không có gì ăn tối à? Ông nhìn xung quanh, rồi nói:
- Bơ kia thôi!

Rồi ông ngược mắt lên trần nhìn chỗ treo mỡ xưa nay, nhưng đã lâu cái móc vẫn để trống và dưới xà ngang có treo lơ thơ mấy nhánh tỏi và hành. Ông lấy gậy chọc mấy nhánh hành xuống và nói:

- Hành đây thôi. Độ năm, sáu củ và một chút bơ là đủ làm súp rồi. Bà hãy bỏ bánh ra, cho hành vào chảo phi thơm.

Lấy bánh ở chảo ra! Mẹ tôi không cưỡng lại. Trái lại, mẹ tôi răm rắp làm theo ý ông. Còn ông ngồi tốt trên ghế dài cạnh lò sưởi. Tôi không dám ra khỏi chỗ mà cái đầu gậy của ông đã đẩy tôi đến. Tựa vào cạnh bàn, tôi đứng nhìn ông. Ông trạc năm mươi tuổi, mặt phù, tướng người nghiêm nghị, đầu hơi vẹo do thương tích gây nên. Hình thù đó làm tôi khiếp sợ.

Mẹ tôi lại đặt chảo lên bếp. Ông nói:

- Làm súp bằng tí bơ thế thôi à?

Nói xong, ông tự cầm đĩa đồ cả cục bơ vào chảo. Thế là hết bơ và cũng hết theo cả bánh rán. Vào lúc khác thì chắc chắn tôi rất xúc động về tai họa đó, nhưng lúc ấy tôi không tưởng gì đến bánh rán, bánh sữa, mà chỉ nghĩ một điều là cái người có vẻ phũ phàng kia lại là cha tôi.

Cha ta, cha ta! Tôi lẩm bẩm tiếng đó trong mồm, như một cái máy. Ngày thường tôi không bao giờ tự hỏi để định rõ thế nào là một người cha. Tôi chỉ tưởng tượng cha là một người mẹ có tiếng nói ồm ồm mà thôi. Đến bây giờ, nhìn người cha tự trên trời rơi xuống kia, tôi đâm ra đau đớn, sợ hãi.

Tôi muốn đến hôn ông; ông đã cầm gậy ngăn tôi lại. Tại sao thế? Mẹ tôi không bao giờ gạt tôi ra khi tôi đến hôn người, mà còn bế tôi lên và ôm chặt vào lòng nữa. Chợt ông bảo tôi:

- Sao mà cứ đứng như tượng thế, rét lắm à? Ra dọn đĩa lên bàn đi.

Tôi vội vâng tuân lệnh. Súp đã nấu xong. Mẹ tôi múc ra các đĩa.

Ông liền rời góc lò sưởi đến bàn, ngồi vào bàn ăn, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn tôi. Tôi bối rối và lo quá đến nỗi không nuốt được. Tôi cũng nhìn ông, nhưng nhìn trộm thôi, mỗi lần gặp mắt ông, tôi lại cúi mặt xuống.

Chợt ông giơ thìa về phía tôi và hỏi:

- Thằng này ngày thường vẫn ăn hơn hôm nay chứ?
- Nó vẫn ăn được.
- Mặc xác nó. Nếu nó ăn ít đi thì càng tốt.

Tôi chẳng buồn nói gì. Mẹ tôi cũng chẳng hơn gì tôi. Bà lẳng lặng đi quanh bàn, chăm chú hầu chồng. Ông lại hỏi tôi:

- Thế mà không đói à?
- Không.
- Vậy đi ngủ đi. Cố ngủ ngay đi, nếu không, tao cáu tiết.

Mẹ tôi đưa mắt cho tôi, ngụ ý bảo phải nghe lời, không được phụng phịu. Nhưng sự dằn dò đó vô ích, vì tôi không nghĩ đến việc chống đối.

Cũng như nhiều nhà khác của người dân quê, căn bếp nhà tôi vừa là chỗ đun nấu, vừa là chỗ để ngủ. Gần lò bếp để những thứ dùng vào việc ăn: bàn, chạn, thùng đựng bánh. Đầu kia là tấm ghế nhựa. Một góc là chỗ mẹ tôi nằm. Góc đối diện là giường tôi ngủ có che tấm rèm đỏ. Tôi vội cởi áo ngoài và đi nằm. Còn ngủ, lại là một chuyện khác. Mệnh lệnh không thể bắt người ta ngủ được, người ta chỉ có thể ngủ được khi nào buồn ngủ và trong lòng yên tĩnh.

Thế mà, tôi không buồn ngủ, lòng tôi không yên, thì bảo rằng chợp mắt làm sao được? Hơn thế nữa tôi còn bứt rứt, buồn khổ. Người ấy là cha tôi à? Tại sao lại hắt hủi tôi như thế. Quay mặt vào tường, tôi cố xua đuổi những ý nghĩ đó trong đầu để ngủ đi theo lệnh của ông ta. Nhưng vô hiệu. Không những không ngủ được mà tôi lại càng thấy tỉnh táo hơn.

Một lúc khá lâu, tôi cũng không ước đoán được là bao nhiêu, tôi thấy có người đến gần giường tôi. Chân kéo lê, bước chậm chạp và nặng nề. Tôi biết ngay không phải là mẹ tôi. Một luồng hơi nóng thoáng qua tóc tôi. Rồi có tiếng hỏi:

- Mà ngủ chưa?

Tôi không trả lời, vì những tiếng “tao cáu tiết” còn văng vẳng bên tai tôi.

Mẹ tôi nói:

- Nó ngủ rồi. Tính nó thế, hễ nằm xuống là ngủ ngay. Ông cứ nói đi không sợ nó nghe thấy đâu.

Đáng lẽ tôi phải nói là tôi còn thức, nhưng tôi không dám, vì người ta đã ra lệnh cho tôi ngủ, mà tôi không ngủ là tôi có lỗi.

Mẹ tôi bắt đầu hỏi:

- Việc kiện của ông đã đi đến đâu rồi?

- Thua rồi! Các quan tòa quả quyết rằng tôi có lỗi đứng dưới giàn giáo và người chủ thầu không phải đền gì.

Nói xong, ông đâm mạnh xuống bàn và văng những lời thô tục. Ông nói:

- Kiện thua, tiền mất, chân què, cùng khốn. Đã thế, về đây lại còn trông thấy thằng bé con. Tại sao bà lại không làm theo lời tôi bảo?

- Vì tôi không thể làm được.

- Bà không thể đưa nó đến trại trẻ ờ?

- Tôi không nỡ đem ột đứa trẻ tôi đã nuôi bằng sữa của tôi và tôi yêu.

- Nhưng không phải con đẻ của bà.

- Mãi sau, tôi cũng định làm theo ông, nhưng lúc đó nó lại ốm.

- Ốm?

- Phải, nó ốm. Không phải là lúc đem nó đến trại trẻ ờ để giết nó. Phải không?

- Thế khi nó đã khỏi?

- Nó không khỏi ngay. Hết bệnh ấy lại đến bệnh khác. Nó ho, ho như xé ruột gan! ấy, chính vì bệnh đó mà thằng Nicolai nhà ta mất đấy. Nếu tôi đem thằng Rêmi ra tỉnh, tất nó cũng chết nốt.

- Nhưng về sau?

- Năm tháng qua. Tôi đã có công đợi đến ngày đó, thì tôi tưởng đợi ít nữa cũng chẳng sao.

- Hiện giờ nó bao nhiêu tuổi?

- Tám tuổi.

- Vậy thì năm nay lên tám, nó sẽ phải đi đến chỗ mà ngày trước người ta định cho nó.

- Ông ơi! Ông đừng làm thế.

- Đừng làm thế? Ai cấm tôi được? Bà tưởng nhà ta có thể giữ nó suốt đời?

Một lúc yên lặng. Tôi có thể thở được. Vì lúc này, nỗi cảm xúc đưa lên đến tận cổ, làm tôi nghẹt thở. Giấy lát sau, mẹ tôi lại cất tiếng:

- Pari đã làm thay đổi tính nết ông nhiều quá! Trước khi đi Pari, ông có nói với tôi như thế đâu?

- Có lẽ. Nhưng điều đích xác nhất là nếu Pari đã cải hóa tôi thì nó cũng đã bẻ què chân tôi. Bây giờ kiếm ăn thế nào được để nuôi tôi và nuôi bà? Nhà ta hết tiền rồi. Bò cũng bán rồi. Khi ta không còn gì để ăn, ta có còn nên nuôi một đứa trẻ không phải là con ta nữa hay không?

- Nó là con tôi.

- Không phải con bà, mà cũng chẳng phải con tôi. Không phải con trẻ nhà quê. Tôi đã ngắm kỹ lúc nó ăn cơm: nó gầy gò, lẻo khẻo, không có bắp tay, không có bắp chân.

- Đó là đứa trẻ đẹp nhất vùng này.

- Đẹp. Tôi không cãi. Nhưng phải mạnh mẽ. Nó có thể mài cái đẹp ra ăn được không? Nó là đứa trẻ tỉnh thành. Những trẻ tỉnh thành ở đây ta không cần đến.

- Tôi nói rằng nó là một đứa trẻ ngoan. Nó thông minh và có ý nghĩa. Nó sẽ làm việc cho ta.

- Trong khi chờ đợi, ta phải làm việc cho nó. Bà trông thân hình tôi, tôi không thể làm gì được nữa.

- Nếu cha mẹ nó đến đòi, ông sẽ ăn nói làm sao?

- Cha mẹ nó à? Không biết nó có cha mẹ không? Nếu có, người ta đã đi tìm rồi, đi tìm từ tám năm nay rồi còn gì. A! Tôi đã dại dột tưởng rằng một ngày kia, cha mẹ nó sẽ tìm, đến chuộc nó và trả công nuôi nó. Tôi chỉ là một thằng khờ, thằng xuẩn. Chỉ vì nó được bọc trong những cái tã viền ren, những cái tã đẹp đó không có nghĩa là cha mẹ nó sẽ đến tìm nó. Có lẽ họ đã chết rồi.

- Nếu họ còn sống, một ngày nào họ sẽ đến hỏi ta. Tôi yên trí rằng thế nào họ cũng đến.

- Ồ! Đàn bà hay nói bướng! Muốn cái gì cứ muốn giữ khư khư.

- Nếu họ đến thực?

- Tôi cho nó vào trại trẻ rơi. Vấn tất có thể thôi. Việc đó cũng làm cho tôi buồn, nhưng bắt buộc phải làm. Sáng mai tôi dẫn nó đến nhà xã trưởng. Bây giờ tôi đến thăm bác Phrăngxoa. Khoảng một tiếng tôi sẽ về.

Cánh cửa mở ra rồi đóng lại. Ông Bacơơơơ đã đi chơi. Bây giờ, tôi ngồi nhồm dậy, gọi luôn:

- Mẹ ơi!

Bà chạy đến bên giường tôi:

- Mẹ có để cho con vào trại trẻ rơi không?

- Không, Rêmi của mẹ ạ. Không đâu!

Rồi bà hôn tôi và ôm chặt tôi vào lòng. Sự âu yếm đó làm cho tôi vững dạ thêm. Tôi không khóc nữa. Bà dịu dàng hỏi tôi:

- Thế con không ngủ à?

- Không phải lỗi tại con.

- Mẹ có mắng con đâu. Vậy con đã nghe được tất cả những lời của ông Giêrôm.

- Vâng, mẹ không để ra con, mà ông ấy cũng không phải cha con.

Tôi nói những câu đó không cùng một giọng, vì tôi thất vọng biết bà không phải là mẹ tôi, nhưng tôi rất sung sướng có phần hãnh diện, thấy ông ấy không phải là cha tôi, vì có sự tương phản trong tình cảm của tôi, nó lộ ra trong tiếng nói. Nhưng mẹ tôi không tỏ vẻ gì là đã biết tâm trạng của tôi. Mẹ tôi nói:

- Lắm lúc mẹ cũng muốn nói cho con biết sự thật, nhưng con chẳng khác gì con mẹ, nên chẳng lẽ bỗng dưng nói ra. Con ơi! Người mẹ sinh con ra, như con đã nghe thấy, không biết ở đâu. Hiện nay còn sống hay đã chết? Cũng chẳng ai biết. Một buổi sáng kia, ở Pari, khi ông Giêrôm đi làm qua đại lộ Brétot, một con đường rộng, hai bên trồng cây, bỗng ông nghe thấy tiếng con trẻ khóc. Những tiếng đó hình như từ một khuôn cửa vòm nọ vọng ra. Lúc đó là tháng Hai. Trời mờ sáng. Ông nhìn chung quanh xem có ai để hỏi, thì ông thấy một người đàn ông ở sau một gốc cây to chạy ra, rồi trốn mất. Chắc hẳn, người đó đợi xem hễ có ai đi qua nhìn thấy đứa trẻ mà hẳn đã bỏ ở cửa vườn là hẳn trút được gánh nặng. Ông Giêrôm cuống quýt, vì đứa trẻ càng khóc già, hình như nó thấy dịp may đã đến, phải bám lấy, không bỏ lỡ dịp. Trong khi ông Giêrôm đang suy nghĩ không biết làm thế nào thì đám thợ khác cũng đến nơi. Người ta bàn tán, rồi đưa đứa trẻ về sở cảnh binh. Đứa trẻ vẫn cứ khóc hoài. Nó rét chẳng? Nhưng ở văn phòng cảnh sát trưởng ấm lấm. Có lẽ nó đói thì đúng hơn. Người ta tìm một bà hàng xóm gần đấy đến cho nó bú. Nó vồ lấy vú. Nó đói thật. Lúc bấy giờ, người ta mới cởi áo nó ra bên lò sưởi. Thì ra là một đứa con trai độ năm, sáu tháng, hồng hào, to mập, trông rất khá khinh. Những tã và khăn bọc đứa bé chứng minh rõ ràng đó là con nhà giàu. Đó là lời giải thích của ông cảnh sát trưởng. Phải làm gì bây giờ? Sau khi đã ghi tất cả những lời khai của ông Giêrôm, tả hình dạng đứa bé cùng những khăn, tã không mang dấu hiệu, ông cảnh sát trưởng bảo: trong những người hiện diện, nếu không ai muốn nhận nó về nuôi, thì ông đưa nó vào trại trẻ rơi. Cha mẹ nó tất nhiên sẽ phải tìm ra nó và sẽ trọng thưởng người đã có công nuôi nấng nó. Ông cảnh sát trưởng nói xong, ông Giêrôm tiến ra xin nó mang về nuôi. Người ta giao nó cho ông ẵm về. Ngày ấy, mẹ cũng có một đứa con trai bằng tuổi con. Nhưng mẹ cũng chẳng ngại nuôi cả hai đứa. Do đó, ta thành mẹ con.

- Ôi! Mẹ ơi!

- Không may đứa con của mẹ nuôi được ba tháng thì mất. Bấy giờ mẹ lại thương con nhiều hơn. Mẹ quên hẳn rằng con không phải là con đẻ. Nhưng khốn nỗi, ông Giêrôm lại không quên như thế. Thấy được ba năm rồi không ai đến tìm con, ông muốn đưa con vào trại trẻ rơi. Con đã nghe tại sao mẹ không nghe lời ông bảo. Tôi vừa nắm chặt lấy mẹ vừa kêu:

- Mẹ ơi! Con không đi trại đâu! Đừng đưa con đi trại trẻ rơi! Con lạy mẹ!

- Không, con ơi! Con không phải đi đâu. Mẹ sẽ thu xếp. Ông Giêrôm không phải là người ác. Coi đó: chỉ vì lo lâm vào cảnh cùng quẫn, vì buồn mà ông sinh ra nóng nảy đó thôi. Mẹ sẽ đi làm. Con cũng sẽ đi làm.

- Vâng, mọi việc đều được, chỉ trừ việc đi trại trẻ rơi.

- Con sẽ không phải đi, nhưng với một điều kiện là con phải đi ngủ ngay. Đừng để ông ấy về trông thấy con còn thức.

Sau khi đã hôn tôi, mẹ nâng đầu tôi lên cho quay mặt vào tường. Tôi không muốn ngủ ngay, nhưng lòng tôi bị xáo động, óc tôi bộn bề quá, nên khó mà thư tâm được, khó mà ngủ được. Như vậy, người rất tốt, rất thương tôi như thế lại không phải là mẹ tôi. Thế thì một người mẹ thật sẽ thế nào? Tốt hơn bà mẹ tôi bây giờ và thương tôi hơn hay sao? Ồ! Không, không thể có được. Nhưng cứ theo óc suy nghĩ của tôi lúc bấy giờ thì một người cha thế nào cũng không tàn nhẫn như ông Giêrôm và quyết không bao giờ gậy lên và nhìn tôi bằng con mắt lạnh lùng như thế. Ông muốn đem tôi cho trại trẻ rơi. Liệu mẹ tôi có thể giữ được không? Mà trại trẻ rơi là cái gì?

Trong làng có hai đứa trẻ mà người ta thường gọi là “trẻ trại”. Mỗi đứa đeo một chiếc lác bằng chì có khắc chữ số ở cổ. Chúng ăn mặc rách rưới và bẩn thỉu. Trẻ con trong làng thường chế giễu, đánh đập chúng. Có đứa độc ác hơn, xua đuổi chúng như những con chó lạc để nó đùa, cũng bởi những con chó lạc không có người che chở. Chao ôi! Tôi không muốn như những đứa trẻ đó. Tôi không muốn có số đeo ở cổ, tôi không muốn có những đứa trẻ chạy theo tôi và kêu: “Vào trại đi! Vào trại đi!”.

Nghĩ tới đó, tôi phát rét lên, hai hàm răng run cầm cập. Tôi không ngủ được. Mà ông Giêrôm cũng sắp về. May sao, ông không về đúng giờ hẹn. Và cái ngủ đã đến với tôi trước khi ông về.

3. Chương 03

Chương 03 - Gánh xiếc rong của ông Vitali

Đêm trước tôi đã mê man trong một cơn ác mộng đầy sợ hãi lo âu, nên sáng dậy, cử chỉ thứ nhất của tôi là sờ lại giường, nhìn những vật xung quanh nhà để yên trí là trong đêm, người ta không bế tôi đi nơi khác.

Suốt buổi sáng hôm đó, ông Giêrôm không nói gì. Tôi tưởng rằng dự định đem tôi đi trại trẻ rơi đã bỏ rồi. Có lẽ, mẹ tôi đã nói được cho tôi ở lại. Nhưng đến trưa, ông Giêrôm bảo tôi đội mũ và theo ông. Sợ quá, tôi đưa mắt nhìn mẹ để cầu cứu. Nhưng bà ra hiệu cho tôi phải tuân lời, đồng thời, bàn tay bà đưa đi đưa lại, ngụ ý bảo không việc gì mà sợ. Không nói năng gì, tôi bước ra theo ông.

Con đường từ nhà tôi vào trong làng khá xa, phải đi đến một giờ. Trong lúc đi đường, ông không hề nói với tôi một câu nào. Ông bước khập khiễng, cổ cứng đờ, thỉnh thoảng quay cả hai vai lại nhìn xem tôi có còn theo nữa không.

Ông định đưa tôi đi đâu?

Câu hỏi này làm tôi buồn, mặc dầu bàn tay của mẹ tôi đã ra hiệu cho tôi cứ vững lòng, và muốn thoát cái tai họa tuy không trông thấy, nhưng đã cảm thấy, tôi định chạy trốn. Vì thế, tôi có ý chùn lại đằng sau. Khi nào cách xa ông, tôi sẽ nhảy xuống cái hào bên đường rồi trốn đi, ông không thể nào đuổi kịp tôi được.

Ban đầu, ông bảo tôi bước theo gót chân ông. Nhưng sau, có lẽ đoán được ý định của tôi, ông liền cầm cánh tay dắt đi. Tôi chỉ còn cách theo ông thôi. Hết nhóc nhách. Chúng tôi cứ đi như thế vào tới trong làng. Trên đường, mọi người đều quay lại nhìn chúng tôi, vì lúc đó tôi lệch thếch như con chó hay cần càn bị xích cổ lôi đi.

Khi chúng tôi đi qua một hàng cà phê, một người đàn ông đứng ở cửa gọi và mời ông Giêrôm vào. Ông liền cầm tay tôi kéo lên và đẩy vào trước. Ông vào sau, rồi đóng cửa lại. Tôi thấy dễ thở. Hiệu cà phê có vẻ không phải là một nơi nguy hiểm, vả lại đã từ lâu, khi qua hiệu này, tôi rất muốn vào xem.

Quán cà phê Đức Bà! Không biết đó là gì? Đã bao nhiêu lần tôi tự hỏi thế. Tôi thường trông thấy những người ở quán ra, mặt đỏ gay, chân lão đảo. Khi đi qua cửa, tôi thường nghe thấy tiếng kêu, tiếng hát làm rung cả cửa kính. Người ta làm gì trong đó? Sau bức màn đỏ có những trò gì? Bây giờ tôi sắp được trông thấy.

Trong góc đối diện với góc tôi ngồi, có một ông già, cao lớn, râu bạc, mặc một bộ quần áo kỳ dị chưa từng trông thấy bao giờ. Đầu đội một cái mũ phớt ầu ầu xám có cắm những chiếc lông xanh đỏ; mấy chùm tóc dài thông xuống tới vai. Một thứ áo trấn thủ bằng da cừu lông quay vào trong, bó chặt lấy người. Chiếc áo đó không có tay, ở hai lỗ hổng trên vai thò ra hai ống tay bằng nhung lam đã bạc màu. Đôi ủng lớn bằng len cao lên đến tận đầu gối, buộc những dây vải đỏ quấn chéo nhiều lần chằng chịt.

Ông già ngồi trên ghế tựa, khuỷu tay chống lên đầu gối co lại, bàn tay đỡ lấy cằm. Chưa bao giờ tôi trông thấy một người sống lại có bộ dạng ngay đờ như thế, chẳng khác chi một pho tượng trong nhà thờ.

Ở gần ghế ông già ngồi, có ba con chó đang nằm nép vào nhau cho ấm, không động đậy: một con chó trắng, một con chó xù đen và một con chó cái nhỏ lông xám, vẻ tinh khôn và dịu dàng. Con chó trắng đội một cái mũ cảnh sát có dây da buộc xuống cằm.

Khi tôi tò mò nhìn ông già, thì ông Giêrôm và chủ quán nói nhỏ với nhau. Tôi nghe thấy họ đang nói về chuyện tôi. Ông Giêrôm kể lại rằng ông ấy đang định đưa tôi đến nhà xã trưởng nhờ ông này nói với trại trẻ xin một món trợ cấp để nuôi tôi. Điều này chắc mẹ tôi đã được biết rồi, và tôi hiểu ngay rằng nếu Giêrôm nuôi tôi có lợi, thì tôi không lo sợ gì nữa.

Ông già như không để ý đến chuyện của hai ông kia, nhưng đã nghe được tất cả. Chợt ông giơ tay về phía tôi và hỏi ông Giêrôm:

- Có phải thằng bé này nó làm ông lúng túng?

- Chính nó!
- Phải, vì nó không có cha và tôi nuôi nó. Phải có người trả tiền cho nó thì mới công bằng chứ?
- Ông tưởng rằng ban quản trị trại trẻ rơi quận sẽ trả tiền tháng cho ông chẳng?
- Hẳn chứ. Tôi tưởng cái đó là công bằng.
- Tôi không nói là không. Nhưng ông tưởng rằng bất cứ cái gì gọi là công bằng đều được thực hiện cả, phải không?
- Điều đó tất nhiên là không rồi.
- Theo ý tôi, không đời nào ông lại xin được tiền trợ cấp.
- Thế thì cho nó vào trại trẻ rơi. Chẳng có luật nào lại bắt tôi nuôi nó suốt đời, nếu tôi không muốn chứa nó nữa.
- Ngày xưa, ông đã bằng lòng nhận nó về, thế là ông đã cam kết giữ nó.
- Tôi sẽ không giữ nó nữa. Khi nào tôi cần cho nó ra đường mà còn kiếm được chút ít nữa kia!
- Nếu ông mách tôi cách đó, tôi xin đãi ông một chai rượu và thết một cách vui lòng.
- Gọi rượu đi! việc của ông tất xong.
- Chắc không?
- Chắc chắn.

Ông già bỏ ghế tựa, lại ngồi đối diện với ông Giêrôm. Lạ lùng quá, khi ông đứng dậy, có vật gì lung búng trong áo da cừu của ông: tôi đoán trong đó có con chó con. Ông sắp nói gì? Có chuyện gì sắp diễn ra? Tôi nhìn theo ông, lòng xúc động nặng nề.

- Ý ông muốn rằng thằng bé này không được ăn ở nhà ông nữa, hoặc nếu nó cứ tiếp tục ăn thì người ta phải trả tiền ông, có phải thế không?
- Đúng thế, vì rằng...
- Khỏi “vì rằng”. Ông phải biết nguyên nhân đó vô ích đối với tôi, tôi không cần biết tới nguyên nhân. Chỉ cần biết ông không muốn nuôi nó nữa là đủ rồi. Nếu vậy, ông cho tôi, tôi nuôi.
- Cho ông?
- Thì ông muốn trút gánh nặng mà!
- Cho ông một đứa trẻ như thế này, một đứa bé đẹp. Quả nó là một đứa bé đẹp, ông hãy nhìn xem.
- Tôi đã nhìn rồi.
- Rêmi, con lại đây.

Tôi bước run run đến cạnh bàn, ông già nói:

- Lại đây, con đừng sợ.

Ông Giêrôm nói tiếp:

- Ông nhìn lại xem.
- Tôi không bảo nó xấu. Nếu nó xấu, tôi không cần đến. Nuôi những quái thai không phải việc của tôi.
- Nhưng nếu là những quái thai hai đầu, hay là một thằng lùn.
- Thì ông đã không đuổi nó vào trại trẻ rơi. Ông phải biết một quái thai có thể có giá trị, nếu người ta biết lợi dụng, hoặc cho gánh hát thuê, hoặc tự mình khai thác lấy. Nhưng mà thằng bé này không phải quái thai, mà cũng không lùn, nó được cấu tạo như tất cả mọi người, thành ra nó không được tích sự gì.
- Được việc làm lụng chứ!

- Nó yếu quá.

- Nó yếu à? Nhìn lại xem. Nó khỏe như những đứa lành mạnh. Ông trông đôi chân nó kia, không có đôi chân nào thẳng thắn hơn.

Ông Giêrôm vừa nói vừa vén quần tôi lên. Ông già chê:

- Mảnh dẻ quá!

Ông Giêrôm nói:

- Còn hai cánh tay nữa.

- Tay cũng như chân, tạm được, nhưng không chịu đựng được nhọc nhằn gian khổ.

- Nó không chịu đựng được à? Ông nắn những bắp thịt nó xem.

Ông già đưa bàn tay xương xẩu ra sờ nắn những bắp chân tôi, rồi lắc đầu bĩu môi. Tôi đã từng chứng kiến một tấn kịch tương tự. Khi người lái đến mua bò nhà tôi. Người lái đó cũng sờ, cũng nắn. Người lái đó cũng lắc đầu, bĩu môi nói: Không phải giống bò tốt và không thể bán lại được. Rồi rút cục lại, cũng mua, cũng dắt đi. Ông già này không biết rồi có mua tôi và dắt tôi đi không? Mẹ ơi! Khổ thân con quá! Mẹ ơi!

Mẹ tôi nào có ở đó để bênh tôi.

Nếu tôi dám thì tôi đã kêu lên rằng: đúng đấy, mới ngày hôm qua đây ông Giêrôm vẫn chê tôi là yếu ớt không có bắp tay, không có bắp chân, nhưng tôi hiểu rằng câu nói leo đó chỉ chuốc cho tôi những cái tát, nên tôi đành câm miệng. Ông già nói:

- Nó là một đứa trẻ như tất cả những đứa trẻ khác, không có gì lạ. Nhưng nó là trẻ thành phố. Trẻ thành phố không bao giờ thích hợp với việc nhà nông. Ông thử cho nó theo cày để thúc bò xem nó chịu đựng việc đó được bao lâu?

- Mười năm.

- Không chắc được lấy một tháng.

- Ông nhìn lại xem!

- Ông cứ nhìn lấy!

Tôi đứng ở bên bàn, giữa ông Giêrôm và ông già, bị xô đi đẩy lại, ngấm nghĩa nhiều lần. Sau cùng ông già nói:

- Dù thế, tôi cũng thuận. Nhưng tôi chỉ bằng lòng thuê, chứ không mua nó. Mỗi năm tôi trả ông hai mươi phơ rắng.

- Hai mươi phơ rắng!

- Đó là giá hời và tôi trả tiền trước. Ông nhận bốn đồng bạc năm đồng này, ông sẽ trút được một cái nợ.

- Nhưng nếu tôi giữ nó lại, trại trẻ rơi sẽ trả cho tôi một tháng hơn mười phơ rắng cơ.

- Bấy, cùng lắm là tám thôi, tôi đã biết giá, mà ông còn phải nuôi nó nữa.

- Nó sẽ làm được việc.

- Nếu ông biết nó làm được việc, thì ông đã không ruồng bỏ nó. Không phải vì tiền trợ cấp của trại trẻ rơi mà người ta thường xin những trẻ mồ côi ra, cái chính là vì công việc chúng làm. Người ta dùng chúng làm dây tó, những đứa dây tó trả tiền ăn cho chủ và không được lĩnh công. Nếu thằng bé này có thể làm được việc thì ông cứ giữ nó lại.

- Dù sao, tôi vẫn sẽ được mười phơ rắng.

- Nếu trại trẻ rơi đáng lẽ để nó cho ông, lại lấy về giao cho người khác, có phải ông không được gì không? Có phải là ông vẫn bấp bênh không? Nếu giao dịch với tôi, ông không e ngại gì, ông chỉ có việc chìa tay ra lấy tiền.

Nói xong, ông móc ở túi ra một cái ví da, và lấy bốn đồng bạc trắng xĩa lên mặt bàn kêu loong coong.

Ông Giêrôm nói:

- Ông nên biết rằng, ngày một ngày hai, thằng bé này sẽ có cha mẹ.
- Ích gì cho tôi?
- Có lợi cho người nuôi chứ! Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về.

Câu nói của ông Giêrôm: " Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về" làm cho tôi khinh ghét ông ta vô cùng. Thực là con người tham ác.

Ông già nói:

- Chính ông đợi mãi, món lợi ấy không đến, nên ông mới định đuổi nó ra đường. Sau này, nếu cha mẹ nó đến thật thì họ hỏi ai? Chắc là hỏi ông chứ hỏi gì tôi, người ngoài cuộc.
- Nếu chính ông gặp cha mẹ nó trước?
- Thế thì chúng ta giao ước rằng một ngày kia cha mẹ nó tìm đến thì món lợi phải chia đôi. Đồng ý thế tôi trả ông lên ba mươi phơ rắng.
- Đúng bốn mươi phơ rắng.
- Không. Công việc mà nó sẽ giúp tôi không đáng món tiền đó.
- Nào, những việc gì nó sẽ giúp ông? Muốn chân tốt thì chân nó tốt, muốn tay tốt thì tay nó tốt. Tôi nhất định giữ giá đó. Thế ông bảo nó thích hợp việc gì cho ông?

Ông già nhìn ông Giêrôm vẻ giễu cợt, nhấp nhấp cốc rượu rồi nói:

- Để cùng đi với tôi cho có bạn. Tôi có tuổi rồi, đôi khi sau một ngày đi rong nhọc mệt, chiều xuống, gió lạnh, mưa sa, tôi thường cảm thấy cô đơn, có nó tôi sẽ khuây lòng.
- Chắc hẳn vì thế mà chân phải cứng?
- Nó sẽ phải nhảy, phải múa, phải đi. Đi rồi lại nhảy, tóm lại là nó sẽ nhập vào đoàn xiếc của ông bầu Vitali.
- Thế đoàn ấy ở đâu?
- Ông bầu Vitali là tôi. Còn đoàn của tôi, nếu ông nghi ngờ thì tôi xin giới thiệu ngay, chắc là ông cũng muốn biết.

Nói xong, ông mở cái áo da cừu, lấy ra một con vật lạ, ôm vào ngực. Chính con vật đó, nhiều lần tôi thấy nó lùng búng trong áo ông mà tôi tưởng lầm là con chó con. Con vật đó là con vật gì? Có phải là con vật không? Tôi không tìm được tên để gọi con vật kỳ lạ đó, vì tôi mới trông thấy lần đầu tiên, hai tay và hai chân nó để trần, vì chính nó có hai tay và hai chân, chứ không phải những cẳng như những con vật khác, nhưng da tay và da chân nó đều đen, chứ không trắng hoặc hồng. Đầu nó cũng đen và to hơn nắm tay tôi. Mặt thì rộng và ngắn, mũi hếch có hai lỗ cách nhau, môi vàng. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất là hai con mắt nó gần nhau, mở trừng trừng và sáng như gương. Ông Giêrôm kêu:

- A! Con khỉ!

Tiếng đó làm cho tôi bất sợ, vì tôi chưa bao giờ trông thấy khỉ, nhưng đã nghe nói đến nó một đôi lần. Vậy không phải là thằng bé tí hon đen sì đứng trước mặt tôi, mà là con khỉ. Ông Vitali nói:

- Con này là đầu trò của đoàn tôi. Giôlicơ ơi! Con ra chào công chúng đi!

Giôlicơ đưa tay lên môi và gửi cho chúng tôi một cái hôn. Ông Vitali lại lấy tay vẫy con chó xù trắng. nói:

- Bây giờ, chú Capi rất hân hạnh được giới thiệu các bạn của chú trước quý khán giả có mặt tại đây.

Con chó xù trắng, từ nãy vẫn nằm im, vùng dậy, đứng bằng hai chân sau, hai chân trước khoanh vào ngực, cúi chào chủ nó, cúi thấp quá đến nỗi cái mũi cảnh binh chấm đất. Thi lễ xong, Capi quay vào phía các bạn,

một tay vẫn để ngang ngực, một tay ra hiệu. Hai con chó khác, đã tức trực, liền đứng dậy, cầm tay nhau như kiểu người ta dắt nhau - tiến lên sáu bước, rồi lại lùi xuống ba bước cúi chào mọi người. Ông Vitali nói:

- Con mà tôi gọi là capi, có nghĩa là chỉ huy, nó là sếp của những con chó kia. Nó thuộc giống chó Ý, rất thông minh, có nhiệm vụ truyền lệnh của tôi cho các bạn nó. Con lông đen kia, trắng kiện và phong nhã, nên gọi là Decbinô. Còn con thứ ba, một con chó cái giống Anh, vẻ nhũn nhặn và dịu dàng rất xứng đáng với cái tên Đônxơ. Với những tên đồ đệ lỗi lạc hiếm có này, tôi ngao du ngày tháng để sinh nhai, khi dồi dào, khi eo hẹp, tùy theo cái may rủi của số phận. Capi! Capi đứng khoanh hai chân trước lại. Chú lại gần đây. Tôi yêu cầu chú phải ngoan vì đây toàn là những nhân vật có giáo dục mà tôi phải giữ lễ, phải ngoan để bảo cho cậu bé đang đứng nhìn chú bằng đôi mắt tròn như hai hòn bi kia biết bây giờ là mấy giờ.

Capi bỏ hai chân xuống, tiến đến gần chủ, mở cái áo da cừu, lấy cái đồng hồ quả quýt, to tướng bằng bạc ra, nhìn vào mặt đồng hồ, rồi ăng ăng hai tiếng thật to và ba tiếng nhỏ hơn. Lúc đó, đúng hai giờ ba khắc. Ông Vitali nói:

- Tốt lắm! Cảm ơn chú Capi. Bây giờ yêu cầu chú mời cô Đônxơ ra trình bày tài nhảy dây của cô một chút.

Capi liền bới túi áo ông già lấy ra một cuộn dây. Nó ra hiệu cho Decbinô. Con này chạy ra đứng một bên. Capi ném cho nó một đầu dây. Rồi cả hai con cầm dây quay lên thả xuống. Khi dây quay đều tay, Đônxơ nhảy vào trong vòng và nhảy lên, hạ xuống dịu dàng, mắt nhìn chủ. Ông già nói:

- Đây ông xem. Đám học trò tôi rất thông minh. Nhưng khiếu thông minh đó cần được so sánh thì mới có giá trị rõ rệt. Vì thế, tôi muốn lấy thằng bé vào đoàn của tôi. Nó sẽ đóng vai đàn độn. Óc thông minh của đám học trò tôi sẽ được nổi bật lên.

Ông Giêrôm hỏi: - Ô! Để đóng vai ngu dốt?

Ông Vitali nói tiếp:

- Phải có trí khôn. Tôi chắc rằng thằng bé này không chịu kém, nếu nó được huấn luyện. Ta có thể tìm ngay bằng chứng được. Nếu nó thông minh, nó hiểu ở với ông bầu Vitali, nó sẽ được đi ngao du khắp nước Pháp và các nước khác nữa, được sống một đời tự do, không phải theo sau con bò, quanh năm suốt tháng không phải dầm dãi ở cánh đồng. Còn như nó kém thông minh, thì nó phải khóc, nó kêu. Mà ông bầu Vitali rất ghét những đứa trẻ hư, ông không cần cho nó theo. Lúc đó, đứa hư sẽ phải vào trại trẻ rơi để ăn ít và lam nhiều.

Tôi cũng đủ thông minh để hiểu những câu nói ấy, nhưng từ chỗ hiểu đến chỗ làm được có một quãng ghê gớm khó qua. Hiển nhiên là đám học trò của ông Vitali ngộ thật, vui thật và được đi ngao du luôn luôn cũng là cái thú. Nhưng đi theo họ thì phải lìa mẹ tôi. Nếu tôi không chịu đi, có lẽ tôi cũng không còn được ở với mẹ tôi nữa. Người ta sẽ đưa tôi vào trại trẻ rơi.

Óc tôi rối bời, nước mắt tôi giàn giụa. Chợt ông Vitali lấy đầu ngón tay khê đập vào má tôi và nói:

- Thế là thằng bé này đã hiểu, vì nó không kêu. Nó đã biết lẽ phải, và ngày mai ...

Tôi kêu lên:

- Ông ơi! Để con ở nhà với mẹ con. Con xin ông tha cho con.

Tôi đang nói, con Capi kêu ầm lên át cả tiếng tôi. Nó vừa cắn vừa nhảy lên bàn chỗ con Giôlicơ ngồi. Con này thừa dịp mọi người quay lại nhìn tôi, bưng cốc rượu còn đầy của chủ lên uống. Nhưng Capi là một trật tự viên tinh mắt, đã nhìn thấy con khỉ uống vụng và là một đầy tớ trung thành, nó đã chạy đến ngăn kịp thời.

Ông Vitali bảo con khỉ:

- Giôlicơ, mi đã tham lam và ăn cắp. Lại ngay góc kia đứng quay mặt vào tường. Còn Decbinô, hãy lại canh nó cho ta. Nếu nó động dậy sẽ cho nó cái tát. Còn Capi, tốt lắm. Đưa chân cho ta bắt nào.

Con khỉ chạy ngay vào góc tường, tiếng kêu chín chít. Còn con chó vẫy đuôi sung sướng, giơ chân cho chủ bắt.

Ông Vitali nói tiếp với ông Giêrôm.

- Ta hãy trở lại câu chuyện ban nãy. Tôi xin đưa ông ba mươi phơ rắng.

- Không được. Đúng bốn mươi phơ rắng.

Cuộc bàn cãi bắt đầu. Ông Vitali ngừng lại nói:

- Thằng bé này đứng đây mãi, có vẻ buồn. Nên cho ra ngoài sân chơi một lát.

Đồng thời ông đưa mắt cho ông Giêrôm. Ông Giêrôm bảo:

- Phải đấy. Cho mày ra sân. Khi nào gọi mới được vào. Nếu không nghe, tao cẩu tiết đấy.

Ra sân, tôi không còn bụng dạ nào mà chơi được. Tôi ngồi trên một hòn đá, tư lự. Cái số phận của tôi đang được định đoạt trong giờ phút này. Nó sẽ ra sao? Cái rét và cái lo âu làm cho tôi gai người.

Ông Vitali và ông Giêrôm bàn cãi lâu lắm, vì hơn một giờ sau, ông Giêrôm mới ra sân. Ông lững thững ra sân một mình. Ông định dắt tôi giao cho ông Vitali chẳng?

Ông bảo tôi: Thôi, đi về nhà.

Về nhà! Có lẽ tôi không phải xa mẹ tôi nữa. Tôi định hỏi ông Giêrôm, nhưng không dám vì ông có vẻ buồn thiu. Đường về lằng lằng. Nhưng khi còn mười phút nữa trước khi tới nhà, ông Giêrôm dừng bước, quay lại kéo tai tôi thật đau và dặn rằng:

- Về nhà, nếu mày bép xép, nhắc lại những điều mà mày đã nghe thấy ở quán cà phê thì mày chết với tao. Nghe chưa?

4. Chương 04

Chương 04 - Nhà mẹ tôi

Khi chúng tôi vừa bước chân về đến nhà, thì mẹ tôi hỏi ngay.

- Thế nào? Ông xã trưởng bảo sao?

- Tôi không đến trụ sở xã.

- Sao không đến?

- Không đến, vì tôi gặp mấy ông bạn ở quán cà phê Đức Bà giữ lại ngồi chơi. Khi ở đấy ra thì muộn quá. Để mai đi vậy.

Như vậy, ông Giêrôm đã thôi việc giao dịch với ông già có đàn chó rồi.

Trên đường về, nhiều lần tôi tự hỏi, chắc là lại có mưu mẹo gì đây. Nhưng nghe câu cuối cùng ông vừa nói, thì tôi yên tâm và không ngờ vực gì nữa. Vì ngày hôm sau, chúng tôi lại phải đến trụ sở xã, thì chắc chắn rằng ông Giêrôm đã bỏ việc bán tôi cho ông Vitali.

Mặc dầu ông Giêrôm đã đe dọa tôi, nếu được lúc thuận tiện thế nào tôi cũng kể lại chuyện ẹ tôi nghe. Nhưng suốt cả buổi chiều, ông Giêrôm không đi đâu cả. Tối đến, tôi phải đi ngủ, tiếc không sao có dịp nói với mẹ tôi được.

Tôi lên giường ngủ, định tâm đến hôm sau thế nào cũng nói ẹ tôi hay.

Nhưng sáng hôm sau, khi tôi dậy thì không thấy mẹ tôi đâu cả.

- Mẹ ơi!

- Bà ấy vào làng đến chiều mới về.

Tôi không hiểu sao sự vắng mặt của bà làm cho tôi lo âu ghê gớm. Hôm qua, bà không nói là hôm nay có việc phải vào làng. Sao bà không đợi chúng tôi cùng đi, vì trưa nay ông Giê-rôm sẽ đưa tôi đến chỗ xã trưởng? Trước khi chúng tôi đi không biết bà có kịp về không?

Một sự sợ hãi mơ hồ làm hồi hộp trái tim tôi. Không biết rõ cái nguy hiểm đang đe dọa tôi là gì, nhưng tôi cảm thấy có một tai nạn sắp xảy đến cho tôi. Ông Giê-rôm cứ chòng chọc nhìn tôi.

Tôi phải ra vườn lánh mặt ông ta.

Cái vườn đó, không to lắm nhưng đối với nhà tôi, rất có giá trị vì chính nó nuôi chúng tôi, trừ lúa mì ra, hầu hết các thức ăn hàng ngày, nào khoai, đậu, nào bắp cải, củ cải trắng, đỗ... Vì thế, không một tấc đất nào bỏ không. Thế mà mẹ tôi cũng dành cho tôi một góc nhỏ để trồng những củ, những cây, những rêu mà tôi nhặt ở rìa rừng hay ở bờ gậu khi đi chăn bò, tất cả những thứ đó được cắm dày đặc trong góc vườn của tôi.

Vườn của tôi không phải là một hoa viên với những lối đi rải sỏi, với những luống hoa xinh đẹp mà những khách qua đường phải dừng chân bên hàng gậu xen đều để ghé trông. Nhưng tôi thấy nó đẹp và quý nó vì nó là của tôi, của riêng tôi.

Mùa hè trước, tôi kiếm được ít hạt giống về trồng. Tính đến mùa xuân tới thì mới nở hoa. Nhưng đó là những giống hoa sớm, nên không đợi hết mùa đông, nó đã lần lượt khai hoa. Tính tò mò của tôi lúc này càng được kích thích. Cây trường thọ đã có nụ vàng. Cây tử đinh hương đã đâm mấy cành chỉ chít những điểm tím tím. Và trong đám lá của cây ngọc trâm nụ trở lên mấy búp như sắp nở tung ra. Tôi thích thú vô cùng.

Nhưng còn một khoảng vườn mà tôi lưu tâm nhất là chỗ tôi đã trồng một thứ cây lạ, không có ở vùng này, mà người ta đã cho tôi, đó là cây cúc-vu. Người ta đã bảo giống cây này có những củ như khoai tây, nhưng thơm ngon hơn. Những hứa hẹn tốt đẹp đó đã khiến tôi nảy ra một ý là sẽ làm ẹ tôi một bữa phải ngạc nhiên. Vì thế tôi không nói gì ẹ tôi biết. Nó có nảy mầm, mọc lá, mẹ tôi sẽ tưởng là một giống hoa. Rồi đến ngày nào đó có củ, nhằm lúc mẹ tôi vắng nhà, tôi bới lên, làm món súp tân kỳ - tôi chưa nấu súp bao giờ, nhưng chắc cũng dễ - và múc ra đĩa.

Ai sẽ phải ngạc nhiên? Mẹ tôi.

Ai sẽ được vui sướng? Mẹ tôi.

Thế là chúng tôi có một món ăn mới thay ón khoai thường xuyên và mẹ tôi cũng bớt đau khổ về việc bán con Russet tôi nghiệp. Người sáng chế ra món ăn đó là tôi, là Rêmi. Như vậy tôi cũng có ích cho gia đình tôi đấy chứ.

Với dự định lớn lao ấy, ai cũng hiểu rằng tôi chăm chú đến cây cúc-vu biết là dường nào. Ngày nào tôi cũng ra xem nó đã mọc đến đâu. Vì tôi nóng lòng chờ đợi, nên thấy nó chẳng lớn được tý nào. Tôi quỳ xuống đất, chống hai tay cúi đầu nhìn đám cây cúc-vu.

Bỗng có tiếng gọi tôi rất gấp. Tiếng ông Giê-rôm. Ông ấy muốn gì tôi?

Tôi vội vàng chạy về nhà. Tôi tái mặt lại, khi thấy ông Vitali với đàn chó đứng trước lò sưởi. Tôi hiểu ngay ông Giê-rôm muốn gì. Biết là không hy vọng gì ông Giê-rôm thương tôi, cứu tôi, tôi liền chạy đến ông già.

- Ông ơi! Ông thương con. Ông đừng bắt con đi.

Rồi tôi òa khóc lên. Ông già nhẹ nhàng bảo tôi:

- Nín đi. Con ơi! Đi với ta, con sẽ không khổ đâu, ta không hay đánh trẻ con. Rồi con có những học trò ta làm bạn, chúng rất vui. Con còn luyện tiếng gì nữa?

- Mẹ tôi! Mẹ tôi!

Ông Giê-rôm kéo tay tôi và nói: Dù sao, mày cũng không được ở cái nhà này nữa. Đi với ông già hay đi trại trẻ rơi. Mày chọn đường nào thì chọn!

- Không! Tôi ở với mẹ tôi.

Ông Giêrôm nổi giận ùng ùng gầm thét:

- À! Mày nhiều tao có phải không? Nếu mày muốn đánh, để tao đánh ày ngay bây giờ đây.

Ông Vitali can:

- Thằng bé này nó nhớ mẹ nó. Không nên vì thế mà đánh nó. Nó có tình có nghĩa đấy.

- Nếu ông thương hại nó, nó lại gào lên!

- Bây giờ ta thanh toán cho xong đi.

Nói xong, Vitali xĩa lê bàn tám đồng năm phơ răng. Ông Giêrôm vợ luôn bỏ túi.

Ông Vitali hỏi:

- Gói đồ đâu?

Ông Giêrôm đưa một bọc, gói bằng chiếc khăn xanh thắt bốn góc, nói:

- Đây!

Ông Vitali cởi nút mùi khăn xem: trong có hai áo sơ mi và một cái quần vải của tôi. Ông Vitali nói:

- Không đúng như giao ước. Quần áo lành đâu? Đây ông đưa toàn đồ rách.

- Không có đồ nào khác.

- Nếu tôi hỏi thằng này, tất nó sẽ nói là không đúng. Nhưng thôi, tôi không muốn cãi với ông vì tôi không có thì giờ. Tôi phải đi bây giờ. Đi, bé con! À, tên nó là gì?

- Rêmi.

- Vậy Rêmi, hãy cầm lấy gói đồ, đi trước con Capi. Tiến lên trước, tiến!

Tôi khóc và gơ hai tay về phía ông già, rồi về phía ông Giêrôm, nhưng cả hai người đều ngoảnh mặt đi. Tôi thấy bàn tay ông già cầm cổ tay tôi kéo đi. Đành phải đi thôi.

Chao ôi! Ngôi nhà yêu dấu, khi bước chân khỏi cửa, tưởng chừng như tôi đã để lại cả miếng da, miếng thịt của tôi.

Tôi vội nhìn chung quanh, nhưng mắt tôi mờ đi vì giàn giụa nước mắt, tôi chẳng nhìn thấy ai để kêu cứu cả. Không có một ai trên đường và cũng không có người nào ở cánh đồng cỏ gần đó. Tôi cất tiếng gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ Bacbơranh ơi!

Nhưng không ai trả lời. Tiếng kêu của tôi nghẹn dần. Tôi phải theo, ông Vitali không buông cổ tay tôi. Ông Giêrôm nói theo:

- Lên đường mạnh giỏi!

Rồi ông ta vào nhà.

Ôi thôi! Thế là hết!

- Rêmi! Con đi đi chứ!

Và bàn tay ông kéo tôi đi.

Lúc đó, tôi đi cạnh ông. May sao ông không bắt tôi đi nhanh và hình như ông theo bước tôi, đi chậm lại.

Con đường chúng tôi đi dần dần lên dốc và theo hình chữ chi. Mỗi một chỗ ngoẹo, tôi lại nhìn thấy chà mẹ tôi nhỏ dần, nhỏ dần đi. Nhiều lần tôi đã đi qua con đường này, nên tôi biết rằng chỉ còn một chỗ ngoẹo nữa là còn trông thấy nhà tôi thôi. Qua chỗ này vài bước, lên tới cao nguyên thì hết, hết cả, không còn nhìn thấy gì. Trước mặt tôi, phong cảnh xa lạ, sau lưng tôi là căn nhà, ở đấy, cho tới ngày nay, tôi đã sống sung sướng, mà rồi đây có lẽ không bao giờ tôi lại được nhìn thấy nữa.

May sao cái dốc đó khá dài. Nhưng đi mãi rồi chúng tôi cũng lên đến đầu dốc. Ông Vitali vẫn nắm cổ tay tôi. Tôi nói:

- Ông cho con nghỉ một chút.

- Được. Con cứ nghỉ đi.

Thế là lần đầu tiên ông già buông cổ tay tôi ra. Nhưng đồng thời, ông đưa mắt nhìn Capi và ra hiệu. Con này hiểu ngay. Lập tức, nó bỏ đàn chó và đến ngồi chồm hổm bên tôi. Tôi hiểu là ông già đã ra lệnh cho con chó gác tôi. Nếu tôi làm một cử động gì để trốn, nó sẽ nhảy vào cắn chân tôi.

Tôi tìm chỗ ngồi trên một thảm cỏ êm. Capi theo sát tôi.

Ngồi trên thảm cỏ tôi đưa mắt tìm nhà mẹ tôi, nước mắt cứ trào ra.

Dưới chân tôi là một thung lũng mà ở đó, chúng tôi vừa đi qua, cánh rừng và cánh đồng cỏ, rồi đến chỗ thấp hơn hiện ra ngôi nhà lẻ loi, cô quạnh của tuổi thơ tôi, ngôi nhà mẹ tôi.

Ngôi nhà đó dễ nhận vì ở giữa đám cây cao, có một làn khói xanh xanh từ mái bếp tỏa lên trên trời và bay về phía tôi ngồi. Không rõ vì quá tưởng tượng hay vì thực sự mà làn khói đó đưa đến bên tôi một mùi quen thuộc của cảnh sồi. Thứ củi duy nhất mà chúng tôi đã dùng trong suốt mùa đông. Tôi tưởng tượng như là đang ngồi cạnh bếp nhà tôi, trên chiếc ghế dài, hai chân vùi vào đống tro, gió lùa vào nóc bếp hất khói vào mặt chúng tôi. Mặc dầu, tôi ở xa và ngồi cao, trông về nhà tôi, mọi vật đều giữ nguyên hình rất rõ, duy có phần bị thu nhỏ đi thôi.

Trên đồng phân khô, con gà mái nhà tôi, con gà cuối cùng còn lại, đang đi kiếm ăn, nhưng nó trông nhỏ đi nhiều. Nếu người không biết nó thì cho đó là con chim câu. Đầu nhà, tôi nhìn thấy cây táo thân cong mà tôi vẫn giả làm ngựa để cưỡi. Rồi, bên cạnh dòng suối như một dải bạc trên đám cỏ xanh, tôi nghĩ đến cái rãnh sâu mà tôi đã hì hục, xẻ để chạy cánh cối xay, một thứ chong chóng tôi chế mất bao nhiêu công sức mà nó không sao quay được.

Tất cả mọi vật đều ở chỗ cũ, từ cái xe một bánh của tôi, cái cây làm bằng cành cây của tôi, cái chuồng thỏ khi chúng tôi còn nuôi thỏ, cho đến cái vườn, góc vườn thân yêu của tôi, nhìn rõ mồn một.

Ai sẽ ngắt nó nở những bông hoa xấu số của tôi? Ai sẽ sờ đến khóm cúc-vu của tôi? Chắc hẳn là ông Giêrôm, con người độc ác.

Chỉ bước thêm một bước nữa là tôi mất tất cả những thứ thân yêu đó.

Chợt trên con đường về nhà, tôi nhìn xa xa thấy bóng cái mũ vải trắng. Nó biến vào trong đám cây, rồi lại hiện ra.

Từ chỗ tôi đến đó xa quá, nên tôi chỉ nhìn thấy màu trắng của cái mũ lượn trong đám cành cây như một cánh bướm mùa xuân. Cũng có những lúc lòng người nhìn rõ hơn mắt, dù là những con mắt tỉnh nhất. Vì thế, tuy đứng xa, tôi biết ngay là mẹ tôi. Phải, chính mẹ tôi đấy. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Ông Vitali chợt gọi tôi:

- Rêmi ơi! Ta tiếp tục đi đi!

- Ôi! Thưa ông, con xin ông cho con...

- Ông Giêrôm nói đúng. Con không có chân. Mới đi có thể đã nhọc. Như thế thì còn làm ăn gì được. Tôi không trả lời. Tôi cứ nhìn về phía nhà tôi.

Chính mẹ tôi. Chính cái mũ vải của bà, chính chiếc áo xanh của bà. Chính bà đó. Bà rảo bước, hình như mong cho chóng về tới nhà. Về đến cổng, bà đẩy cửa vào, đi qua sân rất nhanh.

Tôi liền đứng choàng dậy trên bờ cỏ, không để ý đến con Capi nhảy đến bên tôi. Mẹ tôi không ở trong nhà lâu mà ra ngay và hốt hải chạy ngang chạy giữa trong sân, hai cánh tay giơ lên thất vọng. Mẹ tôi đang tìm tôi đấy.

Tự nhiên tôi chồm mình về đằng trước và gào to:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Nhưng tiếng gọi của tôi không xuống tới chân núi, không át nổi tiếng suối rì rào. Nó tắt hẳn trong khoảng không. Ông Vitali hỏi tôi:

- Gì thế? Con điên à?

Không trả lời, tôi đứng trơ, hai mắt dõi sâu về phía mẹ tôi, nhưng mẹ tôi nào có biết tôi còn đang đứng gần mẹ, nên mẹ không ngẩng đầu lên.

Mẹ tôi lại đi qua sân, ra hẳn ngoài đường nhìn tứ phía. Tôi lại gào to hơn, nhưng cũng như lần trước, vô ích thôi. Bây giờ, ông Vitali nghi hoặc, cũng leo lên trên bờ cỏ chỗ tôi. Ông nhận ngay thấy cái mũ trắng trắng đang cử động. Ông nói một mình:

- Tội nghiệp cho thằng bé!

Nghe câu nói của ông, tôi liền kêu lên:

- Ông ơi! Ông thương con! Ông cho con về với mẹ con.

Nhưng ông cầm cổ tay tôi, dắt xuống và nói:

- Con ơi! Chúng ta nghỉ đã lâu rồi. Bây giờ đi đi.

Tôi định giật tay ông ra, nhưng ông già giữ chặt quá. Ông gọi:

- Capi đâu! Decbinô đâu!

Tức thì, hai con chó đến vây tôi. Decbinô đi trước, Capi đi sau. Đi được vài bước, tôi quay đầu lại. Chúng tôi đã qua đỉnh núi. Tôi không nhìn thấy thung lũng và nhà tôi nữa. Xa xa, chỉ thấy những ngọn đồi xanh lơ lơ trên nền trời cao rộng. Mắt tôi nhòa đi trong khoảng không gian vô tận.

5. Chương 05

Chương 05 - Lên đường

Người kia không phải là một con yêu tinh cần dự trữ thịt tươi để ăn, mà phải mua trẻ con đến bốn mươi phơ rãng!

Ông Vitali không ăn thịt tôi, và cũng là sự hiếm có trong bọn người chuyên mua con nít - ông không phải là người ác.

Đây là một bằng chứng.

Chúng tôi ở trên ngọn núi phân cách giữa triền sông Loa và sông Doocđônơ mà ông Vitali không cho tôi nhìn nhà cũ và lại nắm tay tôi lôi đi. Một lát sau thì chúng tôi xuống sườn núi về phía Nam. Ông buông tay tôi ra và nói:

- Từ bây giờ, con đi thong thả bên cạnh ta. Nhưng con đừng quên rằng nếu con chạy trốn thì Capi và Decbinô sẽ đuổi theo ngay. Rằng chúng nó dài lắm đấy.

Chạy trốn ư? Tôi nhận thấy bây giờ không thể làm được. Vì thế, tôi không nghĩ đến chạy trốn. Tôi thở dài.

Ông Vitali bảo tôi:

- Con buồn? Ta hiểu lắm và không ghét con đâu. Con cứ khóc đi, tha hồ khóc, nếu con không cảm được nước mắt. Có điều con nên nhớ rằng không phải ta đưa đi để đầy ải con đâu. Nếu ở lại, con sẽ trở nên thế nào. Chắc chắn là phải vào trại trẻ rơi. Những người đã nuôi con không phải là cha và mẹ con. Mẹ con, mà

con vẫn gọi, thương yêu con lắm, nay xa bà thì con nhớ. Điều đó tốt lắm. Nhưng con thử nghĩ xem, bà ta có thể trái ý chồng mà giữ con được không? Còn người chồng không đến nỗi tàn nhẫn như con tưởng. Ông ta nghĩ, bị què quặt không làm được việc gì không thể chịu nhịn đói để nuôi con. Con ơi! Con nên hiểu rằng đời người ta là một cuộc chiến đấu, trong đó người ta thường không thể làm được những điều người ta muốn.

Đó là những điều dạy dỗ của người từng trải, nhưng bây giờ có một tiếng kêu to hơn làm át cả những lời khuyên ấy đi, đó là những tiếng lòng của buổi chia ly.

Tôi sẽ không bao giờ được nhìn người đã nuôi nấng tôi, vuốt ve tôi, người mà tôi thương yêu nhất trên đời: Mẹ tôi.

Mỗi khi nghĩ đến thì tôi lại ghen ngào. Tuy nhiên, đi luôn bên cạnh ông Vitali, tôi cố ghi nhớ trong óc những điều ông vừa bảo tôi.

Ông nói rất phải. Ông Giêrôm không phải là cha tôi. Lý nào bắt ông ấy phải nhịn đói nuôi tôi. Ngày trước, ông ấy đã sẵn lòng rước tôi về nuôi, bây giờ ông ấy đuổi tôi chỉ vì không thể cứu mang tôi được nữa. Thế thì không phải một hôm nay mà tôi phải nhớ đến ông ấy, mà tôi còn phải nhớ tất cả những năm tôi đã lớn lên trong nhà ông.

Ông Vitali thỉnh thoảng lại nói bên tai tôi:

- Con ơi! Hãy nghĩ kỹ những điều ta nói! Đi với ta, con không đến nỗi khổ đâu!

Sau khi đã xuống một sườn núi dốc, chúng tôi tới một vùng đất hoang, phẳng lì, mênh mông đến tận chân trời. Không cây lớn, không nhà cửa. Đó là một cao nguyên mọc đầy thạch thảo đỏ hoe, đây đó có những đám cây kim tước cằn cỗi rạp rờn theo làn gió.

Ông Vitali gơ tay chỉ vào bãi hoang bảo tôi:

- Con xem, bây giờ thì khó trốn lắm. Capi và Decbinô sẽ bắt được ngay!

Lúc đó, tôi không nghĩ đến việc trốn. Tôi chỉ nghĩ không biết bây giờ đi đâu? Đi đến nhà ai?

Dù sao, ông già cao lớn, đẹp lão, râu bạc này có lẽ không ghê gớm như tôi nghĩ lúc ban đầu. Nếu ông là thầy tôi, thì may ra cũng không đến là ông thầy ác nghiệt.

Chúng tôi đi mãi trong một miền cô quạnh hết bãi hoang lại đến cách rừng cây cây lúp xúp, xa xa nổi mấy ngọn đồi trơ trụi. Với óc non dại của tôi, tôi cứ tưởng tượng du lịch là ra khỏi lũy tre làng, được quan sát những phong cảnh đẹp nhưng thực tế, trái hẳn với những điều mắt thấy lúc bấy giờ. Lần đầu tiên trong đời, tôi phải đi một mạch dài không nghỉ. Thầy tôi bước đều chân, công con Giôlicơ trên vai, hoặc đeo trong tay. Mấy con chó chạy lon ton cạnh chủ.

Thỉnh thoảng ông lại nói với con chó một câu thân ái, khi bằng tiếng Pháp, khi bằng thứ tiếng mà tôi không hiểu.

Xem ra chủ và những con chó cũng không biết nhọc. Riêng tôi, không thể, tôi thấy lả người. Vì sức đã kiệt, lòng lại đau, tôi thấy kiệt sức, phải lê từng bước, cố theo kịp thầy tôi. Tôi không dám xin nghỉ chân. Thầy tôi nói:

- Những chiếc guốc nó làm cho con khó đi. Đến Utxen, ta sẽ mua giày cho con.

Câu nói đó làm cho tôi phấn chấn.

Thực vậy, xưa nay tôi vẫn mơ ước có một đôi giày. Con ông xã trưởng và con người chủ tiệm ăn đều đi giày cả. Mỗi sáng chủ nhật, khi đi lễ nhà thờ, chúng đi êm ả trên nền gạch, còn tôi và những người nhà quê khác, lê những đôi guốc to kêu chát chát điếc tai.

- Utxen còn xa lắm không, ông?

Ông Vitali cười to và nói:

- Đó là tiếng nói của lòng! Con ơi! Con muốn có giày lắm phải không? Ta hứa cho con những đôi giày đế đinh. Ta cũng hứa sẽ mua cho con một cái quần nhưng, một cái áo vét và một cái mũ. Ta mong những cái đó sẽ an ủi con để con cố sức mà đi chừng sáu dặm đường nữa.

Đôi giày đế đinh! Tôi thích quá và nguôi dần nỗi buồn. Không, chắc hẳn thầy tôi không phải là một người độc ác. Người độc ác thì có bao giờ nhận thấy đôi guốc của tôi nó làm tôi đau chân?

Đôi giày, một đôi giày đế đinh! Một cái quần bằng nhưng! Một áo vét! Một cái mũ! A! Nếu mẹ tôi được trông thấy tôi ăn mặc tươm tươm như thế, tất lấy làm hãnh diện lắm.

Khốn nỗi! Utxen còn xa lắm. Mặc dầu giày đinh và quần nhưng ở cách đây sáu dặm đường mà chúng tôi còn phải đi, tôi thấy không còn đủ sức đi nổi quãng đường xa đó.

May sao, thời tiết đến giúp tôi. Trời vẫn xanh từ lúc khởi hành, dần dần kéo mây đen rồi đổ mưa, một trận mưa nhỏ hạt và không ngớt.

Ông Vitali có áo da cừu đủ che mưa. Con Giôlicơ gặp giọt mưa thứ nhất đã chui vào chỗ trú của nó. Còn những con chó với tôi, chúng không có gì che thân, đành chịu để nước mưa thấm đến da. Tuy vậy, những con chó có cách giữ lông, vẩy cho bớt nước, còn tôi không được phú cái phương tiện tự nhiên vậy, đành phải bước chân dưới những hạt mưa dày, giá lạnh. Chợt thầy tôi hỏi tôi:

- Con có dễ bị cảm không?

- Con không biết. Con không nhớ có bị cảm bao giờ không?

- Như vậy thì tốt. Trong người con khỏe đấy. Nhưng ta không muốn dãi dầu một cách vô ích. Hôm nay chúng ta đi đến đây thôi. Phía trước có một làng, chúng ta sẽ vào tìm nhà ngủ trọ.

Làng đó không có quán trọ và chẳng nhà nào muốn chứa một hạng hành khách có đứa trẻ và đàn chó theo sau, người cũng như vật đều lấm lấm như chôn như vùi. Họ trả lời:

- Đây không phải chỗ trọ - Rồi họ đóng sầm cửa lại. Chúng tôi đi.

Hết nhà nọ đến nhà kia, không một nhà nào cho chúng tôi vào cả. Có lẽ phải đi luôn bốn dặm nữa cho tới Utxen? Không được nghỉ chẳng? Đêm tối dần, mưa càng lạnh. Tôi thấy chân tôi cứng đờ như hai khúc gỗ.

Tôi nhớ đến nhà mẹ tôi và nghĩ:

- Ở nhà sung sướng quá!

Cuối cùng, một người ở làng có lòng từ thiện cho chúng tôi vào tạm trú ở buồng chứa cỏ, và giao hẹn không được đốt lửa. Chủ nhà bảo ông Vitali:

- Ông đưa diêm cho tôi giữ, mai ông đi tôi sẽ trả.

Thế là ít ra chúng tôi cũng có một mái nhà để trú ẩn trong đêm mưa lạnh. Vitali là một người cẩn thận đã mang sẵn lương thực. Trong cái túi nhà binh ông vẫn đeo trên vai, có chứa một ổ bánh mì. Ông liền lấy ra chia làm bốn miếng.

Lúc bấy giờ tôi mới biết ông già đã giữ kỷ luật trong đoàn một cách nghiêm ngặt như thế nào.

Lúc chúng tôi tìm nhà để ngủ nhờ, con Decbinô chạy xộc vào nhà nọ, rồi ra luôn với miếng vỏ bánh mì ngậm ở miệng. Ông Vitali trông thấy chỉ nói:

- Decbinô! Giỏi thật! Tôi sẽ biết!

Khi ông già lấy bánh ra, tôi quên hẳn việc con Decbinô ăn cắp, và thấy nó cúi đầu buồn bã. Chúng tôi ngồi trên hai bó cỏ, hai người hai bên, con Giôlicơ ở giữa. Ba con chó xếp hàng trước mặt chúng tôi. Capi và Đônxơ ghé mắt nhìn chủ, còn Decbinô thì cúi đầu và cụp tai xuống. Ông Vitali lệnh:

- Quân ăn cắp không được đứng trong hàng, phải ra một góc và nghỉ ăn bữa tối.

Decbinô rời khỏi chỗ, đến một góc nhà Vitali vừa chỉ tay. Nó chui vào đám cỏ khô. Chúng tôi không trông thấy nó nữa, nhưng nghe tiếng u ú như than khóc. Xử xong, ông già đưa bánh cho tôi. Rồi ông vừa ăn vừa ném dần những miếng bánh nhỏ cho con Giôlicơ và hai con chó.

Mấy tháng gần đây, nhà tôi tuy bán bò rồi nhưng tôi cũng không đến nỗi kham khổ. Ôi! Món súp nóng mẹ tôi vẫn làm ngon biết bao, mặc dầu không có bơ! Không chiều nào là không có. Bên cạnh đồng lửa. ẽm ắm biết bao! Tôi sung sướng chui vào trong chăn, che kín cả đầu.

Nhưng than ôi! Còn đâu nữa nào đệm, nào chăn? Có được cái ổ bằng cỏ khô cũng đã quý lắm rồi! Mình đau như dằm. Chân trầy da vì guốc, tôi gầy rết trong bộ quần áo ẩm nước.

Trời tối đã lâu rồi, tôi không sao ngủ được. Vitali hỏi:

- Rêmi ơi! Răng con lập cập, con rết à?

- Vâng, hơi rết.

Tôi nghe thấy ông già mở dĩa. Ông nói:

- Ta cũng không có nhiều quần áo. Đây có cái áo sơ-mi khô và cái gi-lê cũ. Con cởi quần áo ướt ra mặc tạm vậy. Rồi con chui sâu vào đám cỏ khô, con sẽ đỡ rết và ngủ được.

Có phải ngày nào rồi cũng như hôm nay không? Đi bộ dưới trời mưa không nghỉ, nhử trong vựa cỏ, rết run người, bánh khô thay súp, không người thương hại, không người yêu dấu, không có mẹ ở bên mình nữa!

Khi tôi đang trần trọc, trái tim nao nao, nước mắt giàn giụa, tôi thấy một hơi nóng rọi vào mắt tôi. Tôi giơ tay ra thì thấy lớp lông mềm của con Capi. Nó lại gần tôi rất nhẹ nhàng không làm xáo cở. Nó hít đầu tôi, hơi thở của nó phả vào mặt, vào tóc tôi. Nó muốn gì? Nó nằm xuống ổ cỏ bên cạnh tôi, rồi ẽm ái, liếm bàn tay tôi, rồi nằm yên không cử động.

Cảm động về sự vuốt ve đó, tôi ôm đầu nó và ép vào tay tôi, rồi nằm yên không cử động.

Thế là, tôi quên hết nỗi mệt nhọc, buồn phiền. Cỏ tôi như được nói ra, tôi thở nhẹ nhàng. Tôi không cô đơn nữa, tôi đã có một người bạn.

6. Chương 06

Chương 06 - Bước đầu nhập nghề

Hôm sau, chúng tôi lên đường sớm. Mưa tạnh. Trời xanh. Nhờ gió thổi ban đêm nên bùn đã ráo. Trong các bụi rậm bên đường, chim chóc ca hát vui tai. Mấy con chó nhẩy nhót chung quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng, Capi lại đứng hai chân quay về phía tôi kêu ằng ằng hai ba tiếng, nó muốn bảo tôi:

- Can đảm lên! Can đảm lên!

Đó là con chó rất khôn. Nó hiểu hết và làm cho người ta hiểu nó. Nó không nói được, nhưng tôi không nghĩ thế. Chỉ một cái đuôi, nó có thể biểu lộ ra bao nhiêu điều hùng hồn hơn con mắt, cái lưỡi của người nhiều. Vì thế, lời nói trở nên vô ích giữa Capi và tôi; ngay buổi đầu tiên, chúng tôi đã hiểu nhau rồi.

Từ bé đến giờ không bao giờ tôi ra khỏi làng, nên nói đến tỉnh tôi rất thích được đi xem. Nhưng tôi phải thú thực rằng thị trấn Utxen đã làm cho tôi mất hứng. Những ngôi nhà cổ kính có tháp, có lẽ chỉ bổ ích cho những người thích khảo cổ, không làm cho tôi vui mắt chút nào.

Tuy nhiên, tôi vẫn nhìn kỹ những ngôi nhà đó, không phải để xem xét kiến trúc, vẻ mỹ lệ, mà chỉ để xem trong đó có một hiệu giày nào không?

Đôi giày của tôi, đôi giày mà ông già đã hứa, bây giờ sắp đến lúc tôi được xỏ chân!

Cái cửa hàng đáng quý ấy, cửa hàng sắp bán cho tôi đôi giày mới không biết ở chỗ nào? Tôi chỉ để mắt nhìn cửa hàng đó, còn ngoài ra, nào tháp, nào lâu, nào cột trụ mỹ thuật, tôi chẳng thiết gì.

Vì thế mỗi ký ức độc nhất mà thị trấn Utxen còn để lại cho tôi là cái cửa hàng tường ám khói, trông tối om, ở cạnh chợ. Mặt trước cửa hàng có bày bán nhiều đồ cũ: súng gổ, áo nhà binh thêu những lon vàng

và những ngù vai tua bạc, rất nhiều đèn và một thùng đồ sắt cũ trong đó có vô số khóa hỏng. Phải bước xuống ba bậc, mới vào được trong cửa hàng. Đó là một phòng lớn và thấp, có lẽ từ ngày cất nóc đến nay, mặt trời chưa chiếu vào đây bao giờ.

Sao một vật quý giá như đôi giày lại có thể bán trong cái hiệu ghê tởm này được?

Tuy nhiên, khi bước vào hiệu này. Ông Vitali đã biết rõ là phải được việc, nên một lúc sau tôi được cái điểm phúc là xỏ chân vào đôi giày để dính nặng gấp mười lần đôi guốc của tôi.

Tính rộng rãi của thầy tôi đến đó chưa hết. Mua xong giày, thầy tôi còn sắm cho tôi một cái áo vét nhung xanh, một cái quần len và một cái mũ phớt, tóm lại là đủ các thứ mà thầy tôi đã hứa. Một kẻ xưa nay mặc toàn đồ vải, nay có áo nhung, xưa nay chỉ dùng guốc gỗ, nay có giày để dính, xưa nay chỉ lấy tóc để đỡ nắng mưa, nay có mũ phớt, thực không ngờ đến. Thầy tôi thực sự là một người tử tế nhất trên đời, một người quảng đại nhất và giàu nhất.

Sự thực thì nhung đã nhàu, len đã sòn, cũng sự thực là khó mà phân biệt được màu sắc của một cái mũ phớt đã trải qua bao phong trần, nhưng lúc đó tôi thích quá thành ra lóa mắt không nhận thấy những khuyết điểm ở bộ đồ mới của tôi.

Tôi mong chóng được mặc quần áo mới. Nhưng trước khi trao quần áo cho tôi, thầy tôi đã sửa nó đi làm cho tôi vừa kinh ngạc vừa đau lòng. Chẳng là khi về đến nhà trọ, thầy tôi đã lấy kéo trong đây cắt cụt hai ống quần đến đầu gối. Thấy tôi nhìn bằng đôi mắt kinh hãi, thầy tôi bảo:

- Việc này cốt làm sao cho con khác hẳn những đứa trẻ khác. Chúng ta đang ở Pháp, ta cho con mặc kiểu Ý. Rồi nếu chúng ta sang Ý, ta sẽ cho con mặc kiểu Pháp, không khó khăn gì.

Tôi chưa hết kinh ngạc, thầy tôi nói tiếp:

- Chúng ta là ai? Là những tài tử phải không? Là những kịch sĩ thì phải gọi tính hiếu kỳ của công chúng, tức là phải làm thế nào cho công chúng chú ý mới được. Con có tin rằng với những bộ quần áo nhà giàu hay dân quê, chúng ta diễn trò, người ta phải đứng lại nhìn chúng ta không? Chắc chắn không? Phải thế không con? Con phải biết ở đời, sự quảng cáo đôi khi cũng cần thiết, điều đó đáng buồn, nhưng ta không thể nào làm khác được.

Vì lẽ đó, có khi mỗi buổi sáng tôi là người Pháp, chưa đến buổi chiều tôi đã là người Ý rồi.

Quần áo cắt cụt đến đầu gối. Bít tất dài của tôi được thầy tôi dùng dây quần chéo ở ngoài như chiếc xà cạp. Còn mũ của tôi cũng được quần thêm nhiều dải lụa sặc sỡ và đính thêm một túm hoa bằng len.

Tôi không rõ người ngoài coi bộ dáng đó sẽ nghĩ gì về tôi. Nhưng để tỏ ra là thành thực, tôi xin nói là tôi tự thấy mình oai quá. Mà có lẽ đẹp thật, vì con Capi, bạn tôi, đã ngắm nghía tôi rất lâu và giơ chân bắt tay tôi, lấy làm thích thú lắm. Sự thay đổi hình dạng của tôi không những được Capi khen ngợi mà còn được Giôlicơ vui vẻ tán thành, vì trông khi tôi mặc quần áo, vừa nhìn mặt nó vừa bắt chước bộ diện tôi và cường điệu lên. Khi tôi mặc xong, nó để hai tay lên cạnh sườn, đứng ngả đầu về phía đằng sau gật gù và “cười” lên những tiếng chế nhạo.

Tôi thường nghe người ta nói rằng: thực là một vấn đề khoa học lý thú nếu tìm hiểu xem giống khỉ có biết cười hay không. Tôi tưởng rằng những người nêu ra vấn đề đó là những nhà bác học chỉ biết ngồi trong văn phòng không bao giờ trông thấy con khỉ và để công nghiên cứu giống khỉ. Còn tôi, được sống trong tình thân mật với khỉ, với Giôlicơ, trong một thời gian khá lâu, tôi có thể nói quả quyết rằng giống khỉ biết cười và lắm khi còn chế nhạo tôi nữa. Cái cười của giống khỉ nhất định không giống cái cười của người. Nhưng khi có điều gì làm cho nó hoan hỉ, người ta trông thấy hai bên mí mắt nó híp lại, hai hàm răng nó rung lên, nhất là hai con mắt tỏa ra một tia lửa như hai hòn than hồng được thổi rục lên.

Những dấu hiệu đặc biệt của cái cười đó đã có lần làm cho tôi rất khó chịu. Khi tôi đội mũ xong, ông Vitali bảo tôi:

- Ngày mai là phiên chợ, ta sẽ mở cuộc biểu diễn. Con đã ăn mặc xong rồi, bây giờ chúng ta bắt tay vào việc để đến mai con có thể “nhập nghề”.

Tôi tự hỏi, không biết “nhập nghề” là cái gì, thì ông Vitali bảo tôi:

- Nghĩa là con sẽ ra sân khấu lần thứ nhất diễn trò trước công chúng.

Ông nói tiếp:

- Ngày mai là buổi biểu diễn đầu tiên, con sẽ có mặt ở đó. Nay ta dạy con đóng vai trò mà con phải đảm trách.

Tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cả.

- Con ơi, vai trò tức là những việc con phải làm trong buổi diễn. Ta đưa con đi, không phải là cốt cho con cái thú đi chơi, vì ta chẳng giàu có gì. Đưa con đi là để cho con làm việc. Mà việc của con chính là việc đóng trò với đồ đệ của ta. Tôi lo sợ kêu lên:

- Con không biết diễn trò.

- Chính vì thế mà ta phải dạy con. Chắc con cũng biết rằng không phải tự nhiên mà con Capi biết đi bằng hai chân sau, không phải vì khoái chí mà con Đôn-xơ thích nhảy dây. Chúng phải tập tành khá nhiều và khá công phu mới có được những biệt tài đó và mới trở thành những diễn viên kỳ diệu. Thế thì con, con cũng phải luyện tập những vai trò mà con phải đóng với chúng. Vậy ta phải bắt đầu tập luôn.

Hồi ấy, tôi có một ý nghĩ rất ngây thơ về làm việc. Tôi tưởng tượng đi làm tức là phải cuốc đất, chặt cây, đào đá và không biết gì khác nữa. Ông Vitali nói:

- Vở kịch mà chúng ta sắp diễn nhan đề là “Người đầy tớ của ngài Giôlicô” hay là “Kẻ dằn dặt nhất không phải là kẻ người ta tưởng”. Đây là cốt truyện: Ngài Giôlicô từ trước vẫn có một người đầy tớ rất vừa ý là Capi. Nhưng Capi ngày một già yếu, nên ngài Giôlicô muốn nuôi một người đầy tớ khác. Capi được cử đi tìm người đầy tớ đó, nhưng nó không tìm được một con chó khác để kế chân nó, mà nó tìm một đứa con trai ở nhà quê tên là Rêmi.

- Như con.

- Không như con, mà chính là con. Con ở làng lên tỉnh để giúp việc cho ngài Giôlicô.

- Nhưng con khi làm gì có đầy tớ?

- Trong hài kịch thì có. Con đến nơi, ngài Giôlicô nhận thấy con có vẻ khờ dại.

- Thế thì chẳng thú vị chút nào.

- Không sao, vì để làm trò cười thôi. Con hãy tưởng tượng con đến một nhà giàu để hầu hạ thực, và họ sai con dọn bàn ăn chẳng hạn. Kia là cái bàn sẽ dùng khi diễn trò. Con lại xem và thử đặt bát đĩa. Trên bàn đó, có mấy cái đĩa, một cái cốc, một con dao, một cái dĩa và một cái khăn ăn trắng. Sẽ phải sắp đặt thế nào nhỉ? Đứng bên cạnh bàn, tôi tự hỏi thế, mặt buồn ra, mồm há hốc, đầu cúi về đằng trước, hai tay giờ ra, luống cuống không biết phải làm gì trước. Thấy tôi vồ tay, cười ngặt nghẽo.

- Hay! Hay tuyệt! Cách vận dụng dung mạo của con khéo lắm. Thằng bé ta nuôi trước con làm hỏng vì coi bộ láu lỉnh quá. Con không khờ khạo, vẻ ngây thơ của con trông rất thích hợp.

- Con chẳng hiểu con làm gì.

- Chính điều đó lại là điều cốt yếu. Đến mai, hay trong vài ngày nữa, con sẽ hiểu rõ những điều mà con sẽ phải làm. Lúc đó, con phải nhớ lại cái điệu bộ bối rối của con bây giờ và làm như con không biết gì. Nếu con diễn lại được cái điệu bộ ngây ngô và cái dáng điệu lúng túng đó, con sẽ được hoan hô nhiệt liệt. Vai của con là phải diễn tả một người quê mùa, chưa trông thấy gì và không biết gì. Anh ta đến nhà một con khỉ, anh ta tự thấy mình ngu xuẩn và vụng về hơn con khỉ. Kẻ ngu hơn con khỉ, đó là vai của con. Muốn đóng cho tốt, con chỉ việc giữ dáng điệu của con như ngày hôm nay là được.

“Người đầy tớ của ngài Giôlicô” không phải là kịch dài, diễn độ hai mươi phút là xong. Nhưng chúng tôi phải luyện tập và diễn thử đến ba tiếng đồng hồ. Ông Vitali bắt tôi và nhất là những con chó làm đi làm lại mỗi việc đến ba lần, bốn lần, có khi đến mười lần.

Thực vậy, những con chó hay quên một vài phân trong vai của chúng, nên ông Vitali phải bắt đầu dạy lại. Lúc đó, tôi nhận thấy chúng tôi là một người rất nhẫn nại và ôn hòa. Tôi còn nhớ ở làng tôi, người ta đối đãi với con vật một cách khác hẳn. Chửi và đánh là hai phương pháp duy nhất để huấn luyện gia súc.

Việc diễn tập dù phải kéo dài đến bao nhiêu, thầy chúng tôi không hề bực tức một lần nào, không hề chửi rủa một câu nào. Khi không vừa ý, thầy tôi chỉ nghiêm nét mặt mà nói:

- Capi! Hồng, không được! Còn Giôlicơ! Con không bao giờ để ý cả. Phải mắng bây giờ!

Có thể thôi. Chỉ thế là cùng. Buổi diễn tập xong, thầy bảo tôi:

- Này con! Con xem con có thể theo nghề diễn trò được không?

- Con không biết.

- Con có thấy chán không?

- Không. Con có phần thích.

- Như thế thì tốt lắm. Con có tư chất thông minh và có nết, quý hơn nữa là sự chú ý. Chú ý và dễ bảo thì làm gì cũng được. Con hãy trông những con chó của ta và so sánh nó với con Giôlicơ. Có lẽ con khỉ lãnh lợi hơn, nhưng nó rất khó bảo. Nó dễ thuộc, nhưng dễ quên. Nó không bao giờ vui lòng làm những điều ta sai bảo nó, lại hay hục hặc, bướng bỉnh. Đó là bản tính của nó, nên ta không bực tức. Giống khỉ không như giống chó, nó không có ý thức về bổn phận và do đó kém xa giống chó. Con có hiểu không?

- Dạ!

- Vậy con ơi! Con phải chú ý, phải dễ bảo. Phải hết lòng, hết sức vào công việc con làm. Trong đời phải như thế.

- Thầy thực là hiện thân của sự nhẫn nại. Suốt buổi diễn tập, lúc nào cũng bình tĩnh không hề gắt gỏng với con hay các con vật bao giờ.

Ông Vitali mỉm cười:

- Từ trước đến giờ con chỉ ở cạnh những người dân quê quen tàn nhẫn với loài vật. Họ tưởng muốn sai khiến loài vật lúc nào cũng phải có cái gậy trong tay.

- Mẹ con rất tốt với con Russet.

- Thế là bà ấy biết lẽ phải. Bà ấy sáng suốt hơn mọi người khác, bà hiểu rằng ngọt ngào hơn là hung hãn. Ta không bao giờ đánh những con vật ta nuôi. Chúng sẽ khiếp sợ, sự khiếp sợ làm nhụt trí khôn. Hơn nữa, ta cũng không bao giờ nổi giận lên với chúng, vì nếu ta phải khùng thì ta không phải là ta nữa, ta sẽ không giữ được cái tính kiên trì mà con đã nhận thấy. Chính những kẻ dạy người ta học lại học được nhiều điều. Ta đã cho những con chó của ta bao nhiêu bài học, thì ngược lại, ta đã nhận của chúng bấy nhiêu bài. Ta mở mang trí khôn cho chúng, chúng tu dưỡng tính tình cho ta.

Nghe câu nói lạ, tôi cười.

- Con cho thế là lạ lùng phải không? Một con chó có thể dạy được người? Thế mà thực đấy. Con thử nghĩ xem. Con có nhận thấy rằng một con chó bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của chủ không?

- Điều đó đúng lắm.

- Vì thế, khi đã bắt tay vào việc giao hóa một con vật, người chỉ phải giữ gìn tư cách. Trong khi dạy Capi, giả sử ta phát khùng, phát cáu, Capi sẽ làm gì? Nó cũng sẽ theo gương ta phát khùng, phát cáu rồi thành ra hư hỏng. Con chó thường là tấm gương phản chiếu của người nuôi. Cho ta xem con chó của con, ta có thể bảo con là người thế nào. Quân cướp có con chó ăn cướp, kẻ trộm có con chó ăn trộm. Người quê mùa có con chó thô tục. Người phong nhã có con chó đáng yêu.

Các bạn tôi, ba con chó và con khỉ, được tôi cùng đóng trong trò nên vui thích lắm, chúng chờ ngày mai đến không e sợ gì. Về phần chúng, chúng đã được làm đi làm lại đến trăm, nghìn lần rồi. Còn tôi, tôi không được yên tâm như chúng. Tôi nghĩ ngợi, nếu tôi diễn hồng, thầy tôi sẽ bảo sao? Khách xem sẽ nói gì? ý nghĩ đó làm tôi rối óc. Khi tôi ngủ, tôi mơ thấy những người đến xem ôm bụng cười, chế nhạo tôi.

Vì thế, sáng hôm sau, lúc rời nhà trọ ra chỗ diễn, lòng tôi xao xuyến vô cùng. Ông Vitali đi trước, đầu ngẩng cao, ngực ưỡn, tay ve vẩy, chân bước theo nhịp tiêu ông thổi bài khiêu vũ. Sau ông là Giôlicơ, với bộ nhung phục đại tướng Anh, áo quần đỏ, lon vàng, mũ cao đỉnh cắm một chiếc lông dài, Giôlicơ bệ vệ cười trên lưng Capi. Rồi cách xa một chút để tỏ ý kính trọng, Decbinô và Đônxơ xếp hàng đôi đi sau. Cuối cùng là tôi.

Về rầm rộ của đoàn chúng tôi làm mọi người chú ý. Hơn nữa tiếng tiêu lanh lảnh của thầy tôi lại lọt vào tới tận cùng mọi nhà, gọi óc tò mò của dân phố Utxen. Họ đổ xô ra cửa. Họ vén màn cửa sổ để xem chúng tôi đi qua. Một lũ trẻ con theo sau chúng tôi, cả mấy người nhà quê cũng nhập bọn thành một đoàn dài.

Sân khấu của chúng tôi được dựng một cách nhanh chóng: một cuộn dây chằng xung quanh bốn gốc cây thành một hình vuông dài, chúng tôi ở giữa.

Phần thứ nhất của cuộc diễn gồm có những trò múa của những con chó. Chúng diễn thế nào tôi cũng không biết, vì óc tôi còn mãi ôn lại vai trò sắp diễn ra và rất lo lắng. Tôi chỉ nhớ rằng ông Vitali cất ống tiêu vào túi, lấy vĩ cầm ra kéo những khúc khiêu vũ rất nhịp nhàng hoặc những bài êm ái du dương.

Công chúng đến mỗi lúc một đông, chen chúc chung quanh hàng dây chắn. Tôi ngẩng mặt lên, mắt tôi vấp phải trăm nghìn con mắt tò mò nhìn chòng chọc dường như ra những tia sáng chói.

Phần thứ nhất chấm dứt. Capi mồm ngậm cái bát gỗ con, đi bằng hai chân sau, lần lượt tới các quý khán giả đứng chung quanh hàng dây. Khi không có ai ném tiền cho nữa, nó đặt bát xuống sân, lấy hai chân trước kê vào áo khán giả nào đứng dừng, ằng ằng hai ba tiếng và lấy chân vỗ vào túi quý vị đó như muốn mở ra. Lúc đó, công chúng như cười phá lên, kẻ nói đùa, người chế nhạo:

- Con chó tinh thế! Nó biết người nào túi nặng!
- Thôi, cho ra đi!
- Anh ta sắp cho.
- Anh ta chẳng cho!
- Cho đi! Gia tài chú anh sẽ đền bù cho anh!

Thế là cuối cùng những đồng bạc dù nằm sâu ở đáy túi cũng phải thòi ra.

Trong khi đó, ông Vitali không nói một câu gì, mắt không quên nhìn bát tiền, tay luôn luôn kéo những bài khiêu vũ, khi khoan. Lát sau, Capi ngậm bát tiền đầy đem lại cho chủ, có vẻ hãnh diện lắm.

Bây giờ đến lượt Giôlicơ và tôi diễn trò.

Vitali ra hiệu cả bằng tay kéo và tay đàn cho chúng tôi và nói:

- Thưa quý bà, thưa quý ngài, chúng tôi xin tiếp tục buổi diễn bằng một vở kịch vui “Người đầy tớ của ngài Giôlicơ”. Một người như tôi không bao giờ tự hạ để khoe hay và khen trước những tài tử của mình. Tôi trân trọng đề nghị một điều là xin quý vị hãy để mắt, để tai vào tấn kịch và sửa soạn tay để hoan hô.

Cái mà ông Vitali gọi là kịch vui đó là một tấn tuồng câm, nghĩa là một bản diễn toàn bằng điệu bộ, chứ không dùng lời. Mà bắt buộc phải như thế, vì một lẽ rất dễ hiểu là hai vai chính trong kịch không biết nói. Và vai thứ ba là tôi, tôi không thể mở miệng nói được hai câu. Tuy nhiên, muốn cho công chúng dễ hiểu ông Vitali giới thiệu và giải thích trước khi mỗi trò sắp ra.

Vừa kéo khúc quân hành, ông vừa giới thiệu lúc Giôlicơ ra sân khấu:

- Đây là ngài Giôlicơ, đại tướng Anh quốc đã thăng quan tiến chức và làm giàu trong thời chiến tranh ở Ấn Độ. Từ trước đến giờ ngài có một kẻ hầu là con Capi. Nhưng ngày nay ngài muốn dùng người để thay thế. Ngài có thừa đủ phương tiện để làm việc xa xỉ đó: những giống vật đã làm nô lệ cho loài người lâu lắm rồi, bây giờ là lúc đổi lại. Trong khi đợi người đầy tớ mới, đại tướng Giôlicơ đi lại chững chạc, miệng ngậm điệu xì-gà lớn. Ngài lại tinh quái nhằm thở khói vào mặt khán giả.

Đợi lâu, đại tướng nóng ruột, ngài bắt đầu trợn mắt lên như sắp nổi trận lôi đình, rồi ngài cắn môi, rồi ngài giậm chân xuống đất. Đến cái giậm chân thứ ba, tôi phải ra trò do Capi dắt. Nếu tôi quên thì có Capi nhớ. Tôi đang bàng hoàng. Capi bỗng giơ chân ra dắt tôi vào cạnh đại tướng.

Vừa nhìn thấy tôi, đại tướng giơ hai tay lên trời, thất vọng. Tìm cho ngài người đầy tớ thế này ư? Rồi, ngài ngửa đầu nhìn kỹ mặt tôi, ngắm chung quanh tôi và so vai lên tỏ ý không bằng lòng. Điều bộ ngài trông rất ngộ, mọi người đều cười ầm. Công chúng hiểu rằng đại tướng nhận thấy tôi là một kẻ đại ngu ngốc. Mà chính ngay khán giả cũng cho tôi là thằng ngu ngốc.

Vở kịch đã chú ý xây dựng để phô diễn được hết cái ngu ngốc của một người ngu xuẩn. Mỗi một lớp, tôi lại phải tỏ một vài cử chỉ khờ dại, trái lại con Giôlicô lại có dịp để biểu lộ trí thông minh và tài lanh lợi của nó.

Sau khi đã ngắm nghía tôi từ chân lên đến đầu, đại tướng tỏ ý thương tình và cho tôi ăn. Ông Vitali nói:

- Đại tướng nghĩ rằng khi thằng bé này được ăn no thì nó không ngốc nữa. Chúng ta hãy xem nào.

Tôi vào ngồi cạnh một cái bàn con, trên có đặt đủ bộ đồ dùng để ăn. Trước mặt tôi có một cái khăn đặt trong cái đĩa.

Cái khăn này dùng để làm gì? Capi ra hiệu cho tôi bảo dùng đi. Nhưng dùng thế nào bây giờ? Tôi nghĩ ngợi mãi, rồi cầm khăn lên toan xì mũi vào.

Thấy vậy, đại tướng cười ngạt nghèo. Capi thất vọng ngã lăn ra, bốn chân chống lên trời.

Nhận thấy mình nhầm, tôi ngắm nghía cái khăn lần nữa, nghĩ mãi, nghĩ mãi mới ra. Tôi liền cầm khăn cuộn lại thành cái cà-vạt quàng vào cổ. Capi lại lăn đùng ra. Đại tướng lại ôm bụng cười.

Rồi tôi cứ dùng nhầm mãi, đại tướng bực mình lôi tôi ra khỏi ghế. Ngài ngồi vào chỗ tôi, dùng suất ăn đã dành cho tôi.

A! Đại tướng dùng khăn ăn rất thạo! Một cách rất duyên dáng, ngài cài một đầu khăn vào khuyết áo, còn đầu kia trải lên đầu gối. Rồi ngài bẻ bánh và uống rượu một cách rất tự nhiên. Ăn xong, ngài lại không quên dùng tăm xỉa bộ răng trắng ớn.

Tiếng vỗ tay nổi dậy từ bốn phía. Và cuộc diễn kết thúc một cách rất hoàn hảo.

Con khỉ đã thông minh biết bao! Người đầy tớ thực đã khờ khạo biết bao! Khi trở về nhà trọ, thầy tôi không dứt lời khen ngợi tôi. Tôi rất sung sướng đã làm thầy tôi vui lòng.

7. Chương 07

Chương 07 - Học vỡ lòng

Những nghệ sĩ đại tài của ông Vitali - tôi muốn nói những con chó và khỉ - nhưng những tài hoa đó không được thay đổi và biến hóa. Khi chúng diễn xong ba hay bốn trò, thì người ta biết hết chương trình. Mà chúng chỉ có thể diễn đi diễn lại những trò đó thôi. Vì thế, không thể lưu lại lâu ở một tỉnh nào. Ở Utten được ba ngày, chúng tôi lại phải tìm đi nơi khác.

- Thưa thầy, bây giờ đi đâu?

Tôi đánh bạo hỏi thầy tôi như thế. Thầy tôi nhìn tôi và trả lời:

- Con không biết vùng này à?

- Không.

- Thế sao con lại hỏi bây giờ đi đâu?

- Để biết.

- Biết cái gì?

Tôi bí quá, nhìn con đường trắng xóa trước mặt dài dằng dặc vào tận một thung lũng sâu và rậm rạp, không tìm được câu trả lời.

Thầy tôi nói tiếp:

- Nếu ta bảo con là chúng ta đến Oriăc, để đi Boocđô, rồi từ Boocđô lại Pyrênê, thì con có hiểu gì không?

- Thế thầy biết rõ miền này à?

- Ta chưa đi qua bao giờ.

- Thế sao thầy cũng biết những nơi chúng ta phải đi?

Thầy tôi nhìn tôi một lúc lâu như muốn tìm hiểu điều gì trong lòng tôi. Đoạn thầy tôi hỏi tôi:

- Con không biết đọc phải không?

- Không ạ.

- Con có biết thế nào là quyển sách không?

- Có. Người ta thường mang sách đến nhà thờ để đọc kinh, khi người ta không niệm bằng tràng hạt nữa, con đã được nhìn thấy nhiều sách, những sách đẹp, trong có ảnh, ngoài bọc da.

- Tốt. Vậy con có hiểu người ta đã in vào trong sách những câu kinh không?

- Có ạ.

- Người ta có thể viết những điều khác nữa vào trong sách. Khi con niệm tràng hạt thì con đọc lại những tiếng mà mẹ con đã rót vào tai con. Những tiếng đó từ tai con xếp vào óc con, để rồi khi con niệm, thì những tiếng đó xuống đầu lưỡi con và ra trên môi con. Còn như những người đọc kinh bằng sách thì họ không rút những tiếng ở trong óc họ ra. Họ dùng mắt để lấy những tiếng đó đã in sẵn trong sách. Thế nghĩa là họ đọc đấy.

Tôi mừng quá, như một người không ngu ngốc nữa, đã hiểu thấu những điều người ta nói ỉn hay, liền nói: Con đã trông thấy người ta đọc sách.

Thầy tôi nói tiếp:

- Người ta đã làm sách chép kinh, thì người ta cũng có thể làm sách chép những điều khác được. Ta cũng có một quyển sách, khi nào rồi sẽ đưa con xem. Ta sẽ tìm thấy trong sách đó những chuyện của những tỉnh mà ta đi qua. Những người đã ở đây hay đã đi qua những tỉnh đó đã “đề” vào trong cuốn sách của ta những điều họ đã trông thấy hay đã nghe thấy. Ta chỉ việc mở cuốn sách của ta ra đọc và biết được những tỉnh đó. Ta biết chuyện các nơi đó chẳng khác chi có người kể lại bên tai cho ta nghe vậy.

Tôi vốn sống ở nơi quê mùa, nên không có ý niệm gì về đời sống văn minh. Những lời nói đó của thầy tôi đã chiếu rọi vào óc tôi trước còn lơ mờ, sau sáng sủa dần. Thực ra mẹ tôi cũng đã cho tôi đi học nhưng chỉ học được một tháng thôi. Trong tháng đó, người ta không hề đặt quyển sách vào tay tôi, cũng không hề dạy tôi tập đọc hay tập viết. Tóm lại người ta không hề dạy tôi một bài học nào bất cứ dưới hình thức nào.

Không nên đem những tình hình hiện hữu ở các trường học ngày nay mà cho lời tôi nói là vô lý. Vì hồi đó có rất nhiều làng ở nước Pháp không có trường học. Ở những làng có trường học thì các thầy, vì lẽ này hay lẽ khác, nghĩa là các thầy không biết gì, hay có biết nhưng còn công việc khác phải làm, các thầy chẳng dạy gì cả. Các thầy chỉ việc giữ trẻ con khỏi chạy rong, tưởng rằng thế là đủ nhiệm vụ rồi.

Đó là trường hợp thầy giáo ở làng tôi. Không biết thầy có đôi chút học thức không? Có thể có, tôi không dám buộc thầy vào tội dốt. Nhưng sự thực là trong suốt thời gian tôi đến nhà ông, ông không hề cho bạn tôi cũng như cho tôi một bài học ngắn nào. Ông vốn chuyên nghề đeo guốc, nên ông chỉ đeo guốc. Từ sáng đến tối, người ta thấy thầy lúi húi làm bắn chung quanh thầy những vỏ bào gỗ dễ hay gỗ hồ đào. Chẳng bao giờ thầy nói với chúng tôi một lời, trừ khi thầy hỏi thăm cha mẹ chúng tôi, hay nói về trời rét, trời mưa.

Đến việc tập đọc, làm tính, tuyệt nhiên thầy không nói một tiếng nào. Về việc này, thầy giáo cho cô con gái thay thầy để dạy chúng tôi. Nhưng cô này chuyên nghề may thuê, cũng chăm làm như cha. Trong khi thầy bào, đẽo, thì cô múa cây kim thoăn thoắt.

Phải làm để sống. Vì chúng tôi cả thầy là mười hai học sinh, mỗi tháng mỗi người phải đóng năm mươi xu. Tổng cộng là sáu phơ rằng không đủ nuôi sống hai người trong ba mươi ngày. Những cái guốc và đồ khâu phải bổ sung cho số thu nhập của nhà trường. Vì thế, có đến trường, có đi học, mà tôi không được một chữ nào.

Tôi vừa đi vừa nghĩ. Một lúc lâu, tôi hỏi ông Vitali:

- Học đọc có khó khăn lắm không?
- Khó cho những kẻ tối dạ. Khó hơn nữa cho những kẻ không có chí. Con có tối dạ không?
- Con không biết. Nhưng nếu thầy dạy con tập đọc, con chắc rằng con không đến nỗi không có chí.
- Tốt lắm. Chúng ta sẽ học, khi nào có thì giờ.

Khi nào có thì giờ! Sao không bắt đầu ngay từ bây giờ. Tôi không hiểu rằng học đọc cũng khó, có dễ đâu. Tôi cứ tưởng tượng mở quyển sách ra là lập tức đọc được ngay.

Hôm sau, trong khi đi đường, tôi thấy thầy tôi cúi xuống đất nhặt một mảnh gỗ mỏng, cát bụi bám gần khắp. Thầy tôi bảo tôi:

- Sách tập đọc của con đây.

Quyển sách sao lại là một mảnh gỗ? Tôi nhìn thầy tôi xem ông có ý chế giễu tôi chẳng. Tôi thấy vẻ mặt thầy tôi nghiêm trang, nên tôi nhìn lại kỹ mảnh gỗ thầy tôi vừa nhặt được. Đó là một mảnh gỗ dễ thôi, dài bằng cánh tay, rộng bằng hai bàn tay, hai mặt nhẵn nhụi. Ở trên không thấy một chữ hay một nét vẽ nào cả. Đọc thế nào trên mảnh gỗ đó? Mà đọc cái gì?

Thầy tôi cười và hỏi:

- Con nghĩ gì thế?
- Thầy định giễu con?
- Con ơi! Không. Sự chế giễu đôi khi cũng tốt là để cải hóa một thói xấu. Nhưng nếu dùng để đùa cợt một người dốt thì lại là vô ý thức. Con hãy đợi khi đến lùm cây ở đằng kia, chúng ta sẽ nghỉ và con sẽ được xem ta dạy con học bằng mảnh gỗ đó.

Chúng tôi rảo bước đến chòm cây. Túi bỏ ra, chúng tôi ngồi trên đám cỏ xanh non, đó đây điểm vài bông cúc trắng. Giolicơ được tháo xích, treo tốt lên cây, rung hết cành nọ đến cành kia như để làm rụng hạt dẻ. Còn những con chó trầm tĩnh hơn, nhất là nhóc mệ hơn, nằm tròn chung quanh chúng tôi.

Normal 0 false false false EN-US X-NONE X-NONE MicrosoftInternetExplorer4

Ông Vitali móc dao trong túi ra, cầm mảnh gỗ, cố tách ra một miếng rất mỏng. Khi tách xong, thầy tôi lấy lưỡi dao cạo nhẵn cả hai mặt. Xong thầy tôi cắt thành từng miếng vuông nhỏ đều nhau, tôi đếm được mười hai miếng.

Tôi chăm chú nhìn thầy tôi làm. Mặc dầu tôi nghĩ nát óc, tôi cũng không thể hiểu với những mẫu gỗ đó, thầy tôi làm sách bằng cách nào. Tôi tuy dốt nát thực, nhưng cũng biết, một quyển phải có những tờ bằng giấy trắng, bên trên có ghi những dấu đen. Bảo là sách thì những tờ giấy đâu? Những dấu đen đen đâu? Thầy tôi nói:

- Đến mai ta sẽ lấy mũi dao khắc trên mỗi miếng gỗ đó một chữ cái. Con sẽ học và nhận mặt từng chữ. Khi con đã thuộc tất cả các chữ không nhầm, con sẽ ghép những chữ ấy lại thành tiếng. Khi con ghép được những tiếng ta đọc cho con theo, thế là con có thể tự mình nhìn trong sách mà đọc được.

Từ hôm đó, trong túi tôi lúc nào cũng chứa đầy những miếng gỗ đẹp. Rồi không bao lâu tôi đã thuộc tất cả các chữ cái. Nhưng biết đọc lại là một chuyện khác. Không phải ngày một ngày hai mà đọc được. Đã có lúc tôi nghĩ mình rất dại, tự nhiên lại xin học chữ.

Muốn cho công minh, tôi phải nói ra rằng không phải vì tôi lười mà tôi nghĩ thế, mà chính là vì lòng tự ái của tôi bị xúc phạm. Vì khi dạy tôi học. Ông Vitali nghĩ rằng cùng một lúc có thể dạy Capi được, vì con chó có thể xem giờ đồng hồ được, thì sao lại không nhận được mặt chữ.

Thế là chúng tôi cùng học chung một bài. Tôi là bạn học của Capi, hay Capi là bạn học của tôi, nói thế nào cũng được. Lẽ dĩ nhiên, Capi không đọc lên được những chữ nó trông thấy, vì nó không biết nói, nhưng khi miếng gỗ bày ra trên cỏ, nó biết lấy chân kéo ra những chữ mà thầy tôi đọc lên.

Buổi đầu, tôi học tấn tới hơn Capi nhiều. Nhưng nếu tôi thông minh hơn nó, thì nó cũng có trí nhớ hơn tôi. Cái gì nó đã thuộc rồi, thì nó nhớ mãi, không bao giờ quên. Vì nó không đãng trí, nên không bao giờ nó ngáp ngừng hoặc nhầm lẫn cả. Một hôm tôi đọc sai, thầy tôi nói luôn:

- Capi sẽ biết đọc trước Rêmi.

Con chó nghe thấy, có lẽ nó hiểu nên nó đắc chí vẫy vẫy cái đuôi.

Ông Vitali lại nói:

- Ngụ hơn loài vật, trong khi diễn trò thì hay, chứ lúc học mà thế thì xấu hổ lắm.

Tôi bức quá, hết sức chăm chú, không dám sao nhãng phút nào. Ít lâu sau tôi đọc được, khi đó con Capi đáng thương chỉ biết “viết” tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bảng chữ cái. Ông Vitali hỏi tôi:

- Bây giờ con đọc chữ thông rồi, con có muốn học đọc “nốt nhạc” không?

Đôi khi, ông Vitali có hát. Nghe ông hát lòng tôi rất thích thú, nhưng tôi không biết hát.

- Vậy con muốn hát như ta?

- Ô! Hát như thầy! Hát làm sao được. Con chỉ muốn hát được thôi.

- Con thích nghe ta hát?

- Thích nhất đời! Con họa mi hót đã hay, mà tiếng thầy còn hay hơn, mà giọng hát lại thay đổi luôn. Khi thầy hát lên, thầy có thể sai khiến được lòng con, lúc con muốn khóc, lúc con muốn cười. Và câu này con nói ra thì có lẽ thầy cho con là ngu xuẩn: khi thầy hát giọng êm ái và buồn rầu, nghe những tiếng hát đó tự nhiên con nhớ đến mẹ con, và tưởng chừng như đang ở gần mẹ con, trông thấy mẹ con ở nhà. Tuy nhiên, con vẫn không hiểu những lời trong bài hát đó, vì nó bằng tiếng Ý.

Tôi vừa nói vừa nhìn thầy. Tôi thấy thầy hơi rơm rớm nước mắt. Tôi thôi không nói nữa và hỏi thầy rằng:

- Con nói thế làm cho thầy buồn?

Bằng giọng cảm động, thầy tôi đáp:

- Không, con ạ. Con không làm ta buồn đâu, trái lại, con làm ta nhớ lại thời trai trẻ, những ngày tươi đẹp của ta thôi. Con cứ yên tâm. Ta sẽ dạy cho con biết hát. Vì con là một đứa trẻ có tình cảm, con cũng sẽ làm cho người ta khóc được và con sẽ được hoan hô. Rồi con xem...

Nói đến đây, thầy tôi bỗng ngừng lại. Tôi cho rằng về chuyện này thầy không muốn đi xa hơn nữa. Còn cái lý do làm cho thầy ngừng lời thì tôi không sao đoán được. Mãi về sau này tôi mới được rõ nguyên nhân trong những trường hợp thật đau khổ đối với tôi. Sau này, tôi sẽ xin kể đến việc đó.

Sáng hôm sau, thầy tôi bắt đầu gọt những miếng gỗ vuông và dùng mũi dao khắc những dấu vào các miếng gỗ ấy, chẳng khác gì lần trước, để làm sách dạy âm nhạc cho tôi.

Tuy nhiên, công việc lần này của thầy tôi có phần khó khăn hơn, vì những dấu cần thiết để ghi nốt nhạc rất tỉ mỉ, đòi hỏi nhiều công phu hơn là bảng chữ cái.

Mỗi miếng gỗ gọt nhẵn hai mặt, mặt nào cũng kẻ năm vạch ngang: một mặt ghi khóa sol, một mặt ghi khóa fa. Khi đã làm xong đầu đầu, bài học bắt đầu. Tôi xin thú thực rằng những bài học đó cũng khó vào óc không kém những bài tập đọc. Nhiều lần, ông Vitali vốn là người rất kiên nhẫn với các con vật, đã phải gắt với tôi. Thầy tôi kêu to:

- Với một con vật, người ta có thể chịu đựng được vì người ta biết đó là loài vật; còn con, con làm ta đến chết mất thôi!

Thầy tôi vừa nói vừa giơ hai tay lên trời như khi diễn trò, rồi vỗ đét xuống đùi. Giôlicơ hay có tính bắt chước những cái lạ, liền “rập” đúng cái cử chỉ đó. Nó thường ngồi cạnh nhìn tôi tập hát. Khi tôi ập úng, nó liền chạy ra, giơ thẳng hai tay lên trời, rồi vỗ đét vào đùi. Tôi bực mình quá nhưng không làm sao được. Đã thế, thầy tôi lại nói thêm:

- Giôlicơ nó cũng giễu con đấy!

Nếu tôi dám, thì tôi đã cãi rằng nó giễu cả thầy lẫn trò đấy. Nhưng phần vì kính trọng, phần vì nể sợ thầy, nên tôi không dám ứng đối thế. Tôi chỉ lẩm bẩm câu đó một mình, mỗi khi con khỉ vừa nhăm nháo vừa đập tay đánh đét lên đùi.

Không bao lâu, bước đầu đã vượt qua với bao khó nhọc, tôi cầm giấy và đã đọc được những nốt nhạc mà thầy tôi ghi cho tôi.

Hôm đó, thầy tôi không vỗ đùi nữa, mà lấy tay sẽ đập đập vào hai bên má tôi với vẻ trù mến và tuyên bố rằng nếu tôi tiếp tục học như thế, tôi sẽ trở thành một đại danh ca.

Quý độc giả đã biết, việc học của tôi không phải thực hành trong một ngày mà hàng tuần, hàng tháng với những mảnh gỗ lúc nào cũng chèn đầy trong túi. Hơn nữa, việc học của tôi lại không được đều đặn như việc học của học trò đến trường vào những giờ nhất định. Chỉ có lúc nào thầy tôi rảnh việc thì tôi mới được học.

Mỗi ngày, chúng tôi phải đi cho hết đoạn đường hoặc dài, hoặc ngắn tùy theo những làng ở cách xa hay gần. Chúng tôi phải diễn trò mỗi khi gặp chỗ đông đúc có thể thu được tiền. Chúng tôi phải luyện lại những vai trò cho các con chó và con Giôlicơ. Chúng tôi còn phải nấu cơm bữa sáng, bữa chiều. Xong những việc đó, mới là thì giờ để học chữ hay học nhạc. Nơi dừng chân để học phần nhiều là trong quán chợ, dưới gốc cây hay trên đồng đá, lấy bãi cỏ hay vệ đường làm bàn để bày những miếng gỗ. Cách học tập này khác hẳn cách học tập đối với phần đông những trẻ bằng tuổi tôi được đến nhà trường. Chúng tôi không phải làm lụng gì, chỉ có việc học. Thế mà nhiều khi chúng còn phàn nàn là không đủ thì giờ để làm bài. Nhưng có một điều quan trọng gấp mấy thì giờ để học tập, đó là sự chuyên cần. Không phải dành nhiều thời gian để học bài là có thể ghi được bài đó vào ký ức của ta đâu, mà cái chính là tập trung tư tưởng kia.

May cho tôi, tôi đã tập trung hết tâm trí vào việc học không bị thú chơi đùa cám dỗ. Nếu tôi chỉ có việc ngồi trong phòng với hai tay bịt tai, hai mắt dán vào quyển sách như vài đứa trẻ ù lì khác, thì liệu tôi sẽ học được gì? Chẳng được gì cả, vì chúng tôi không có buổi để mà giam mình, và trong khi đi đường, tôi phải luôn nhìn xuống chân cho khỏi vấp ngã.

Thế mà, tôi cũng đã học được đôi điều, đồng thời cũng tập quen đi đường trường, một môn học không kém bổ ích bằng những bài của thầy tôi. Tôi là đứa trẻ yếu ớt khi còn ở với mẹ tôi. Ông Bacboranh đã kêu tôi là “đứa trẻ tinh thành”. Ông Vitali đã chê tôi “chân tay mảnh dẻ quá”, như vậy đủ hiểu tình cảnh của tôi hồi đó đến thế nào.

Ở cạnh thầy tôi, được sống những nơi thoáng đãng, lại được đi nhiều, chân tay trở nên cứng cáp, lồng ngực nở nang ra, da dày dặn nắng gió, vì thế tôi có thể chịu được rét cũng như bức, mưa cũng như nắng, chịu được đau buồn, thiếu thốn, mệt nhọc.

Thời kỳ tập nghề này thực là một may mắn lớn cho tôi, vì nó đã rèn luyện tôi để sau này đủ sức chiến thắng những tai biến hiểm nghèo, ghê gớm dồn dập giáng xuống đầu tôi trong những ngày niên thiếu bơ vơ.

8. Chương 08

Chương 08 - Núi quanh đồng hoang

Chúng tôi chu du một phần miền Nam nước Pháp qua các tỉnh Ôvecnơ, Volê, Lănggôđôc. Hành trình của chúng tôi rất đơn giản: chúng tôi cứ tiến thẳng phía trước mặt, không cần suy tính. Khi nhìn xa thấy làng nào không đến nỗi xơ xác lắm, chúng tôi chuẩn bị rất chu đáo rồi mới tiến vào. Tôi trang sức cho chó, đội mũ cho Đônxơ, vận áo cho Decbinô, dán lông mày giả cho Capi để đóng vai ông già càu nhàu. Cuối cùng,

tôi ép Giolicơ phải mặc áo đại tướng. Việc này rất khó nhọc vì con khỉ biết rằng vận áo nghĩa là sắp phải làm việc, nên nó chống lại, nhảy nhót và giở nhiều trò kỳ quặc để trốn việc. Tôi phải gọi đến Capi giúp sức nó mới chịu quy hàng.

Sửa soạn xong, ông Vitali thổi tiêu đi trước, chúng tôi thứ tự theo sau.

Vào làng, nếu số người xem đông thì chúng tôi diễn, trái lại nếu người ít quá, xem chừng không thu được mấy, chúng tôi lại tiếp tục đi. Chỉ đến những thị xã lớn, chúng tôi mới ở nhiều ngày. Những hôm đó, buổi sáng rồi, tôi được phép đi chơi rong phố với Capi, dĩ nhiên nó không khoác trang phục biểu diễn.

Ông Vitali xưa nay vẫn giữ tôi luôn bên cạnh, bây giờ mới thả cho tôi tự do. Ông bảo tôi:

- Ngẫu nhiên đã đưa con đi khắp nước Pháp trong khi những đứa trẻ bằng tuổi con đang cấp sách đi học, vậy con phải mở rộng mắt ra, nhìn lấy và học lấy. Có điều gì con không hiểu, có điều gì con không hiểu, có điều gì làm con bối rối, con cứ hỏi ta, đừng ngại. Có lẽ ta không thể trả lời được tất cả những câu hỏi của con vì ta không dám tự phụ là biết hết, nhưng có lẽ nhiều câu ta cũng có thể giải thích làm thỏa được ý con. Vốn dĩ, ta có chuyên là ông bầu của những con vật làm trò rong dẫu, vì ta đã học những điều khác, không phải những điều để “giới thiệu Capi hay Giolicơ trước quý khán giả” như bây giờ đâu.

- Thầy đã học nghề gì ạ?

- Để một ngày nào ta sẽ cho con biết. Bây giờ con hãy biết rằng một người làm nghề “trình diễn chó” cũng có thể có địa vị trong xã hội. Và con cũng nên hiểu rằng nếu bây giờ con đang ở bậc thang dưới cùng trong xã hội, nếu con quyết chí, con có thể dần dần đạt một bậc cao hơn. Điều đó tùy thuộc hoàn cảnh một tỷ, còn tùy thuộc ở con rất nhiều. Con ơi! Con hãy nghe những bài học của ta, những lời khuyên của ta. Sầu này khôn lớn, con sẽ nhớ đến - ta mong thế - nhớ đến người nghệ sĩ giang hồ già nua đã rút con từ trong tay người mẹ nuôi, chắc con phải ngậm ngùi và biết ơn, vì ta yên trí rằng cái duyên gặp gỡ giữa ta và con sẽ đem lại hạnh phúc cho con.

Tôi không hiểu thầy tôi trước kia đã ở vào bậc nào trong bậc thang xã hội mà mỗi khi hơi nói chạm tới thì thầy tôi lại thôi. Điều đó nhiều lần gợi trí tò mò và làm cho óc tôi phải suy nghĩ. Nếu ông Vitali đã ở trên một bậc cao trong bậc thang xã hội như có lần ông đã nói thì sao bây giờ ông phải tụt xuống bậc thấp? Ông lại cho rằng tôi có thể lên cao nếu tôi muốn, tôi chẳng là cái gì, không biết gì, không gia đình và không một ai giúp đỡ. Thế sao chính ông lại bị xuống thấp?

Sau khi đã vượt qua núi Ôvecnhơ, chúng tôi đến cùng đá vôi Xecxi. Ở đây mặt đồng mấp mô như sóng gợn, không trông trọt gì, chỉ có những khoảng rừng thưa thớt, còm cõi. Đó là một miền bần bạc nhất và quạnh hiu nhất. Trong vùng, tuyệt nhiên không có một vũng nước nào, không có suối, không có sông, không có ao. Đây đó, người ta nhìn thấy những lòng khe cạn khô, đầy đá lởm chởm. Nước đã chảy hết vào vực thẳm và ngấm xuống đất để rồi rỉ ra những chỗ xa và chảy vào suối hoặc những sông con.

Ở giữa cánh đồng cháy nắng đó, là làng Bastidơ Muyra. Chúng tôi vào tìm chỗ trọ và ngủ đêm trong vựa cỏ của một hàng cơm. Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, ông Vitali nói chuyện với tôi:

- Ở trong vùng này, và có lẽ ngay trong quán trọ này đã sinh ra một người từng làm chết bao nhiêu quân lính. Người đó xuất thân chỉ là một trẻ chăn ngựa, rồi trở thành vương hầu, rồi lên đến ngôi vua, người đó tên là Muyra. Người ta coi là một vị anh hùng và lấy tên đặt cho làng này. Ta có quen ông ấy và đã nhiều lần nói chuyện với ông ấy.

Tôi buột miệng hỏi: Khi ông ấy còn chăn ngựa?

- Không. Khi ông ấy đã làm vua rồi. Tuy ta mới đến làng Bastidơ này lần thứ nhất, nhưng ta đã gặp ông ấy tại thành Naplơ, ở giữa triều đình của ông ấy.

- A! Thầy quen vua!

Tôi thích chí kêu to quá làm thầy tôi phải bật cười và cười khá lâu.

Chúng tôi ngồi trên cái ghế dài trước chuồng ngựa, lưng tựa vào bức tường còn nóng, vì phơi nắng ban ngày. Trên đầu chúng tôi lá sung rườm rà, những con ve sầu kêu rí rỉ điếc tai. Trước mặt chúng tôi, trăng tròn

lơ lửng quá nóc nhà đang dần dần lên cao. Ban ngày nóng nực bao nhiêu, thì đêm đó êm ả, mát dịu bấy nhiêu.

Ông Vitali hỏi tôi:

- Con có buồn ngủ không? Nếu không, ta kể chuyện vua Muyra cho con nghe.

- Ồ! Xin thầy kể cho con nghe.

Rồi thầy tôi kể từ đầu chí cuối chuyện đó cho tôi nghe. Chúng tôi ngồi trên ghế hàng mấy giờ đồng hồ, thầy tôi thì nói, tôi thì dán mắt vào mặt thầy tôi, lấp loáng trong ánh trăng xanh. Phải, chuyện đó có thể có được, không những có thể có mà còn thực nữa. Từ trước tới giờ, tôi không có một ý niệm gì về lịch sử cả. Ai kể à nghe? Mẹ tôi chắc chắn là không kể, vì bà cũng chẳng biết lịch sử là gì. Bà sinh trưởng ở làng Savanông, rồi bà cũng sẽ từ trần ở đó. Ốc bà không hề đi xa hơn con mắt bà. Và đối với con mắt của bà thì vũ trụ chỉ là vòm trời từ trên đỉnh núi Ôđudơ đến tận chân trời bao quanh mà thôi.

Thầy tôi đã trông thấy bao nhiêu điều lạ, điều hay.

Không biết trong thời niên thiếu, thầy tôi đã làm gì? Và tại sao đến lúc tuổi già, thầy tôi lại ở trong hiện trạng này?

Đó là một câu hỏi làm cho bộ óc non nớt hiếu kỳ của tôi phải suy nghĩ.

9. Chương 09

Chương 09 - Người khổng lồ với đôi hài bảy dặm

Đi hết vùng đá vôi hoang dã, chúng tôi tới một thung lũng mát mẻ, xanh tươi, đó là thung lũng sông DDooocđônnhơ. Chúng tôi ghé lại đây nhiều ngày liền. vì đất phì nhiêu và dân phong phú. Chúng tôi diễn trò liên tiếp và với cái bát con, Capi cũng thu được nhiều tiền.

Một cái cầu lửng lơ trên không như treo bởi những sợi dây của Thánh Mẫu, nằm ngang trên con sông, nước chảy lững lờ, đó là cầu Cupdắc và sông Doocđônnhơ.

Một thành phố hoang tàn với những hầm, những hố, những tháp và những bức tường đổ nát của một tu viện ở giữa, có cây cối mọc um tùm và tiếng ve kêu ra rả. Đó là thành phố Thánh Emiliông.

Tất cả những cảnh tượng hỗn độn đó lu mờ trong óc tôi, duy có cảnh trí sau này hiện rõ rệt trong trí nhớ đến ngày nay.

Chúng tôi lưu lại một đêm trong làng nhỏ. Sáng hôm sau chúng tôi đến một khoảng mênh mông, phong cảnh hiện ra trước mắt như một bức tranh.

Một con sông lượn quanh trái đồi mà chúng tôi vừa đến. Bên bờ sông, nổi lên san sát những mái nhà; những tháp chuông của một thành phố vươn mãi tận chân trời. Biết cơ man nào là nhà! Cơ man nào là ống khói! Một vài ống khói ngất ngểu như những cái cột cao vượt hẳn lên, nhả ra những cuộn khói đen, tỏa theo chiều gió, rồi tan ra thành một đám sương mù mờ trên thành phố. Dưới sông, thuyền đậu chen chúc bên nhau. Những cột buồm, dây buồm, cánh buồm đâm lên chỉ chít như đám cây rừng, trong đó những sắc cờ phấp phật bay ngang. Người ta nghe thấy những tiếng ù ù, tiếng sắt, tiếng nôi sụp-de, tiếng búa, thêm vào đó có cả tiếng xe cộ chạy âm âm trên bến nữa. Ông Vitali bảo tôi:

- Thành phố Boocđô đấy!

Đối với những đứa trẻ như tôi, từ bé đến giờ chỉ được trông thấy những xóm làng nghèo khổ ở vùng Crơđơ, hơn chút nữa là những tỉnh nhỏ tình cờ được trông thấy khi đi đường, thì thành phố này là một cảnh tiên.

Không nghĩ ngợi gì, tôi đứng ngay lại, yên lặng nhìn đàng trước tôi, chỗ gần, chỗ xa và khắp cả xung quanh tôi. Song, mắt tôi chăm chú vào một điểm: khúc sông có tàu thuyền đậu. Thực vậy, chỗ đó có một hoạt động từng bừng mà tôi chưa nhìn thấy bao giờ.

Có những chiếc tàu, căng cánh buồm, nghiêng mình chạy xuôi, những chiếc khác, chạy ngược dòng, chậm hơn. Cũng có chiếc đứng như những hòn đảo. Cũng có

10. Chương 09

Chương 09 - Người khổng lồ với đôi hài bầy dậm

Đi hết vùng đá vôi hoang dã, chúng tôi tới một thung lũng mát mẻ, xanh tươi, đó là thung lũng sông Doocdônơ. Chúng tôi ghé lại đây nhiều ngày liền. vì đất phì nhiêu và dân phong phú. Chúng tôi diễn trò liên tiếp và với cái bát con, Capi cũng thu được nhiều tiền.

Một cái cầu lững lơ trên không như treo bởi những sợi dây của Thánh Mẫu, nằm ngang trên con sông, nước chảy lững lơ, đó là cầu Cupdắc và sông Doocdônơ.

Một thành phố hoang tàn với những hầm, những hố, những tháp và những bức tường đổ nát của một tu viện ở giữa, có cây cối mọc um tùm và tiếng ve kêu ra rả. Đó là thành phố Thánh Emiliông.

Tất cả những cảnh tượng hỗn độn đó lu mờ trong óc tôi, duy có cảnh trí sau này hiện rõ rệt trong trí nhớ đến ngày nay.

Chúng tôi lưu lại một đêm trong làng nhỏ. Sáng hôm sau chúng tôi đến một khoảng mênh mông, phong cảnh hiện ra trước mắt như một bức tranh.

Một con sông lượn quanh trái đồi mà chúng tôi vừa đến. Bên bờ sông, nổi lên san sát những mái nhà; những tháp chuông của một thành phố vươn mãi tận chân trời. Biết cơ man nào là nhà! Cơ man nào là ống khói! Một vài ống khói ngất ngểu như những cái cột cao vượt hẳn lên, nhả ra những cuộn khói đen, tỏa theo chiều gió, rồi tan ra thành một đám sương mù mờ trên thành phố. Dưới sông, thuyền đậu chen chúc bên nhau. Những cột buồm, dây buồm, cánh buồm dăm lên chỉ chút như đám cây rừng, trong đó những sắc cờ phấp phật bay ngang. Người ta nghe thấy những tiếng ù ù, tiếng sắt, tiếng nôi súp-de, tiếng búa, thêm vào đó có cả tiếng xe cộ chạy ầm ầm trên bên nữa. Ông Vitali bảo tôi:

- Thành phố Boocđô đây!

Đối với những đứa trẻ như tôi, từ bé đến giờ chỉ được trông thấy những xóm làng nghèo khổ ở vùng Crôđơ, hơn chút nữa là những tỉnh nhỏ tình cờ được trông thấy khi đi đường, thì thành phố này là một cảnh tiên.

Không nghĩ ngợi gì, tôi đứng ngay lại, yên lặng nhìn đàng trước tôi, chỗ gần, chỗ xa và khắp cả xung quanh tôi. Song, mắt tôi chăm chú vào một điểm: khúc sông có tàu thuyền đậu. Thực vậy, chỗ đó có một hoạt động từng bừng mà tôi chưa nhìn thấy bao giờ.

Có những chiếc tàu, căng cánh buồm, nghiêng mình chạy xuôi, những chiếc khác, chạy ngược dòng, chậm hơn. Cũng có chiếc đứng như những hòn đảo. Cũng có chiếc quay tròn như cánh chong chóng. Sau cùng, cũng có những chiếc không cột, không buồm, nhưng có một cái ống nhả từng cuộn khói đen lên trời, chạy ngang, chạy dọc rất nhanh, rẽ làn nước vàng và để lại ở đằng sau luồng bọt trắng xóa.

Thấy tôi ngơ ngác, thầy Vitali giảng nghĩa cho tôi:

- Đến giờ nước triều lên, những tàu này mới ở biển vào. Chúng đã đi xa và đi lâu nên nước sơn đã bạc, và vỏ ngoài đã gỉ. Những chiếc kia vừa rời bến. Còn những chiếc đang quay ở giữa sông là chúng xoay quanh neo để hướng mũi tàu về phía ngọn nước đang lên. Còn những chiếc đang chạy hiện ngang trong đám khói đen kia là những chiếc tàu kéo.

Tôi được nghe bao nhiêu tên lạ và trông thấy bao nhiêu điều mới! Khi chúng tôi đi đến chiếc cầu nổi liền Baxti với Boocđô thì thầy Vitali không có đủ thì giờ để trả lời lấy một phần trăm câu hỏi tôi muốn hỏi. Từ trước đến giờ, không bao giờ chúng tôi nghỉ lâu ở những tỉnh đã đi qua vì chúng tôi ít trò quá, phải đi mỗi ngày một nơi để diễn thì mới có khách xem. Với những kịch sĩ như trong gánh xiếc trứ danh của đoàn Vitali, chương trình khó lòng mà biến hóa cho nhiều. Vì thế khi chúng tôi đã diễn xong “Người đầy tớ của ngài Giôlicơ”, “Cái chết của đại tướng”, “Sự đắc thắng của người chính trực”, “Liều thuốc tủy”, và ba bốn vở nữa coi như là hết. Khán giả xem đủ và cho là đủ rồi. Phải đem “Người đầy tớ của ngài Giôlicơ” hay “Liều thuốc tủy” đến một nơi khác mà công chúng chưa được xem.

Nhưng thành Boocđô là một đô thị lớn, khán giả thay đổi luôn luôn. Chúng tôi chỉ luân chuyển đi các phố là có thể diễn ba suất mỗi ngày. Công chúng không đến nổi kêu như ở Cahô: Cứ mãi một trò!

Ở Boocđô được ít lâu, chúng tôi lại phải đi tỉnh Pô. Từ ngoại thành Boocđô đến dãy núi Pyrênê, chúng tôi phải qua một bãi sa mạc người ta thường gọi là Lãngđơ.

Tôi tuy không phải là con chuột nhắt nói trong ngụ ngôn, trông thấy cái gì cũng lạ, cũng hay và cũng sợ, nhưng trong đoạn đầu cuộc hành trình trên sa mạc, tôi bị mỗi cái nhằm to khiến thầy tôi cười mãi và chế nhạo mãi đến tỉnh Pô mới thôi.

Rời Boocđô được bảy tám ngày, sau khi theo bờ sông Garon đến Lãnggôn thì chúng tôi sẽ sang đường đi Môngmacsăng. Không còn vườn nho, không còn đồng cỏ, không còn vườn quả nữa. Chỉ toàn rừng thông và bụi rậm. Những nhà dân mỗi ngày một tồi tàn hơn. Rồi chúng tôi đi qua một vùng đồng không mông quạnh, mặt đất mấp mô và bát ngát đến chân trời. Không có chỗ nào cày cấy, không có rừng, xa xa toàn đất xám. Gần chúng tôi, hai bên đường rêu phủ, lác đác có những bụi gai khô và những cây kim tước cằn cỗi. Thầy Vitali bảo tôi:

- Chúng ta đang ở bãi Lãngđơ đấy. Còn phải đi trong sa mạc này từ hai mươi đến hai lăm dặm nữa. Con phải dồn hết can đảm vào hai chân con đấy.

Tôi nghĩ không những phải dồn hết can đảm vào hai chân, mà còn phải để vào óc và tim nữa, vì đi trên con đường hình như vô tận này, tôi cảm thấy một nỗi buồn khó có thể xua tan được.

Sau này, tôi đã nhiều lần đi biển. Mỗi khi tôi ở giữa biển khơi mà không trông thấy bóng một cánh buồm nào là lòng tôi lại thấy phảng phất một nỗi buồn khôn tả như nỗi buồn mà tôi cảm thấy trong bãi sa mạc này. Khác nào như ở trên biển cả, chúng tôi đưa mắt nhìn khắp bốn phương, cho tới chân trời chìm đắm trong màn sương mù chẳng thấy gì cả, chỉ thấy màu đất xám mênh mông, hiu quạnh ở trước mặt chúng tôi.

Chúng tôi cứ tiến. Lầm lức, ngược mắt nhìn chung quanh, tôi tưởng chừng như vẫn giậm chân nguyên một chỗ, không tiến được bước nào, vì cảnh tượng cứ y nguyên: vẫn bụi gai, vẫn khóm kim tước, vẫn đám rêu và vẫn những cỏ dương, lá rậm và mềm, nhấp nhô theo làn gió như những lớp sóng gợn.

Từng quãng rất xa mới lại thấy những khu rừng nhỏ. Nhưng những khu rừng này cũng chẳng làm phong cảnh thêm vui mắt như ở các chỗ khác. Rừng toàn là những cây thông chặt hết cành. Khắp thân đều mang vết chém sâu. Ở những vết thương đó chảy ra những giọt nhựa bám vào vỏ cây như những giọt lệ trắng kết tinh. Khi những cơn gió to thổi qua rừng, một âm thanh rên rỉ phát ra khiến ta tưởng tượng như nghe thấy tiếng của những thân cây khốn nạn kia đang than khóc phận mình.

Thầy Vitali bảo tôi đến chiều hôm đó thì tới một làng mà chúng tôi có thể nghỉ chân được. Nhưng chiều đến, chúng tôi chẳng nhìn thấy dấu hiệu gì tỏ ra là đã đến gần làng đó. Không có đồng ruộng hoa màu, không có trâu bò ăn cỏ, mà ở xa cũng chẳng thấy một đám khói xanh nào chứng tỏ nơi đó có dân cư.

Từ sáng sớm, tôi đã thấy mệt rồi. Đến bây giờ thì thân thể đau như dầm. Thế mà đi mãi vẫn không thấy cái làng hạnh phúc đó nổi lên ở đầu con đường bất tận này.

Tôi cố giương mắt nhìn xa, vẫn chỉ trông thấy toàn bãi hoang là bãi hoang. Những bụi cây hỗn loạn chìm dần vào trong bóng tối mỗi lúc một dày thêm.

Tưởng rằng sắp tới nơi nên ai nấy đều rảo bước. Thầy tôi vốn quen đi đường trường, cũng thấy mệt rồi. Thầy tôi bảo dừng lại và nghỉ một lúc ở bên vệ đường.

Đáng lẽ phải ngồi bên thầy tôi, tôi lại muốn leo lên trái đồi kim tước gần đó, xem quanh đây có ánh đèn, lửa của một làng mạc nào không.

Tôi gọi Capi cùng đi với tôi. Nhưng nó cũng nhọc và giả điếc. Đó là cái mảnh lời vẫn quen áp dụng với tôi mỗi khi nó không thích nghe lời tôi. Thầy Vitali hỏi:

- Con sợ à?

Câu đó làm tôi không rủ Capi nữa, mà nhất quyết đi khám phá một mình. Nghĩ đến câu nói của thầy tôi, tôi trở nên mạnh dạn. Tuy nhiên, đêm tối, không trăng, chỉ có những ngôi sao lấp lánh trên trời tỏa sáng yếu ớt xuống vùng không khí ít nhiều hơi mù mỏng nhẹ.

Tôi vừa đi vừa nhìn hai bên. Tôi nhận thấy lúc chạng vạng này làm ọi vật có một hình dáng kỳ lạ. Phải nhìn mãi mới đoán ra được đây là bụi rậm, là khóm kim tước và đằng xa kia là mấy cây nhỏ, thân cong queo, cành vượn vẹo. Xa hơn nữa, những bụi cỏ, những khóm cây trông giống những loài vật thuộc một thế giới huyền ảo.

Thật kỳ lạ. Trong bóng tối lờ mờ, cánh đồng biến dạng hẳn, hình như chứa đầy những quái vật hiện hình.

Tôi nghĩ một người khác vào địa vị tôi có lẽ phải khiếp sợ trước những hình thù kỳ quái đó. Điều đó có thể xảy ra được, vì thầy Vitali chẳng đã hỏi tôi rằng “con sợ” à? Tuy nhiên, tôi tự hỏi mình và tôi không hề sợ sệt chút nào.

Tôi càng leo lên đồi thì những cây kim tước càng to dần ra, những bụi rậm cao hơn lên. Những ngọn cây nhiều chỗ vượt khỏi đầu tôi và lắm lúc tôi phải chui dưới cành lá.

Chẳng mấy lúc tôi đã lên tới ngọn đồi. Tôi nhìn chung quanh, chẳng thấy tí ánh lửa nào. Tôi nhìn sâu vào trong bóng tối, chỉ thấy những hình mập mờ, những bóng đen kỳ dị, những cây kim tước giờ cành ra như những cánh tay vớ lấy tôi, những bụi rậm nhảy nhót chung quanh tôi. Không nhìn thấy gì tỏ ra là có nhà nào ở gần đó, tôi cố lắng tai nghe xem có tiếng động gì không: tiếng bò kêu, tiếng chó sủa chẳng hạn.

Tôi đứng im một lúc, nín thở để nghe cho rõ hơn, chợt tôi sờn người, cảnh vắng lặng của cánh đồng làm cho tôi hoảng hốt: Tôi sợ. Sợ gì? Tôi cũng không hiểu. Có lẽ sợ sự yên lặng, sợ sự vắng vẻ và sợ đêm tối chẳng? Dù sao, tôi cảm thấy hình như có một sự nguy hiểm gì sắp đến nơi.

Giữa lúc tôi hoang mang nhìn xung quanh, thì thấy một bóng đen cao lớn đang cử động trên ngọn những cây kim tước, đồng thời tôi nghe thấy tiếng sột soạt trong đám lá cây.

Tôi cố trấn tĩnh cho rằng vì tôi sợ quá thành ra hoảng hốt, cái bóng đen kia có lẽ là một cây to mà lúc trước tôi chưa nhìn thấy.

Nhưng tiếng sột soạt kia ở đâu ra? Lúc đó không có một tí gió nào. Những cành cây dù nhẹ đến đâu cũng không thể tự cử động được, phải có gió thổi hoặc có ai lay thì chúng mới lay động.

Có người chẳng? Nhưng không, không thể là người được, cái thân hình to đen đang tiến đến phía tôi. Có lẽ là một con vật mà tôi chưa trông thấy bao giờ, hay một con chim khổng lồ đi ăn đêm, hay một con nhện rừng có bốn chân, lêu lêu đó đang lêu khêu bước trên các bụi rậm dưới ánh xanh lợt của trời sao. Có điều chắc chắn là con vật đó chân rất dài và đang bước gấp rút đến chỗ tôi.

Đích thị là nó trông thấy tôi và đang đuổi tôi. Nghĩ thế, tôi liền quay lại, cầm cổ chạy xuống sườn đồi về chỗ thầy Vitali.

Nhưng lạ quá! Tôi thấy tôi xuống chậm quá không bằng lúc leo lên. Tôi vướng chân ngã dúi dụi vào các bụi cây. Gỡ được ra, tôi nhìn lại đằng sau, con vật đã đến gần, nó sắp theo kịp tôi.

May sao, tôi đã xuống chân đồi, hết bụi rậm, đường lại phẳng, nên tôi chạy băng băng trên ngọn cỏ.

Tôi chạy đã nhanh, con vật còn bước nhanh hơn. Tôi không cần ngoảnh lại cũng biết con vật đã đến sau lưng tôi. Tôi không thở được nữa và tối cả mặt mũi lại. Tôi chạy đến chân thầy tôi và ngã lăn ra. Ba con chó giật mình tỉnh dậy sủa rầm lên. Tôi chỉ nói được hai tiếng:

- Con vật! Con vật!

Tôi nghe thấy tiếng cười lớn phát ra trong những tiếng chó sủa. Đồng thời, thầy vỗ vai tôi, bắt tôi quay mặt lại và bảo:

- Con vật vẫn là con đấy. Con hãy nhìn lại một tý. Có dám nhìn không?

Tiếng cười, nhất là lời nói của thầy đã làm tôi vững dạ. Tôi dám mở to mắt và nhìn phía tay ông chỉ.

Con quái vật đuổi tôi bây giờ cũng dừng lại. Nó đứng im trên đường cái. Tôi xin thú thực, vẫn còn run và kinh. Nhưng có thầy tôi đây, lại có đàn chó nữa, nên tôi trấn tĩnh lại, tôi nhìn kỹ hình thù đó.

- Có phải con vật không? Có phải con người không?

Giống người vì nó có mình, có đầu và hai cánh tay. Giống con vật vì da nó có lông lá và nó có hai cái cẳng chân dài khẳng kheo, đến hai, ba mét.

Mặc dầu trời tối đen, tôi cũng nhận rõ những chi tiết đó vì cái bóng đen của con quái vật “hằn” rõ trên nền trời lơ mờ ánh sao.

Tôi đang nghĩ phân vân không biết đó là vật hay người, thì thầy tôi cất tiếng hỏi bóng đen đó:

- Có làng xóm nào gần đây không? Chỉ giúp chúng tôi!

Đó là người à? Vì thầy tôi đang nói với nó.

Một tiếng cười the thé như tiếng chim đáp lại.

Đó là giống vật à?

Thế mà thầy tôi cứ cố hỏi, tôi thấy là cả một sự vô lý, vì ai chẳng biết rằng dù giống vật đôi khi có thể hiểu ta nói gì, nhưng nó có nói được bao giờ mà ta hỏi. Tôi rất đỗi ngạc nhiên, khi thấy con vật đó trả lời rằng chung quanh đây không có nhà cửa gì, chỉ có cái trại chăn cừu, nếu muốn đi thì nó đưa đến.

Nó nói được, sao nó lại có cái cẳng dài?

Nếu tôi bạo gan, thì tôi đã đến gần sờ xem hai cái chân nó thế nào. Nhưng dù nó không có vẻ gì là dữ tợn, tôi cũng không có can đảm làm thế. Tôi đành nhặt túi xách và yên lặng đi theo thầy tôi, không nói gì. Thầy tôi hỏi tôi:

- Con đã nhìn rõ con quái vật nó làm con sợ hết hồn chưa?

- Con nhìn rõ rồi. Nhưng con không hiểu. Thế ra ở vùng này có những người khổng lồ à?

- Phải khi họ đo cà kheo.

Rồi thầy tôi cất nghĩa cho tôi nghe. Những dân miền Lăngđơ muốn qua được bãi cát hay bãi lầy thường dùng cà kheo để đi cho khỏi tụt chân xuống cát, xuống bùn, những đôi cà kheo là những cái gậy dài bên trên có bàn guốc để xỏ và buộc chân vào.

Vì thế, họ thành những người khổng lồ với những đôi hài bầy dậm trước con mắt những trẻ em hay sợ hãi huyền.

11. Chương 10

Chương 10 - Trước cửa công

Thành phố Pô đã để lại cho tôi một kỷ niệm rất êm đềm. Mùa đông, trời ít gió. Ngày nào chúng tôi cũng đi dạo trong các phố, trong các công trường, trên các đại lộ và thu thập được khá nhiều.

Suốt mùa đông, chúng tôi ngày nào cũng có một lượng khán giả rất đông, phần nhiều là trẻ con Anh, những em trai da thịt hồng hào, những em gái nhỏ xinh tươi với đôi mắt dịu dàng như đôi mắt Đôn-xơ. Các em

xem mãi và không kêu “Cứ mãi một trò”. Các em thường đem sẵn các thứ bánh ngọt trong túi để lúc xem phân phát cho Giôlicô, cho các con chó và cho cả tôi nữa, do đó tôi mới biết mùi những thứ bánh ngon.

Mùa xuân đến, ngày bắt đầu nóng thì chúng tôi cũng bắt đầu thưa khách dần. Một chiều, sau khi diễn trò, các em bé lần lượt bắt tay Giôlicô và Capi như thể vĩnh biệt chúng tôi. Hôm sau, chúng tôi không có lấy một khán giả. Chúng tôi nghĩ phải rời đi nơi khác.

Một buổi sáng, chúng tôi lên đường. Ngoảnh lại thì những ngọn tháp thành Pô đã xa mờ. Chúng tôi tiếp tục cuộc sống lang thang trên đường cái. Chúng tôi cứ thẳng trước mặt mà đi, khi xuống thung lũng, lúc lên đồi, khi qua rừng, lúc lội suối, cứ đi như thế không biết bao nhiêu là ngày, bao nhiêu là tuần, bên tay phải chúng tôi vẫn thấy dãy Pyrênê xa trông như những đám mây chồng chất lên nhau.

Rồi một buổi chiều, chúng tôi đến một thành phố lớn, bên một dòng sông, trong miền ruộng đất phì nhiêu. Nhà cửa xây toàn bằng gạch đỏ trông không đẹp mấy. Đường sá rải đá sỏi vừa rần vừa nhộn làm đau chân những kẻ lữ hành, đã mỗi một vì đi mỗi ngày mười dặm.

Thầy tôi bảo chúng tôi đã tới tỉnh Tuludơ và sẽ lưu trú ở đó ít lâu. Theo lệ thường, công việc thứ nhất của chúng tôi là phải tìm chỗ để hôm sau ra mắt công chúng. Chúng tôi tìm được ngay vì nơi dạo chơi ở Tuludơ không hiếm, nhất là về phía vườn Bách Thảo. Ở đó có một h viên đẹp và râm mát, bốn ngã có đại lộ đổ vào. Chúng tôi chọn một chỗ rất tốt bên lề một đại lộ đó để dựng rạp. Ngay buổi diễn đầu tiên đã thu hút nhiều người thưởng thức.

Không may, viên cảnh sát coi phố đó không đồng ý cho chúng tôi diễn tại chỗ ấy, hoặc vì ông ta không thích chó, hoặc vì chúng tôi làm ngăn cản công vụ của ông ta, hoặc vì một lẽ gì khác ông ta cố tình đuổi chúng tôi đi.

Vào địa vị của chúng tôi, nên nhượng bộ viên cảnh sát là phải, là khôn, vì cuộc tranh chấp giữa những kẻ diễn trò rong với cảnh sát là không cân sức, cầm chắc cái thua. Nhưng, không hiểu sao thầy tôi ngày thường nhẫn nại là thế, bỗng nổi nóng lên và không chịu bãi trò.

Tuy là người diễn trò nghèo túng, thầy tôi vẫn kiêu hãnh. Hơn nữa, thầy tôi lại ình là phải, sẽ được bênh vực, vì không làm gì hại đến luật pháp hoặc mệnh lệnh cảnh sát cả.

Khi thầy tôi muốn nén tức giận, thầy tôi thường cố tình tỏ ra quá lễ phép. Cứ nghe những lời bẩm báo của thầy tôi đang đứng trước mắt một vị cao cấp.

Thầy tôi, mũ cầm tay, nghiêng mình trả lời viên cảnh sát:

- Kính thưa vị đại diện khả kính của Nha cảnh sát, xin ngài sẵn lòng làm ơn cho chúng tôi xem bản sắc lệnh của quý Nha nói về việc cấm những kẻ làm trò hèn mọn như chúng tôi không được trình diễn cái nghề tầm thường ở nơi công cộng này.

Viên cảnh sát bảo không phải là việc cãi vã, mà là việc tuân lệnh. Thầy Vitali đáp:

- Đành thế. Tôi đã hiểu rõ. Tôi xin cam đoan là tuân lệnh ngay lập tức, nếu ngài đại diện cho tôi biết ngài đã thi hành khoản nào trong mệnh lệnh của cảnh sát?

Hôm đó viên cảnh sát quay ra, thầy tôi, mũ cầm tay giả bộ lễ phép theo tiễn chân và cúi rạp xuống chào.

Nhưng hôm sau, viên cảnh sát lại đến, bước qua dây và nhảy vào giữa vòng tròn đang diễn, hăm hăm bảo:

- Rọ miệng chó lại!

- Rọ miệng chó?

- Đó là luật cảnh sát, ông phải biết.

Lúc đó chúng tôi đang diễn “Liều thuốc tủy”. Vì vở đó khai diễn hôm nay là lần thứ nhất tại thành phố này, nên đông người xem lắm. Bởi thế, sự can thiệp của người cảnh sát làm cho công chúng xôn xao và bất mãn.

- Dừng phá đám!

- Để họ diễn xong đã!

Thầy Vitali giơ tay yêu cầu yên lặng. Tồi cất mũ cúi chào quá thấp, lông mũ quét cả đất, thầy Vitali lại trước mặt viên cảnh sát, kính cẩn nghiêng mình ba lần và hỏi:

- Kính thưa ngài đại diện khả kính của Nha cảnh sát, có phải ngài truyền tôi phải rọ miệng chó lại không?
- Phải, rọ ngay lại. Còn lời thôi cái gì?

Thầy Vitali liền hướng vào công chúng và cả viên cảnh sát nói to:

- Rọ miệng Capi, Decbinô, Đônxo! Đó là ngài chưa soi xét cho. Hiện bác sĩ Capi, thông thái và nổi tiếng khắp hoàn cầu đang cho bệnh nhân uống thuốc, nếu rọ miệng bệnh nhân lại thì uống làm sao được? Kính thưa ngài, tôi xin thất lễ trình ngài biết cho rằng chính qua miệng mà y học mới có đường để dẫn thuốc trị bệnh. Nay bác sĩ Capi không dám tự tiện dùng lối khác để dẫn thuốc trước mặt các vị khán giả ưu tú này.

Đến câu này tiếng cười nổi lên vang dậy. Ai cũng khen ngợi thầy Vitali và chế nhạo viên cảnh binh. Họ thích nhất khi thấy con Giôlicơ cũng làm trò trên cột. Nó đứng đằng sau vị đại diện cảnh sát. Nó bắt chước đúng điệu bộ của vị này, khi khinh tay trước ngực, khi khuỳnh tay hai bên sườn, khi ngả đầu về đằng sau và nhăn nhó mặt mũi, trông không nhịn cười được.

Khó chịu về những câu nói của thầy Vitali, lại bức tức bởi những tiếng cười của công chúng, viên cảnh sát coi bộ không phải là người kiên nhẫn, quay phắt ra.

Viên cảnh sát gặp ngay con khỉ đứng khuỳnh tay hai bên sườn ra vẻ đắc chí. Người và vật trừng mắt nhìn nhau trong mấy giây đồng hồ như để xem ai phải cúi mặt chịu thua. Tiếng cười rộ lên làm viên cảnh sát bỏ đi ra, còn ngoái lại giơ nắm tay đe rằng:

- Đến mai, nếu ông không rọ miệng chó, tôi sẽ lập biên bản trình tòa. Bảo ông biết thế.

Ông Vitali đáp:

- Đến mai! Thưa ngài, đến mai! Rồi, thầy Vitali lại khúm núm cúi chào rất lễ phép. Cuộc diễn lại tiếp tục. Tôi yên trí thế nào thầy cũng đi mua “rọ mõm” cho chó, nhưng không, suốt cả buổi chiều, thầy tôi chẳng nói gì đến chuyện cảnh sát cả. Tôi đành báo nhắc thầy tôi:
- Thầy nên mua rọ đeo trước cho Capi quen đi, kéo đến lúc làm trò mới dùng sợ nó bứt ra.
- Con tưởng ta phải đeo rọ sắt cho chó chẳng?
- Trời! Thầy không xem ông cảnh sát cố ý hành ta?

- Con cứ yên tâm. Mai ta sẽ thu xếp để khỏi phải làm biên bản và cũng để cho những con chó của ta khỏi phải khổ. Mặt khác, cũng nên nhân dịp đó làm cho công chúng vui thêm. Viên cảnh sát đó có lẽ sẽ giúp chúng ta thu được nhiều tiền, vì hẳn sẽ vô tình đóng một trò trong tấn hài kịch mà ta đang chuẩn bị. Muốn thế, ngày mai con sẽ đến nơi diễn một mình với con Giôlicơ. Con sẽ chẳng dây và đạo một vài bản độc tấu. Khi công chúng dự khá đông và viên cảnh sát đến, thì sẽ có mặt ta và các con chó ở đây. Lúc đó, hài kịch sẽ mở màn.

Tôi không vui và thấy ngại ngại. Tôi không muốn ra chỗ diễn một mình. Nhưng biết tính thầy tôi một khi đã quyết điều gì thì khó ai lay chuyển được. Tôi đành phải vâng lời.

Sáng hôm sau, tôi đến chỗ diễn cũ xếp đặt và chẳng dây. Tôi vừa dạo vài tiếng đã thấy công chúng kéo đến rộn rã chung quanh vòng dây.

Mấy tháng gần đây, nhất là trong thời gian ở Pô, thầy tôi đã dạy tôi độc tấu đàn. Tôi học không đến nỗi dở lắm. Tôi thuộc được nhiều bài, duy có khúc “Dân ca Ý” là tôi đàn và hát trội hơn cả, nhiều lần được công chúng vỗ tay tán thưởng.

Sở dĩ sáng nay công chúng đến đông như vậy là vì họ biết chuyện xảy ra hôm trước. Họ đem theo cả bạn hữu đi. Ở Tuludơ, họ không ưa cảnh sát. Họ tò mò muốn xem ông già người Ý cư xử như thế nào. Mặc dầu thầy Vitali ngọt ngào nói: “Thưa ngài, đến mai!”, người ta cũng đoán được rằng sự gặp gỡ hôm nay sẽ có nhiều trò vui thích do ông già “xuất chiêu” ra để trêu người cảnh sát vụng về và bần tính.

Vì thế khi thấy có một mình tôi với con Giôlicơ, mấy người khác đã hỏi: Ông già Ý không đến à?

- Ông sắp đến đây.

Tôi trả lời và tiếp tục hát bài dân ca của tôi. Một lát sau, không phải thầy tôi đến mà là viên cảnh sát đến. Giôlicơ nhìn thấy trước, nó liền khuynh tay lên sườn, ngửa đầu về đằng sau, đi đi lại lại nghênh ngang trong vòng dây.

Công chúng vỗ tay cười nhiều lần. Viên cảnh sát bực tức tròn xoe mắt nhìn tôi. Công chúng lại cười ầm lên.

Tôi cũng rất buồn cười, nhưng lo quá không biết chuyện này sẽ đi đến đâu. Nếu thầy tôi ở đây, thầy tôi sẽ đối đáp với viên cảnh sát. Nhưng tôi có một mình, không biết ăn nói làm sao, nếu người cảnh sát hỏi tôi. Viên cảnh sát trông mặt hầm hầm, có ý tức giận lắm. Ông ta đi đi lại lại ngoài dây, mỗi khi qua mặt tôi, ông lại liếc qua vai lườn tôi, tôi sợ có điều chẳng lành.

Con Giôlicơ không hiểu tình hình cứ trêu người cảnh sát mãi. Nó cũng đi đi lại lại, qua mặt tôi, nó cũng ngoẹo cổ lườn tôi và nhả nhó làm cho công chúng cười phá lên.

Không dám để cho người cảnh sát phần nộ đến cực điểm, tôi gọi con Giôlicơ vào, nhưng nó không chịu vì cái trò nó đang làm nó đắc chí. Tôi đuổi bắt nó thì nó lại tưởng tôi thúc giục con khỉ làm trò trêu ông ta, liền nhảy tót vào trong dây. Chỉ hai bước là ông ta đến sát bên tôi và tát tôi một cái ngã gục xuống.

Tôi lóp ngóp bò dậy, mở mắt ra, thì, ủa! Lạ quá! Không biết thầy tôi đến lúc nào mà đã đứng giữa tôi và viên cảnh sát mà ông đang nắm chặt lấy cổ tay. Thầy tôi nói:

- Tôi cấm ông không được đánh đứa trẻ này nữa. Cái cử chỉ vừa rồi của ông rất hèn!

Viên cảnh sát giật tay ra nhưng thầy tôi không chịu buông. Hai người giáp mặt nhau, nhìn nhau chòng chọc.

Người cảnh sát lúc đó mặt vàng như nghệ. Thầy tôi trông vẻ cao quý, ngửa hân cái đầu tóc trắng như tuyết để lộ nét mặt phần khải và i hùng.

Trước cử chỉ đó, tôi tưởng viên cảnh sát phải xấu hổ lắm. Nhưng không thể, ông ta giật mạnh tay ra, túm luôn cổ thầy tôi và đẩy về phía trước một cách rất hung hãn.

Thầy tôi ức quá, đứng thẳng người, lấy cánh tay phải quất rất mạnh vào cổ tay viên cảnh sát để gỡ ra. Thầy Vitali hỏi:

- Ông muốn gì?

- Tôi muốn điều ông về bắt. Ông phải đi ngay.

- Muốn đuổi chúng tôi, ông không cần phải đánh thẳng bé.

- Không cần phải nói. Đi theo tôi.

Thầy Vitali trấn tĩnh ngay, không sợ sệt gì, quay lại dẫn tôi:

- Con hãy về nhà trọ. Cứ ở đó với các bạn con. Ta sẽ báo tin tức cho con hay.

Thầy tôi không nói thêm gì được nữa, vì bị viên cảnh sát lôi tuột đi.

Cuộc diễn của chúng tôi đã kết thúc như thế đó. Thầy tôi tưởng làm cho nó vui hơn, ai ngờ lại đến nước này!

Cử chỉ đầu tiên của các con chó là chạy luôn theo chủ. Nhưng thầy tôi vẫy tay bắt chúng lộn lại với tôi. Tôi ngạc nhiên thấy con nào cũng đeo một cái rọ bằng dải lụa thắt thành những bông h rất đẹp. Capi lông trắng đeo rọ đỏ, Decbinô lông đen đeo rọ trắng bạch. Con Đônxơ lông xám đeo rọ xanh. Đó là những cái giâm phường tuồng.

Công chúng giải tán rất nhanh. Một vài người ở lại sau, bàn tán về chuyện vừa xảy ra.

- Ông già có lý.

- Ông già trái.

- Tại sao viên cảnh sát lại đánh thẳng bé con? Nó chẳng có tội gì?
 - To chuyện đấy! Nếu viên cảnh sát khép tội kháng cự nhà chức trách, ông già tất nhiên phải ở tù!
- Tôi về nhà trọ, buồn rầu và lo lắng.

Bây giờ tôi không còn ở thời kỳ sợ ông Vitali như buổi đầu nữa. Nói cho đúng, cái thời kỳ đó cũng ngắn thôi. Vì dần dần, tôi thấy mến ông một cách thành thực và mỗi ngày tình yêu ngày càng khăng khít hơn lên. Chúng tôi cùng sống cuộc đời phiêu lãng. Chúng tôi ở bên nhau từ sáng đến chiều, và từ chiều đến sáng nằm chung một ổ rơm. Một người cha săn sóc con vị tất đã được như thầy tôi chăm nom cho tôi. Thầy tôi dạy tôi học, dạy tôi viết, dạy tôi làm tính, dạy tôi hát và đánh đàn. Trong những cuộc đường trường, thầy tôi cho tôi những bài học khi về điều này, khi về điều khác, tùy theo trường hợp hay sự ngẫu nhiên đưa đến vấn đề. Những ngày đông giá lạnh, chúng tôi cùng đắp chung một chăn. Những ngày trời nắng như thiêu, thầy tôi mang bớt những hành lý cho tôi khỏi đeo nặng trên đường xa. Khi ngồi bàn ăn, nói đúng ra là đến bữa ăn, vì chúng tôi không có bàn ăn bao giờ, thầy tôi không bao giờ ăn lấy một mình và dành miếng không ngon cho tôi. Chúng tôi chia đều những miếng ngon cũng như những miếng không ngon. Tóm lại, chúng tôi vui buồn có nhau, ngọt bùi cay đắng có nhau. Thực ra cũng có khi thầy beo tai tôi hay tát tôi, nhưng không phải vì những hình phạt vật đó mà tôi quên được sự săn sóc, lời ngọt ngào và lòng âu yếm của thầy tôi. Đối với tôi, từ ngày tôi theo thầy tôi, nói vắn tắt: thầy tôi thương tôi và tôi cũng mến thầy tôi. Bởi thế, cuộc chia ly làm cho tôi đau đớn vô cùng.

Bao giờ tôi lại trông thấy thầy tôi?

Người ta đã nói đến “ngồi tù”. Thời gian ngồi khám ước độ bao lâu? Trong thời gian đó tôi sẽ làm gì? Sống thế nào? Sống bằng gì?

Thầy tôi có thói quen giữ tiền trong mình. Trước khi bị bắt không kịp giao tiền cho tôi. Tôi chỉ còn một vài xu trong túi. Số tiền này có đủ nuôi cả bọn, Giôlicơ, ba con chó và tôi không? Mất hai ngày, tôi ngồi yên trong nhà lo lắng, không dám thò ra sân nhà trọ, săn sóc các con chó và Giôlicơ, xem chừng con nào cũng bơ vơ và buồn rầu.

Ngày thứ ba, một người đem phong thư của thầy tôi cho tôi. Thầy tôi nói trong thư rằng thầy tôi bị giữ để đến thứ bảy tới đưa ra tòa án về tội kháng cự nhà chức trách đang thi hành nhiệm vụ và về tội làm thương tổn đến thân thể viên chức đó.

Thầy tôi nói thêm: trong khi cả giận ta đã phạm một lỗi lớn, nó sẽ làm cho ta khổ não. Ngày phiên tòa, con sẽ đến để nhận một bài học. Đoạn thầy tôi khuyên mấy câu về cách cư xử. Cuối thư, thầy tôi không quên hôn tôi và bảo tôi vuốt ve các con Capi, Giôlicơ, Đônxơ, Decbinô thay cho thầy.

Trong khi tôi đọc thư, Capi đang ngồi dưới chân tôi ghéch mõm lên ngửi hít rồi ve vẩy đuôi, thì ra nó đã đánh hơi biết được tờ giấy đó đã qua tay chủ nó. Đã ba hôm nay, bây giờ tôi mới thấy nó tươi tỉnh lên một chút.

Sáng thứ bảy, hỏi người ta tôi biết tòa án sẽ họp vào lúc 10 giờ. Nhưng mới 9 giờ tôi đã đến tòa trước tiên và lên vào ngồi một góc. Dần dần phòng đầy người. Trong đám đến xem, tôi nhận thấy nhiều người quen mặt vì họ đã chứng kiến tấn kịch hôm nọ.

Tôi chẳng hiểu tòa án và công lý là gì. Nhưng khi vào tòa, tôi cảm thấy một mối lo sợ, mặc dầu người ta sắp xử thầy tôi chứ không phải tôi. Tôi chen vào ngồi sau một cái lò sưởi lớn và sát tường để không ai chú ý đến tôi.

Vụ thứ nhất không phải việc của thầy tôi. Tòa xử những người ăn cắp, những người đánh nhau. Ai cũng kêu n và bị án cả. Cuối cùng, hai người hiến binh kèm thầy tôi ra và để ngồi xuống chỗ ghế những người bị cáo trước.

Đầu tiên, người ta làm gì, hỏi gì và thầy tôi trả lời thế nào, tôi cũng không biết, vì tôi xúc động quá không nghe thấy gì và cũng chẳng hiểu gì cả. Vả lại, tôi không để ý nghe, tôi chỉ để mắt trông thầy tôi. Thầy tôi đứng đó, mái tóc bạc vuốt về đằng sau, trông có vẻ ngượng ngùng và buồn bã. Tôi lại nhìn quan tòa. Quan tòa nói:

- Như vậy ông thú nhận có đánh viên cảnh sát đến bắt ông nhiều cái?

- Thưa ông chánh án. Không phải nhiều cái. Có một cái thôi cốt để gỡ tay ông ấy túm lấy cổ tôi. Khi tôi đến chỗ diễn trò, gặp ông ấy đang tát đứa bé trong đoàn tôi.

- Đứa bé không phải là con ông chứ?

- Thưa ông chánh án, không, nhưng tôi coi nó như con tôi. Khi tôi trông thấy nó bị đánh đập, tôi tức giận, có chạy lại nắm tay ông cảnh sát để ông ta khỏi hành hung nữa.

- Chính ông có đánh viên cảnh sát?

- Nghĩa là khi ông cảnh sát nắm lấy cổ tôi, tôi phần uất quên hẳn ông ta là ai, chỉ thấy có người ức hiếp tôi thì tôi chống lại. Đó là một hành động tự nhiên, không cố ý...

- Với tuổi ông, không nên nóng giận quá thế...

- Người ta không nên nóng giận thật. Nhưng khổ nỗi nhiều khi người ta không làm được những điều phải làm. Ngày nay, tôi nhận thấy đúng như thế.

- Bây giờ đến lượt thầy cảnh sát.

Viên cảnh sát khai ra đúng những việc đã xảy ra, nhưng nhấn mạnh về chỗ người ta đã nhạo báng con người ông ta, giọng nói ông ta, điệu bộ ông ta và nhất là việc ông ta bị đánh vào cánh tay.

Khi viên cảnh sát cũng khai như thế, đáng lẽ thầy tôi phải chú ý xem có xuyên tạc không, nhưng thầy tôi nhìn xuống dưới phòng và khắp các phía. Tôi hiểu thầy tôi tìm tôi. Tôi liền lên lên hàng ghế đầu.

Thầy tôi trông thấy tôi và nét mặt bừng lên. Tôi nhận thấy thầy tôi rất mừng rỡ được gặp tôi. Bất giác, hai hàng nước mắt tôi chảy ra. Cuối cùng ông chánh án hỏi:

- Đó là tất cả những lời ông khai để bào chữa? Ông còn nói thêm gì nữa không?

- Riêng về phần tôi, tôi không nói thêm gì nữa. Nhưng về phần đứa trẻ mà tôi thương như con tôi, nó sẽ phải sống một mình. Vì đứa trẻ đó, tôi kêu gọi lượng khn hồng của tòa và xin tòa đừng để tôi xa cách nó lâu ngày.

Tôi tưởng thầy tôi kêu thế, thì tòa sẽ tha bổng. Nhưng không phải thế.

Một quan tòa nữa đứng lên nói vài phút. Xong, ông chánh án giọng nghiêm nghị tuyên án:

- Xét rằng ông Vitali đích xác có xúc phạm đến danh dự và thân thể một viên chức đang thi hành phận sự, tòa phạt Vitali hai tháng ngồi tù và một trăm phơ răng tiền vạ.

Hai tháng ngồi tù!

Tôi đưa đôi mắt đầy lệ nhìn thầy tôi. Cái cánh cửa đã mở cho thầy tôi vào bây giờ lại mở cho thầy tôi ra với người hiến binh đi theo, rồi lại đóng sập lại.

Hai tháng trời xa cách!

Biết đi đâu bây giờ?

12. Chương 11

Chương 11 - Nướng nấu dưới thuyền

Khi tôi trở về nhà trọ, người thẩn thờ, mắt đỏ. Tôi qua cửa sân, thì ông chủ quán gọi giật lại và hỏi:

- Tin tức thầy mày ra sao?

- Thầy tôi ngồi tù.

- Bao nhiêu?

- Hai tháng.

- Còn phạt vạ?

- Một trăm phơ rắng.

Chủ quán nhắc đi nhắc lại hai, ba lần:

- Hai tháng tù, trăm phơ rắng phạt!

Tôi định vào trông mấy con chó, thì chủ quán lại giữ tôi và hỏi:

- Thế mày định làm gì trong hai tháng ấy?

- Thưa ông, tôi không biết.

- Không biết? Mày có đủ tiền ăn và nuôi các con vật đấy chứ?

- Thưa ông, không.

- Vậy mày trông vào tao để ở đây hử?

- Ô! Thưa ông, không. Tôi chẳng trông vào ai cả. Mà thực vậy, tôi chẳng biết trông vào ai cả. Chủ quán nói tiếp:

- Nay, bé ơi! Mày nghĩ phải đấy. Thầy mày còn nợ tao nhiều lắm. Cho mày ăn chịu những hai tháng, rồi ai trả tiền cho tao? Mày phải đi đi.

- Đi? Thưa ông, ông bảo tôi đi đâu bây giờ?

- Mày muốn đi đâu thì đi. Không phải việc của tao. Tao có phải là cha mày đâu. Mà cũng chẳng phải là thầy mày. Tại sao mày cứ muốn tao ày ở?

Tôi ngây người. Nói gì nữa? Chủ quán rất có lý. Ông chưa tôi làm gì? Tôi chỉ là cái nợ cho ông.

- Thôi, vào dắt chó, công khi đi thôi. Nhớ để lại cái túi của thầy mày. Thầy mày khi được tha sẽ đến lấy và thanh toán các khoản.

Câu đó làm cho tôi nảy một ý nghĩ và tôi tưởng có cách để ở lại. Tôi nói:

- Thưa ông, vì thầy tôi thế nào cũng còn trở lại đây để thanh toán tiền nong. Vậy xin ông cứ cho tôi ở đến ngày đó. Tiền ăn của tôi sẽ tính thêm vào các khoản nợ của thầy tôi, có được không?

- Thật à? Thầy mày chỉ trả được vài ngày cơm thôi, chứ hai tháng thì lại là một chuyện khác.

- Ông cho ăn ít cũng được.

- Thế còn những con vật của mày? Không được, mày phải đi. Mày có thể đi kiếm ăn trong các làng.

- Nhưng thưa ông, tôi đi thì thầy tôi về biết đâu mà tìm tôi? Vì hết hạn tù thầy tôi chỉ tìm tôi ở đây thôi.

- Có khó gì. Đến ngày đó thì mày sẽ trở về đây. Từ nay đến ngày đó, mày sẽ tạm đi dạo chùng hai tháng, vào các làng gần đây, có thể kiếm ăn được đấy!

- Nếu thầy tôi viết thư về cho tôi?

- Tao sẽ giữ ày.

- Nhưng nếu tôi không trả lời?

- Mặc mày! Mày vặn tao mãi! Ra ngay khỏi cái nhà này! Mau! Tao ày năm phút để thu xếp. Nếu mày không đi tao sẽ liệu ày!

Thấy kêu nài cũng vô ích, tôi liền vào chuồng ngựa. tháo Giôlicơ và mấy con chó, buộc túi đồ lại, đeo đàn lên vai và ra thẳng. Chủ quán đứng ở cửa để kiểm soát và nói theo:

- Nếu có thư, ta sẽ giữ ày!

Tôi vội bước đi ra khỏi thành phố cho nhanh vì chó của tôi không đóng mang rọ, nếu gặp lại cảnh binh thì khốn. Tôi không đủ tiền mua rọ, đếm đi đếm lại mãi, vốn liếng tôi chỉ còn có mười một xu trong túi. Thấy tôi bị bắt, tôi cũng bị bắt nữa thì ai nuôi chó và khi? Bây giờ nghiêm nhiên tôi là ông bầu đoàn diễn, ông chủ gia đình, tôi, một đứa trẻ không gia đình. Tôi bỗng thấy một gánh nặng đè trĩu trên vai.

Trong khi đi, những con chó cứ ngược mắt nhìn tôi, chúng không nói được, nhưng cũng làm cho tôi hiểu chúng muốn gì? Chúng đói bụng. Giôlicơ ngồi trên cái túi đeo trên vai tôi, thỉnh thoảng lại kéo tai tôi, bắt tôi ngoảnh lại: nó lấy tay cào cào vào bụng nó. Cái cào đó cũng có nghĩa như cái nhìn của những con chó.

Tôi cũng thế, nếu có thể được thì tôi cũng kêu đói như chúng, vì tôi cũng như chúng, không có mẩu bánh nhỏ nào vào bụng từ sáng đến giờ. Với mười một xu trong túi, chúng tôi không thể ăn bữa sáng và bữa chiều. Chúng tôi ăn một bữa, bữa đó sẽ ăn vào giữa ngày để có thể thay thế cho hai bữa kia.

Nhà trọ mà chúng tôi vừa từ biệt, ở trên đường đi Môngpeliê. Vì thế lúc ra đi, chúng tôi cũng theo con đường đó.

Chúng tôi vội ra khỏi thành phố cho nhanh, nên không kịp hỏi đường. Điều cần nhất cho chúng tôi là phải thoát mau ra ngoài thành phố Tuludơ, các việc khác không hẳn cấp mấy. Tôi không lựa chọn nên đi tỉnh này hay tỉnh khác, vì đi đến đâu người ta chẳng đòi tiền ăn, đòi tiền trọ. Bây giờ việc trọ không cần lắm vì là mùa hè, chúng tôi có thể ngủ ngoài trời, dưới gốc cây hay cạnh bức tường cũng được. Nhưng còn việc ăn? Đi đã được hai giờ, tôi không dám ngoảnh cổ lại. Mỗi lúc những con chó lại ngược mắt nhìn tôi như van ơn, và con khỉ cứ kéo tai tôi và gãi bụng nhiều hơn.

Bây giờ tôi đã ra khỏi tỉnh Tuludơ rồi, nên không sợ gì nữa. Tôi vào một hàng bánh mì hỏi mua một tấm rưỡi bánh. Chủ hàng bảo tôi:

- Sao em không mua cả hai chiếc? Không nhiều đâu. Phải cho các con vật ăn no chứ?

Không nhiều thực. Nhưng nếu mua cả hai tấm thì hết mười xu chỉ còn lại một xu thôi. Tôi không dám tiêu hoang, phải dành lại chút tiền đến ngày mai cho khỏi chết đói trước khi kiếm được đồng khác. Mỗi tấm bánh năm xu thì tấm rưỡi hết bảy xu rưỡi. Tôi còn lại ba xu rưỡi.

Nhắm tính xong, tôi bảo bà hàng cứ bán cho tôi chiếc rưỡi, vì tôi chỉ cần có thế, không mua hơn.

Bà đưa cho tôi một chiếc và cắt nửa chiếc nữa. Bà trao cho tôi và nói:

- Nửa này già đấy, đáng ba xu. Rồi bà vợ cả tám xu của tôi vào ngăn kéo.

Tôi thường thấy nhiều người từ chối không lấy lại những xu lẻ do nhà hàng trả lại và bảo nó không dùng để làm gì. Nếu bà hàng trả lại nửa xu thừa cho tôi thì không khi nào tôi lại từ chối. Nhưng bà ta có trả tôi đâu, mà tôi cũng không dám hỏi. Tôi lẳng lặng cầm bánh đi ra. Ba con chó mừng rỡ nhảy nhót chung quanh tôi. Giôlicơ kéo tóc tôi và kêu những tiếng nhỏ.

Đi một quãng ngắn, tới một cây to bên đường, tôi hạ đàn tựa vào gốc cây, rồi ngồi phịch xuống vệ cỏ, những con chó đến xếp hàng trước mặt tôi. Còn Giôlicơ không mệt lắm đứng gần đó, rình có bánh là chộp lấy phần.

Việc chia bánh của tôi rất quan trọng. Tôi cắt làm năm phần hết sức đều nhau. Mỗi phần lại cắt nhiều khoanh ném cho các con vật của tôi ăn dần. Vì Giôlicơ bé nhỏ ăn ít đã no, nên tôi giữ lại ba miếng nhỏ dành cho ba con chó ăn sau này.

Tiệc xong, bây giờ là lúc tôi phải nói đôi lời cho các bạn tôi biết cái hiện tình nguy ngập của chúng tôi. Capi có lẽ đoán được ý tôi, nên đôi mắt nó cứ long lanh nhìn tôi. Tôi nói:

- Phải đấy, Capi ơi! Phải đấy, các bạn Đônxơ, Decbinô và Giôlicơ ơi! Tôi có một tin rất buồn cho các bạn biết: chủ ta phải lìa ta trong hai tháng. Capi kêu:

- Ặng!

- Đó là một điều rất đau khổ cho chủ ta và chúng ta. Chủ ta vẫn kiếm bánh cho chúng ta ăn. Bây giờ chủ ta đi vắng, chúng ta ở vào một tình thế rất nguy hiểm. Chúng ta hết “tiền”!

Nghe tiếng đó, Capi hiểu ngay, đứng dậy bằng hai chân sau và đi vòng quanh như bộ xin tiền các “quý khách giả”. Tôi nói tiếp:

- Bạn muốn chúng ta đi diễn trò. Ý kiến rất hay. Nhưng chắc đâu thu được tiền? Việc khó khăn là ở chỗ đó. Tôi nói cho các bạn biết tất cả của cải chúng ta chỉ còn có ba xu, vì thế bữa nay chúng ta phải ăn đói. Tôi mong rằng các bạn hiểu cái cảnh nguy khốn mà chúng ta đang lâm vào và đáng lẽ trên trọc tôi, thì các bạn nên đem hết trí thông minh vào ... sự vụ. Tôi kêu gọi sự vâng lời, sự tiết độ và lòng can đảm của anh em. Các bạn hãy siết chặt hàng ngũ. Hãy tin vào tôi cũng như tôi tin vào các bạn.

Tôi không dám tin chắc các bạn tôi đã hiểu những lời hay ý đẹp trong bài diễn văn ứng khẩu của tôi, nhưng chắc chắn rằng các bạn của tôi cũng hiểu được đại ý, vì thấy vắng mặt chủ tôi, chúng biết có sự gì trầm trọng và chúng đợi tôi giải thích. Tôi đã giải thích. Nếu chúng không hiểu tất cả những điều tôi nói, ít ra chúng cũng biết cách tôi đối đãi với chúng thế nào, nên sau khi tôi dứt lời, con nào trông cũng có vẻ hài lòng và dễ chịu lắm.

Con nào cũng hài lòng, là tôi nói riêng về mấy con chó thôi, chứ con Giôlicơ, không thể bắt nó chú ý lâu về một việc gì. Khi tôi nói, lúc đầu nó rất chăm chú, nhưng nghe được hai chục tiếng thì nó đã nhảy tót lên cây đánh đu ở hết cảnh này đến cảnh khác. Nếu Capi mà vô lễ thế, thì tôi đã phạt ý, nhưng là Giôlicơ thì tôi chấp nó làm gì. Nó chỉ là một con vật vô tâm và óc rộng, cũng để cho nó chơi đùa một chút.

Tôi xin thú thực rằng tôi cũng muốn nhảy nhót và đánh đu như nó, thích lắm chứ. Nhưng cái trọng trách tìm chỗ trú đêm nay và nhất là để kiếm bữa ăn sáng mai. Chỗ trú không cần lắm, chúng tôi có thể tiết kiệm bằng cách ngủ ngoài trời.

Đi được một giờ, chúng tôi trông xa xa thấy một làng, mừng thầm may ra có thể thực hiện được ý muốn của tôi.

Trông bề ngoài, làng này có phần xơ xác, số thu nhập sẽ chẳng được là bao, nhưng tôi không vì thế mà nản lòng. Tôi không tính về điểm đó, tôi tự nghĩ rằng làng này càng nhỏ bao nhiêu thì nỗi lo gặp cảnh sát càng ít bấy nhiêu.

Tôi mặc y phục cho các bạn tôi, rồi rất trật tự, chúng tôi chững chạc vào làng. Thiếu cái ống tiêu mà thầy tôi vẫn giữ. Thiếu cả hình dáng cao lớn và mái tóc đặc biệt của thầy tôi vẫn làm ọi người chú ý. Nhìn cái thân hình loắt choắt của tôi mà buồn và không vững dạ.

Trong khi đi, tôi nhìn sang hai bên, xem có tác động gì không. Rất ít người chú ý, vì người ta ngẩng đầu lên, rồi cúi xuống. Chẳng có ma nào theo sau chúng tôi cả.

Đi đến một bãi rộng, giữa có trồng cây, chúng tôi dừng lại. Tôi lấy đàn ra và đánh một vũ khúc. Tiếng đàn vui, ngón tay tôi đưa đẩy nhẹ nhàng, nhưng lòng tôi buồn hình như có vật gì đè trĩu lên hai vai.

Tôi bảo Decbinô và Đônxơ ra biểu diễn. Chúng tuân lời và nhảy múa. Nhưng chẳng có ai đến xem cả. Gần đó, tôi nhìn thấy mấy người đàn bà đang đứng ở cửa đan áo và nói chuyện với nhau. Tôi tiếp tục gảy đàn. Hai con chó cố sức nhảy múa.

Rồi cũng có người đến xem chứ! Nếu có một người đến trước, tất có người thứ hai, thứ ba, thứ mười, thứ hai mươi.

Nhưng đàn, múa vô ích cả. Họ ở nhà họ cả, chẳng có ai thèm nhìn chúng tôi nữa. Thực đáng thất vọng!

Tuy nhiên, tôi không nản chí, tôi cố đánh đàn, đánh to, đánh mạnh tưởng chừng như sắp đứt dây. Chợt một em bé mới chập chững, rời ngưỡng cửa đi ra phía chúng tôi. Mẹ em bé có lẽ sẽ theo em. Rồi một người bạn nữa, thế là chúng tôi có khán giả. Có tiền công. Tôi đánh đàn nhỏ đi và rất du dương, để em bé khỏi sợ và để rủ em vào.

Em bé hai tay ve vẩy bên sườn đi bước một. Em đương tiến. Em gần đến. Còn vài bước nữa là đến chỗ chúng tôi thôi.

Người mẹ ngẩng đầu lên, giật mình không thấy con đâu, nhìn ngang nhìn ngửa. Bà ta thấy con đang đi. Tôi tưởng bà ta chạy, nhưng bà cứ đứng yên đó gọi con vào. Em bé ngoan ngoãn quay vào với mẹ. Có lẽ ở đây họ không thích xem khiêu vũ. Có thể lắm!

Tôi liền đổi trò. Tôi ra lệnh cho hai con chó nằm ra một chỗ để tôi hát. Tôi vừa mới hát được đến câu thứ hai bài Tình ca thì có một người đàn ông vận áo vét, đội mũ phớt đến. Tôi cố lên giọng cho hay. Chợt ông khách đó hỏi tôi:

- Này, làm trò gì thế? Thằng ranh kia?

Tôi ngơ ngác, há miệng đứng nhìn ông ta. Ông ta lại hỏi:

- Mà không trả lời à?

- Thưa ông, ông đã nhìn thấy tôi hát.

- Mà có giấy phép được hát trong làng này không?

- Thưa ông, không.

- Vậy thì bước đi chỗ khác. Nếu không, ta bắt bây giờ.

- Nhưng, thưa ông...

- Gọi tao là ông tuần phiên. Thôi, cút đi, đồ ăn mày!

Tuần phiên! Kinh nghiệm đau đớn của thầy tôi đã cho biết rằng đương đầu với các ông cảnh binh hay tuần phiên là một điều rất tai hại.

Không để cho ông ta phải đuổi đến lần thứ hai, tôi “cút” ngay như lời ông ta bảo, trở ra đường cũ tiếp tục đi. Ăn mày! Danh từ này không đúng. Tôi có đi ăn xin bao giờ? Tôi hát. Tôi nhảy. Đó là cách làm việc của tôi. Tôi có làm hại ai đâu? Trong năm phút, tôi ra khỏi cái làng lạnh đậm và căn phòng đó. Những con chó của tôi cúi đầu lẳng lặng đi, chắc chúng hiểu rằng đã xảy đến cho chúng một chuyện chẳng lành. Capi thỉnh thoảng lại đi lên trước, quay cổ lại nhìn tôi bằng đôi mắt đầy ý nhị. Nó biết lắm, vì tôi thấy hai hàm nó run run bởi nó cố giữ để không sửa thành tiếng.

Normal 0 false false false EN-US X-NONE X-NONE MicrosoftInternetExplorer4

Khi chúng tôi đi đã khá xa không sợ người tuần phiên độc ác theo dõi nữa, tôi liền ra hiệu, ba con chó liền chạy lại quây lấy tôi. Capi đứng giữa im lặng nhìn vào mắt tôi.

Đã đến lúc tôi phải giải thích cho các bạn tôi nghe. Tôi nói:

- Vì chúng ta không có giấy phép nên không được diễn ở đó. Họ đuổi chúng ta.

- Bây giờ?

Capi héch đầu hỏi tôi như thế.

- Bây giờ chúng ta tìm chỗ ngủ, bất cứ chỗ nào và nhịn ăn.

Nghe tiếng “ăn”, hai con chó kia và con khỉ nhao nhao lên.

Tôi gơ ba xu ra nói:

- Các bạn biết, chúng ta chỉ còn có thể này thôi. Nếu ta tiêu hết ba xu chiều nay, thì sáng mai ta không có gì ăn. Và hôm nay ta cũng đã được ăn rồi. Nghĩ đến ngày mai thì khôn hơn.

Nói xong tôi lại bỏ ba xu vào túi. Capi và Đôn-xơ cúi đầu chịu đựng. Decbinô có tính háu ăn ăng ăng hoài. Tôi quắc mắt nhìn nó. Nó cũng không thôi. Tôi phải nhờ đến Capi. Cất nghĩa cho Decbinô nghe. Nó không muốn hiểu. Bảo nó ta phải nhịn chiều nay thì sáng mai mới có cái ăn. Capi liền lấy chân vả vào mặt Decbinô. Tức thì có cuộc đấu khẩu giữa hai con chó.

Chắc độc giả nghe thấy tiếng “đấu khẩu” đem dùng cho loài vật sẽ cho là một danh từ không thích hợp. Nhưng xét ra rất đúng. Mỗi một giống vật có một tiếng nói riêng. Nếu nhà riêng quý vị có hàng hiên chạm trổ hay những cửa sổ cao có chim yến đến làm tổ ở đó, hẳn quý vị cũng nhận thấy rằng lúc chim yến kêu véo von như tiếng ca, nhưng hễ trời rặng đông là chúng kêu riu ra riu rít với nhau. Đó chính là những câu chuyện mà chúng đang nói, những việc quan trọng mà chúng đang bàn, hay những lời yêu thương mà chúng trao đổi cùng nhau. Lại những con kiến cùng một đàn, khi gặp nhau trên một con đường thường cọ râu vào

nhau, quý vị thử nghĩ xem, chúng làm gì thế, nếu không phải là chúng thông tin cho nhau? Còn những con chó không những chúng biết nói mà còn biết đọc nữa. Quý vị hãy trông chúng đưa mũi lên không, hay cúi xuống mặt đất đánh hơi hay ngửi những hòn sỏi, những bụi rậm; có khi chúng đứng trước một đám cỏ hay một chân tường và đứng lại một lúc. Chúng ta không nhìn thấy gì ở tường, nhưng những con chó đã đọc được mọi điều lạ viết ở đó bằng thứ chữ bí ẩn mà mắt ta không thể phân biệt được.

Những câu gì Capi nói với Decbinô, tôi không nghe thấy, vì nếu những con chó hiểu được tiếng nói của người, thì trái lại người không hiểu được tiếng nói của chó. Tôi chỉ nhận thấy Decbinô không chịu nghe lời thì phải, cứ nằng nặc đòi phải tiêu nốt ba xu ngay bây giờ. Capi nổi giận và nhe những chiếc nanh nhọn ra, lúc đó Decbinô mới chịu nằm im, vì nó vốn dốt, hễ ai già thì nó non. Thế là vấn đề ăn đã giải quyết xong, còn vấn đề ngủ.

May sao, trời tạnh, mây quang. Ngủ ngoài trời về mùa này không đến nỗi khổ. Chỉ cần tìm chỗ nào tránh được chó sói, nếu vùng này có, và nhất là tránh khỏi những ông tuần phiên mà tôi cho là đáng sợ hơn cả.

Vậy cứ việc đi thẳng trước mặt trên con đường trắng dài cho đến khi tìm được chỗ trú. Việc đó chúng tôi đã làm.

Đường cứ thấy dài ra. Hết những cây số này lại đến những cây số khác. Khi những ánh hồng cuối cùng của hoàng hôn đã tắt, chúng tôi chưa tìm được chỗ nào để nghỉ. Lúc đó, chúng tôi đang đi cạnh khu rừng thỉnh thoảng lại có những khoảng trống nổi lên những tảng đá hoa cương. Nơi này vắng và buồn lắm. Nhưng biết làm sao được. Tôi nghĩ ở giữa những tảng đá đó, chúng tôi có thể tạm trú được để tránh khí lạnh ban đêm. Tôi nói “chúng tôi” tức là Giôlicơ và tôi, vì về phần những con chó tôi không cần phải lưu tâm lắm, vì chúng đã quen nằm sương gió lắm rồi, không sợ cảm mạo. Nhưng, tôi phải thận trọng, vì tôi hiểu biết trách nhiệm của mình. Nếu tôi ốm thì đoàn của tôi sẽ trở nên thế nào?

Chúng tôi liền bỏ đường cái tìm vào bãi đá. Bỗng tôi thấy một tảng đá lớn đứng nghiêng làm cho chân nó có hang, đầu nó thành mái. Trong hang, gió đã thổi vào đầy lá thông khô. Không còn gì tiện hơn nữa: chúng tôi có cái ổ sẵn sàng để ngã lưng và cái mái hiên để trú ẩn. Chỉ còn thiếu một thứ là bánh mì. Nhưng tôi phải cố quên đi và cố ngủ sớm. Tục ngữ chẳng có câu: “Ai ngủ tức là đã ăn rồi” là gì?

Trước khi đi ngủ, tôi đã dặn Capi phải giữ việc canh gác. Con vật trung thành đó đáng lẽ được nằm với tôi ở trên lá, đã phải ở ngoài để phòng thủ. Tôi được yên tâm, vì ban đêm, nếu có sự gì bất trắc thì Capi sẽ báo cho tôi biết.

Tôi nằm trên đồng lá thông, cạnh tôi là con Giôlicơ quấn trong cái áo vét của tôi. Dưới chân tôi là hai con Đônxơ và Decbinô nằm cuộn tròn. Tôi không sao chợp mắt được, lo lắng hơn là mỗi một.

Ngày thứ nhất cuộc hành trình của tôi đã xấu rồi. Không biết ngày hôm sau sẽ ra sao: Tôi đói. Tôi khát. Trong túi chỉ còn ba xu. Tôi lần từng đồng trong túi và đếm đi đếm lại mãi nó cũng không nảy thêm đồng nào...vẫn một, hai, ba đồng.

Lấy gì nuôi đoàn của tôi, lấy gì nuôi tôi hết ngày mai và các ngày sau nữa, nếu tôi không diễn được trò? Nào rọ miệng chó, nào giấy phép, kiếm đâu bây giờ? Trời ơi! Có lẽ tôi phải chết đói ở góc rừng này, ở chân tảng đá này chăng?

Lòng tư lự, mắt tôi nhìn lên những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời tôi sẫm. Không có một cơn gió nào. Bốn bề vắng lặng như tờ. Không một cành lá động. Không một tiếng chim kêu, không một tiếng xe chạy ngoài đường! Tôi đưa mắt nhìn xung quanh: trời rộng, đêm sâu. Chúng tôi trơ trọi có một mình, chúng tôi bị ruộng bỏ. Nước mắt tôi tự nhiên giàn rụa ra. Tôi nức nở: Mẹ ơi! Thầy ơi!

Tôi nằm sấp, gục đầu vào lá khô, hai tay bưng mặt khóc mãi không thôi. Bỗng tôi thấy một làn hơi ấm đưa vào mái tóc tôi. Tôi sẽ quay mặt ra, một cái lưỡi êm mềm và nóng quệt vào mặt tôi. Đó là con Capi, nghe tiếng tôi khóc, nó vào dỗ tôi như đêm đầu tiên tôi phải xa nhà đi với ông Vitali.

Tôi gơ hai cánh tay ôm lấy cổ Capi, ép đầu nó vào má tôi. Nó liền nằm sấp xuống và thút thít không ra tiếng: nó cũng khóc với tôi.

Khi tôi trở dậy thì đã sáng rõ. Capi ngồi đằng trước nhìn tôi. Chim chóc hót vang trên cành. Xa xa vắng vắng tiếng chuông nhà thờ làm lễ ban mai. Mặt trời đã lên cao, rọi những tia ấm áp làm khỏe khoắn thân

thể cũng như tinh thần.

Sửa soạn xong, chúng tôi lên đường, theo tiếng chuông mà đến. Ở đó tất có làng, có hàng bán bánh mì. Một khi người ta đã ngủ để thay ăn bánh mì thì cái đói lên tiếng rất sớm. Tôi đã tính cả rồi. Tôi sẽ mua cả ba xu bánh mì. Còn thì sẽ liệu sau.

Khi vào làng, tôi không cần phải hỏi hàng bánh mì ở đâu. Mũi chúng tôi tự nhiên dẫn chúng tôi đến đúng chỗ. Cái khứu giác của tôi lúc này cũng tinh tế, không kém những con chó của tôi, ngửi ngay thấy mùi thơm của bánh nóng.

Ba xu mua được già nửa cái bánh, đủ chia ỗi con một mẩu. Vì thế bữa ăn của chúng tôi rất nhanh.

Bây giờ là lúc phải tìm cách để kiếm tiền. Muốn thế, tôi dạo quanh làng tìm chỗ tốt để diễn trò và cũng dò trên nét mặt người dân xem có thể là bạn hay là kẻ thù. Tôi không muốn diễn ngay vì giờ đó không thuận tiện. Nhân thế, tôi tìm hiểu dân tình, tìm tòi chỗ diễn để buổi trưa đó cầu may.

Tôi đang mải nghĩ, chợt có tiếng kêu ở sau lưng tôi. Tôi quay lại thấy một bà già đang đuổi Decbinô. Tôi hiểu ngay tại sao có tiếng kêu và sự xua đuổi đó. Thừa dịp tôi đang trí, Decbinô bỏ tôi xộc vào nhà kia cướp một miếng thịt tha ngang mồm chạy ra. Bà lão kêu lên:

- Làng nước ơi! Cướp! Cướp! Bắt chúng nó lại cho tôi!

Nghe tiếng đó, tôi nhận thấy tôi có tội gì, vì phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của con chó của tôi. Tôi cũng cảm cổ chạy. Nếu bà lão túm được tôi bắt đền miếng thịt chó tha, thì tôi biết nói thế nào? Lấy gì mà đền? Nếu bị bắt, thì đến ngồi tù mất.

Thấy tôi chạy, Capi và Đônxơ cũng không chịu chậm chân. Tôi thấy chúng bám sát gót tôi. Con Giôlicơ bám chặt lấy cổ tôi cho khỏi ngã.

Tôi không sợ bà già đuổi kịp chúng tôi, chỉ sợ người ta thấy động ra đón bắt chúng tôi. Quả nhiên, trước mặt chúng tôi thấp thoáng có hai ba người đứng dang ra đường như có ý đợi chúng tôi. May chỗ ấy có một chỗ ngoặt, tôi liền chạy vào, mấy con chó bỏ theo sau. Chúng tôi phi một mạch ra cánh đồng, không thấy bóng người theo sau nữa mới hoàn hồn. Tôi thở không được vì phải chạy dài hơn hai cây số. Capi và Đônxơ quần lấy chân tôi. Con Decbinô thung thình đi đằng xa, có lẽ bây giờ nó mới có thì giờ nhai ngấu nghiền miếng thịt.

Tôi ra hiệu gọi nó, nó đứng dừng lại. Rồi có lẽ nó sợ phải đòn, nên đáng lẽ về với tôi, nó quay ngang và trốn mất.

Chỉ vì đói quá mà con Decbinô phải làm xằng, tôi biết thế. Nhưng đó không phải là một lý do để bào chữa. Có việc ăn cắp thì thủ phạm phải bị trừng phạt. Nếu không thì còn gì là kỷ luật trong đoàn tôi? Đến làng khác Đônxơ cũng bắt chước Decbinô? Rồi đến lượt Capi. Capi cũng theo gương đó thì sao?

Tôi phải công khai dành cho Decbinô một trận. Nhưng phải đợi nó về trình diện mới được. Tôi nhờ Capi:

- Tìm Decbinô về đây cho ta!

Normal 0 false false false EN-US X-NONE X-NONE

Capi tuân lệnh. Nhưng coi nó có vẻ không được sốt sắng như mọi ngày, và trước khi đi, đôi mắt nó nhìn tôi như thể muốn làm luật sư cho Decbinô, hơn là làm hiến binh cho tôi.

Tôi đợi Capi đưa phạm nhân về. Mất nhiều thì giờ qua. Có lẽ Decbinô không chịu để bắt giải về ngay. Trong thời gian đó, tôi buồn quá. Tuy có yên tâm là không bị truy nã nữa, nhưng tôi mệt quá, nên muốn nghỉ ngơi một chút. Mà tôi vội vã để làm gì, khi tôi chẳng biết mình sẽ đi đâu và chẳng có việc gì làm cả.

Chỗ tôi nghỉ, bây giờ tôi mới nhìn ra, là một chỗ mát mẻ, có thể ngồi lâu được. Thì ra trong khi chạy, tôi đã lạc tới bờ sông Nam mà không biết. Nơi này phong cảnh xanh tươi: có nước, có cỏ, có cây. Lại một dòng suối trong khe đá chảy ra, hai bên có những cây nhỏ đâm bông, rập rờn như thác hoa rớt xuống, trông rất ngoạn mục.

Một giờ đã qua mà chưa thấy con nào về. Tôi bắt đầu lo thì thấy Capi về một mình, đầu cúi xuống.

- Decbinô đâu? Capi nằm một chỗ, vẻ sợ hãi. Tôi nhìn thấy một bên tai nó rớm máu.

Tôi không cần phải hỏi cũng biết việc đã xảy ra: Decbinô đã khởi loạn, nó chống lại hiến binh; Capi cố thi hành nhiệm vụ nên bị đá thương.

Có nên mắng nó vì không làm tròn sứ mạng không? Tôi không có can đảm quở phạt nó. Và tôi cũng không có ý làm khổ người khác trong khi chính mình đang đau khổ. Cuộc tuần hành của Capi không có kết quả, tôi chỉ còn một phương sách là đợi Decbinô trở về đây. Tôi đã biết tinh nó sau khi vi phạm rồi, nó đành chịu phạt. Tôi sẽ nhìn thấy nó hối hận trở về.

Tôi nằm dài dưới bóng cây, tay không quên giữ xích con Giôlicơ, sợ nó lại đua đòi mà đi theo Decbinô. Capi và Đônxơ cũng nằm dưới chân tôi. Thời gian trôi, Decbinô vẫn không về. Mi mắt tôi nặng dần, tôi ngủ lúc nào không biết.

Khi tôi thức dậy thì mặt trời đã đứng bóng. Mấy giờ đã đi qua. Tôi không cần nhờ đến mặt trời mới biết là muộn, vì cái dạ dày tôi nó kêu rằng nó chỉ được một mẩu bánh mỳ con đã từ lâu rồi. Về phần những con chó và Giôlicơ, chúng cũng tỏ ra đói meo. Capi, Đônxơ bộ dạng ủ rũ. Giôlicơ nhăn nhó, kém hoạt động. Decbinô vẫn không thấy về. Tôi gọi. Tôi huyết sáo. Vô ích. Có lẽ nó ăn thịt no rồi, nằm khểnh ở bờ bụi nào cho dạ dày an nhàn tiêu hóa.

Tình thế của tôi lúc đó rất khó xử: nếu tôi đi thì con chó sẽ lạc đàn không trở về với chúng tôi được; nếu tôi cứ ở đây thì lấy tiền đâu ra mà ăn? Nhưng rồi cái sự ăn cần thiết hơn. Những con chó nhìn tôi thất vọng. Giôlicơ gãi bụng và kêu choe choe tỏ ý không chịu được.

Tôi liền cho Capi đi tìm bạn nó lần thứ hai. Nửa giờ sau nó trở về không và tỏ ý không tìm thấy bạn nó đâu cả.

Làm thế nào bây giờ?

Dẫu rằng Decbinô có tội vì cái thói xấu của nó đã đưa tôi vào một tình trạng ghê gớm, nhưng tôi không thể vì thế mà bỏ nó. Thầy tôi sẽ bảo tôi sao, khi thấy tôi trở về không đủ ba con chó? Vả lại, dù sao tôi cũng yêu nó. Tôi quyết định đợi nó đến chiều. Nhưng không thể ngồi không mà nghe dạ dày kêu đói. Phải tìm cách để khuấy khỏa cho tôi và cho cả mấy con vật của tôi.

Nhưng tìm cách gì bây giờ?

Tôi chợt nhớ ra thầy tôi có nói rằng: khi chiến tranh, nếu đạo quân mệt mỏi vì đi nhiều, người ta cho nghe những khúc nhạc vui vẻ và khích lệ thì quân lính quên cả nhọc.

Tôi thử chơi những bài vui vẻ may ra có thể quên đói được phần nào. Nếu không quên được đói, thì khi hai con chó nhảy với Giôlicơ ít ra thì giờ cũng trôi nhanh hơn. Tôi cầm cây thụ cầm đứng ở gốc cây, quay lưng ra sông. Sau khi các nghệ sĩ của tôi đã chỉnh tề, tôi cử một bài khiêu vũ chậm rồi đến một bài khiêu vũ xoay tròn.

Thoạt đầu, những đào kép của tôi nhảy rời rạc lắm vì mẩu bánh ban sáng không đủ kéo dài hơi sức, nhưng dần dà chúng hoạt bát hơn. Âm nhạc có hiệu lực hơn. Chúng tôi không nghe thấy tiếng dạ dày nữa, tôi để ý vào đàn, những bạn tôi để ý vào nhảy. Chợt tôi nghe thấy một tiếng trong trẻo, tiếng trẻ con, ở sau lưng tôi đưa ra:

- Hoan hô!

Tôi quay ra xem ai. Một chiếc thuyền lạ mắt, tôi chưa từng trông thấy cái nào như thế. Ngắn hơn các thuyền thường, boong không cao hơn mặt nước mấy. Trên boong có một căn phòng lắp kính. Trước phòng có mái hiên, những dây leo rủ từng chùm lá xanh cuống coi rất râm mát. Dưới hiên, tôi trông thấy hai người: một thiếu phụ gương mặt cao quý nhưng hơi buồn, đứng cạnh một cậu con trai trạc tuổi tôi đang nằm thì phải. Có lẽ chính cậu bé này đã “hoan hô”.

Tôi cất mũ chào người đã khen tôi. Thiếu phụ hỏi tôi:

- Có phải em chơi một mình cho vui không?

Bà nói giọng người ngoại quốc. Tôi đáp:

- Thưa bà, tôi chơi cho các con vật của tôi vui và cũng để tôi giải trí nữa. Cậu bé ra hiệu, bà mẹ cúi xuống. Đoạn bà ngẩng lên hỏi tôi:

- Em tiếp tục diễn cho chúng tôi coi.

Không để bà nói đến hai lời, tôi liền hỏi:

- Bà muốn xem khiêu vũ hay diễn kịch?

Cậu bé kêu lên:

- Diễn kịch!

Nhưng thiếu phụ lại muốn xem khiêu vũ. Cậu bé lại kêu:

- Khiêu vũ ngắn quá!

- Khiêu vũ xong, nếu quý vị muốn, chúng tôi xin trình bày một vài trò như các phường xiếc Pari.

Đó là câu nói thường xuyên của thầy tôi, tôi đem nhắc lại để lấy thanh thế. Nghĩ kỹ rồi, tôi đồng ý không diễn kịch vì nhiều lẽ: trước hết thiếu Decbinô, sau nữa không có đủ quần áo, đủ mũ cho đào kép.

Tôi lại cầm cây chơi bài Valsơ. Tức thì Capi lấy hai chân trước ôm Đônxơ và quay theo điệu nhạc. Đến lượt Giôlicơ ra nhảy một mình. Rồi lần lượt tôi cho ra hết chương trình của chúng tôi. Chúng tôi không thấy mệt. Những nghệ sĩ của tôi chắc chắn đã hiểu sẽ có thù lao nên chúng trở hết tài cũng như tôi cố nắn nót tiếng đàn thật thiết tha.

Trong khi chúng tôi đang diễn, bỗng Decbinô ở trong bụi rậm vượt ra chạy vào giữa hai bạn nó và diễn theo vai trò của nó.

Tôi vừa chơi đàn vừa trông cậu bé. Tôi ngạc nhiên thấy cậu ấy tuy rất chú ý đến trò, nhưng không hề nhúc nhích. Cậu nằm ngay như khúc gỗ, chỉ thấy hai cánh tay cử động để vỗ khen chúng tôi mà thôi. Cậu này bị liệt chăng? Mà hình như thân cậu bị buộc vào một tấm ván.

Dần dần, gió đưa chiếc thuyền áp hẳn vào cạnh bờ, nơi tôi đứng. Bây giờ tôi nhìn rõ cậu bé như tôi ở dưới thuyền. Tóc cậu vàng hoe, mặt xanh xao, trông rõ những gân xanh xanh trên trán. Vẻ mềm mại, yếu ớt và như có nét buồn thoáng qua. Chợt thiếu phụ hỏi tôi:

- Em lấy bao nhiêu một người?

- Bà cho bao nhiêu cũng được. Cậu bé nói:

- Mẹ trả kha khá cho người ta.

Rồi cậu nói bằng tiếng gì. Tôi nghe không hiểu. Xong bà mẹ nói:

- Actơ muốn xem gần những vai trò của em.

Tôi ra hiệu cho Capi, nó lấy đà nhảy vọt vào thuyền. Actơ kêu:

- Còn những con khác đâu?

Decbinô và Đônxơ liền nhảy theo sang với bạn.

- Còn con khỉ?

Giôlicơ có thể nhảy sang một cách dễ dàng. Nhưng tôi không dám tin nó. Một khi sang thuyền, sợ nó giở những trò không được lịch sự với thiếu phụ chăng? Thiếu phụ hỏi:

- Nó dữ à?

- Thưa bà, không. Nhưng nó thường không chịu vâng lời. Sợ nó có điều gì vô lễ chăng?

- Vậy em đem nó sang đây.

Nói xong, bà liền ra hiệu cho người đàn ông ngồi ở lái thuyền. Người này lại đầu thuyền bắc tấm ván lên bờ làm cầu. Tôi vác đàn, tay bế Giôlicơ bước sang thuyền. Actơ reo:

- A! Con khi! Con khi!

Tôi lại gần cậu bé. Khi cậu vuốt ve con khi, tôi có dịp nhìn kỹ cậu. Lạ thực, thân cậu buộc vào tấm ván như tôi đoán lúc đầu thực. Thiếu phụ hỏi tôi:

- Em ơi! Em còn cha chứ?

- Có, nhưng bây giờ cháu sống một mình!

- Vậy cha đi vắng trong bao lâu?

- Trong hai tháng.

- Hai tháng. Tội nghiệp! Một tí thế này, em phải lang thang một mình? Và trong một thời gian lâu thế?

- Thưa bà, bắt buộc phải thế!

- Cha em bắt phải kiếm tiền trong hai tháng đó để đem về?

- Thưa bà, không. Cha cháu không buộc gì cả. Miễn là kiếm tiền đủ nuôi tôi và các con vật của tôi thôi.

- Cho tới nay em vẫn kiếm được đủ ăn chứ?

Tôi ngập ngừng không trả lời. Tôi chưa từng trông thấy một bà nào lại có một vẻ phúc hậu và đáng kính như bà. Bà nói với tôi một cách rất tử tế ân cần. Tiếng nói của bà êm ái, đôi mắt của bà rất dịu dàng và đáng tin cậy, nên tôi định đem chuyện kể cho bà nghe. Vả lại, tại sao lại im?

Tôi liền kể lại, thầy Vitali, chỉ vì bảo vệ cho tôi mà bị ngồi tù và từ khi rời Tuludơ, tôi chẳng kiếm được đồng nào.

Khi tôi nói chuyện với bà, Actơ chơi với mấy con chó. Tuy nhiên cậu vẫn để ý nghe tôi nói. Cậu hỏi:

- Vậy tất cả “đoàn” của anh chắc bị đói lắm?

Nghe tiếng đói, các bạn tôi hiểu nghĩa, tức thì ba con chó ăng ăng sủa lên và con khi ôm bụng nhăn nhó. Actơ gọi:

- Mẹ ơi!

Bà mẹ hiểu ý con, liền bảo một người đàn bà đứng ở cửa phòng bằng vài tiếng ngoại quốc. Tức thì người đàn bà đó bưng ra một bàn thịnh soạn. Bà chủ nói:

- Con ơi! Ngồi xuống đây.

Tôi không làm khách, đặt luôn đàn xuống và ngồi vào bàn. Ba con chó đến chung quanh tôi. Giôlicơ leo lên đùi tôi ngồi. Actơ hỏi tôi:

- Những con chó của anh có biết ăn bánh mì không?

- Có.

Tôi ồi con một miếng. Chúng ăn lấy ăn để. Actơ lại hỏi tôi:

- Còn con khi?

Không cần phải săn sóc đến nó. Tôi mải cho chó ăn, nó đã vồ một miếng bánh nhân thịt, nhảy xuống gầm bàn, nuốt vội và đang mắc nghẹn kief.

Đến lượt tôi, tôi cầm một khoanh bánh. Tôi, tuy không đến nỗi bị nghẹn như Giôlicơ, nhưng cũng nuốt nhanh không kém nó. Bà Actơ vừa rót thêm rượu bia vào cốc tôi, vừa nói:

- Tội nghiệp cho con quá!

Còn cậu Actơ không nói gì, nhìn chúng tôi không hề chớp mắt, chắc phải kinh dị vì thấy chúng tôi ăn uống như vũ như bão, đến cả con Decbinô đã lững dạ vì miếng thịt cướp ở dọc đường, cũng không chịu thua. Actơ hỏi tôi:

- Nếu anh không gặp chúng tôi thì chiều nay, anh ăn ở đâu?

- Có lẽ chúng tôi không ăn.

- Thế ngày mai, các anh ăn ở đâu?

- Ngày mai, may ra lại được quý khán giả như hôm nay.

Actơ thôi nói chuyện với tôi, quay về phía bà mẹ. Hai người đàm thoại bằng tiếng ngoại quốc hồi lâu. Chợt Actơ quay đầu về phía tôi hỏi:

- Anh có thể ở đây với chúng tôi được không?

Tôi nhìn cậu và không trả lời được vì câu hỏi đột ngột đó.

- Actơ hỏi con có bằng lòng ở đây với chúng ta không?

- Trong thuyền này?

- Phải, ở trong thuyền. Con ta ốm, bác sĩ cấm không cho cử động, thân thể phải buộc kèm vào tấm ván như con đã trông thấy. Để cho em khỏi buồn, ta cho em đi rong chơi bằng thuyền. Con ở đây với ta. Mấy con chó và con khỉ sẽ diễn trò cho khán giả là Actơ xem. Còn con, nếu con muốn, con ơi, con sẽ chơi đàn cho ta nghe. Như thế, con sẽ giúp việc cho ta và ta cũng có ích cho con phần nào. Ngày ngày con không phải đi lang thang để tìm khán giả, mà cũng không dễ dàng đâu, nhất là con mới có bấy nhiêu tuổi đầu.

Đi thuyền! Từ bé tôi chưa được đi thuyền bao giờ! Nay tôi sắp được sống trong thuyền, trên mặt nước, thơ mộng quá, lòng tôi sung sướng biết bao!

Thực là một dịp may cho tôi. Và bà mẹ Actơ đã tử tế biết đường nào! Nghĩ ngợi trong giây lát, tôi chạy lại cầm tay bà và hôn. Cảm động về tấm lòng chân thành của tôi, bà âu yếm xoa đầu tôi và nói:

- Tội nghiệp quá!

Để bày tỏ thiện chí và lòng biết ơn của tôi, tôi xách đàn ra mũi thuyền, bắt đầu dạo mấy tiếng. Ngay lúc đó, bà cầm một cái còi bằng bạc để lên miệng, huyết một tiếng dài. Tôi ngừng tay, không hiểu tại sao bà lại huyết còi: bà chê tôi đánh dở hay bảo tôi thôi? Actơ hiểu ý tôi, vội bảo:

- Mẹ tôi ra hiệu cho ngựa đi đấy!

Thực vậy, con thuyền do ngựa kéo rời bến, rồi từ từ tiến trên mặt nước phẳng lặng của con sông. Nước vỗ vào mạn thuyền róc rách, hai bên bờ cây cối chạy ngược về phía sau dưới ánh nắng xiên khoai của buổi hoàng hôn. Actơ bảo tôi:

- Anh cứ chơi đàn đi!

Rồi Actơ gọi mẹ đến ngồi bên cạnh, âu yếm ôm lấy tay mẹ trong suốt thời gian tôi chơi những bản đàn mà thầy tôi đã dạy tôi.

13. Chương 12

Normal 0 false false false EN-US X-NONE X-NONE

Chương 12 - Người bạn đầu tiên của tôi

Bà mẹ Actơ là người Anh, tên gọi Miligon. Bà góa chồng và tôi tin tưởng Actơ là con một của bà - nhưng sau tôi được biết là bà còn có người con đầu lòng bị mất tích trong một trường hợp bí ẩn mà người ta không tìm thấy dấu vết gì. Việc đó xảy ra khi ông Miligon hấp hối, còn bà Miligon thì ốm trầm trọng, mê mẩn không biết gì. Khi bà tỉnh dậy thì chồng đã ra người thiên cổ và con cũng biệt tích từ bao giờ. Việc tìm kiếm bà giao cho ông Giêm là em chồng bà. Người ta thấy có sự bất lợi trong sự ủy thác đó, vì nếu chồng bà chết mà không có con thì đến lượt Giêm được thừa hưởng sản nghiệp của người quá cố.

Tuy vậy, Giêm không được quyền thừa kế đó, là vì sáu tháng sau khi chồng mất, bà sinh hạ được một người con trai, đó chính là cậu Actơ bây giờ.

Nhưng đứa con trai đó mảnh dẻ, yếu ớt, khó lòng nuôi được. Các thầy thuốc bảo thế, ngày một ngày hai nó sẽ chết. Đến lúc đó Giêm sẽ đương nhiên được hưởng tước vị và tài sản của anh, vì luật lệ về quyền thừa kế của mỗi nước một khác, nên ở nước Anh, một trong vài trường hợp người anh mất đi, em có quyền thừa kế, người vợ góa phải chịu thiệt thòi.

Cháu trai ra đời làm cho Giêm thất vọng, nhưng không phải tuyệt vọng vì ông ta có thể đợi. Ông ta đã đợi!

Những lời tiên đoán của thầy thuốc không nghiệm. Đứa bé tuy ẻo lả thật, nhưng nó vẫn dai dẳng, không chết, có hy vọng nuôi được. Đó là nhờ lòng hy sinh săn sóc của bà mẹ. Và ơn Thượng Đế, đó cũng là một sự kỳ diệu.

Đã hai mươi lần người ta tưởng nó chết, đã hai mươi lần nó lại được cứu sống Rồi cứ quặt quẹo luôn, có khi hàng trăm thứ bệnh dồn vào mình nó.

Gần đây, nó mắc chứng đau xương hông. Thầy thuốc khuyên đi tắm ở suối nước có chất lưu hoàng. Bà Miligơn không quản ngại, đã sang Pháp tìm đến núi Pyrênê, nhưng dùng nước suối đó vô hiệu. Một danh y lại cho cách điều trị khác là giữ cho thân thể bệnh nhân nằm thẳng, không được bước chân xuống đất. Vì thế bà Miligơn phải đặt làm ở Booc-dô cái thuyền lạ kiểu, mà hiện thời tôi đang nung nấu ở đó.

Bà nghĩ không thể giam con mãi trong nhà được. Nó sẽ chết mòn vì buồn và thiếu khí lành. Actơ không đi được thì cái nhà sẽ đi thay cho Actơ.

Người ta đã chế cái thuyền thành một thứ nhà nổi, có buồng ngủ, có bếp, có phòng khách và hiên ngồi hóng mát. Thuyền đó được đặt tên là Thiên Nga. Chính ở trong phòng khách ấy hay ở dưới mái hiên ấy, tùy theo tiết trời, Actơ ra nằm đó từ sáng đến chiều, chuyện trò với mẹ, hay nhìn phong cảnh luôn luôn diễn ra trước mắt, không mất công di chuyển và cũng không phải nhọc nhằn gì. Con thuyền khởi hành từ Booc-dô đã hơn một tháng nay rồi. Sau khi ngược sông Garon, thuyền vào sông Nam. Nhờ sông này, thuyền qua những cừ, những lạch, lượn theo ven bờ biển Địa Trung Hải để đến sông Rôn. Lại ngược sông Rôn và phụ lưu Xôn để sang sông Loa, đến tỉnh Bria thì rẽ vào sông đào tỉnh ấy. Rồi từ sông này vào sông Xen, xuôi xuống hải cảng Ruăng. Ở đó, bà Miligơn cùng con sẽ đáp tàu về Anh.

Hôm tôi xuống thuyền, tôi chỉ biết cái buồng dành cho tôi thôi. Mặc dầu nó dài chừng hai mét, rộng độ một mét, nhưng rất mỹ lệ và sạch sẽ. Đồ đạc trong buồng chỉ có một cái tủ thấp, nhưng cái tủ này chẳng khác gì cái chai của một nhà vật lý học, bên trong chứa đựng không biết bao nhiêu là thứ. Mở nắp tủ ra, người ta thấy một cái giường tủ đệm, gối, chăn. Dưới giường là một ngăn kéo có đủ các thứ dùng cho việc tắm rửa. Dưới ngăn kéo lại có cái ngăn kéo thứ hai chia làm nhiều ô để xếp quần áo. Không có bàn, không có ghế. Nhưng ở đầu giường, có một tấm gỗ xinh xắn, đóng vào bức ngăn, hạ xuống thành cái ghế dựa. Một cái cửa sổ tròn, khoét ra ở sườn thuyền, có cánh lồng kính, dùng để lấy ánh sáng và thay đổi khí trời.

Những bức ngăn, đều bằng gỗ thông sơn bóng. Trên sàn trải một cái khăn bằng vải sơn kẻ ô vuông đen và trắng. Cái buồng này không những đẹp mắt mà còn làm cho lòng tôi thích thú nữa.

Sau khi cởi áo rồi, lên giường nằm, tôi có một cảm giác êm đềm mới. Lần đầu tiên tôi đặt mình trên cái khăn trải giường mịn màng, không cào vào da. Ở nhà mẹ tôi, tôi nằm trên cái khăn bằng gai thô ráp. Đi với thầy tôi, chúng tôi thường ngủ trên rơm, trên cỏ, có khi vào nhà trọ thì chỗ nằm chẳng hơn ổ súc vật bao nhiêu.

Ôi! Cái chăn mềm ấm và thơm tho biết bao! Cái nệm êm ái hơn ổ lá thông đêm trước rất nhiều. Cái tỉnh lặng ban đêm không làm cho tôi lo lắng, bóng tối cũng không chấp chờn như ma nữa! Và cả những ngôi sao nhìn tôi qua cửa sổ, khích lệ tôi và hứa hẹn rất nhiều.

Tuy được ngủ ngon trên chiếc giường êm ấm, tôi không quên dậy sớm, vì tôi vẫn nghĩ đến những bạn tôi không biết đêm qua ngủ nghe thế nào.

Tôi thấy tất cả các bạn tôi đều nằm yên ở chỗ tối qua tôi xếp đặt và ngủ dài như ở nhà mình. Khi tôi lại gần, những con chó thức dậy, vui mừng chạy lại cho tôi vuốt ve. Còn Giôlicơ tuy một mắt đã hé mở, nhưng không cử động và nó cứ ngáy khò khò như tiếng kèn hai ống.

Thấy thế tôi hiểu ngay. Ngài Giôlicơ bản chất hay chạnh lòng, mỗi khi phật ý thì giận rất lâu. Vì hoàn cảnh bắt buộc, hôm qua tôi không để ngài ngủ trong phòng cùng tôi, nên ngài giận và giả vờ ngủ. Tôi không làm sao cắt nghĩa cho Giôlicơ hiểu được rằng tôi buộc lòng phải để cho nó ngủ ngoài sân. Tôi liền bế nó lên tay vuốt ve nó và tỏ lòng áy náy của tôi. Thoạt nhiên, nó cứ hờn dỗi mãi, một lúc lâu, vì tính hiếu động, nó nghĩ đến việc khác rồi ra hiệu cho tôi biết nếu cho nó lên bộ chơi một lúc, thì nó không giận nữa. Lúc đó người lái thuyền đã dậy và đang lau sàn. Tôi nhờ bác ta bắc cầu cho tôi cùng các con vật lên cánh đồng cỏ chơi một lúc.

Tôi chơi đùa với các con chó và Giôlicơ. Tôi chạy, tôi nhảy, tôi leo cây. Thời giờ đi nhanh quá. Khi chúng tôi trở về thuyền thì hai con ngựa đã buộc dây sẵn sàng vào lệnh chạy. Chúng tôi vội vàng xuống thuyền. Vài phút sau, người chân sào tháo dây ở bờ ra rút cầu. Người kéo thuyền lên mình ngựa. Tiếng dây kèn kẹt: chúng tôi bắt đầu đi.

Đi thuyền mới thú biết bao! Những con ngựa chạy đều trên bờ. Chúng tôi lướt nhẹ nhàng trên mặt nước. Cây cối hai bên bờ chạy lùi về phía sau chúng tôi. Người ta chỉ nghe thấy tiếng nước róc rách vỗ vào mạn thuyền lẫn tiếng nhạc đồng hồ đeo ở cổ con ngựa ở trên bờ.

Đứng ở trên bao lơn thuyền, tôi nhìn những cây bạch dương, rễ bò trong đám cỏ tươi, lá hiu hiu động trong bầu không khí ban mai tĩnh lặng. Rặng cây bạch dương xếp thành hàng dọc theo bờ sông như một tấm màn màu lục, ngăn ánh nắng xiên khoai, chỉ để lọt qua kẽ lá một vài tia nắng dịu dàng. Mặt sông có chỗ nước đen thẫm như phủ trên những vực sâu, có chỗ nước trong vắt trông rõ cả những viên sỏi bóng loáng và những đám cỏ mịn như nhung dưới đáy sông.

Tôi đang mãi ngắm cảnh, chợt có tiếng gọi tôi ở phía sau. Tôi quay lại và thấy cậu Actơ. Người ta đã đưa cậu ra nằm chơi ở đó. Mẹ cậu ngồi bên cạnh. Actơ nói:

- Đêm qua anh ngủ ngon hơn ở cánh đồng chứ?

Tôi chạy lại gần, tìm những câu lễ phép để trả lời cậu và mẹ cậu. Cậu hỏi:

- Những con chó đâu?

Tôi gọi chúng đến. Những con chó vừa đến vừa giơ tay chào; Giôlicơ nhăn mặt cúi đầu. Chúng tưởng sắp có cuộc diễn trò. Nhưng sáng này không phải làm gì cả. Bà Miligơn cho con nằm ở chỗ khuất nắng và bà ngồi bên cạnh. Bà bảo tôi:

- Con đem những con chó và khỉ ra chỗ khác chơi, để chúng ta làm việc.

Tôi theo lời, đưa đàn chó và Giôlicơ ra mũi thuyền.

Cậu bé tàn tật cũng có thể làm việc được sao?

Tôi nhìn thấy mẹ cậu cầm quyển sách đọc từng câu và bắt cậu nhắc lại. Nằm trên tấm ván, cậu miệng lầm nhảm nhắc những câu mẹ đọc.

Cậu nhắc khó nhọc lắm, nhắc lại ba tiếng cũng không trơn tru, nhiều khi còn nhầm lẫn nữa. Bà mẹ kiên nhẫn sửa lại nhiều lần những câu sai đó một cách dịu dàng, không kém phần cương nghị. Bà nói:

- Con không thuộc bài ngụ ngôn của con rồi.

Actơ kêu bằng một giọng chán nản:

- Ô! Hôm nay con đọc sai hơn hôm qua nhiều.

- Con vẫn cố học.

- Và con chẳng thuộc gì cả.

- Con không thể học thuộc được.

- Tại sao?

- Con không biết...bởi vì con không thể học thuộc được...con ốm.

- Ốc con không ốm. Mẹ không bằng lòng con không học gì. Con cứ lấy nê ốm mà không học thì lớn lên con sẽ dốt nát. Bà Miligơn tỏ ra nghiêm nghị, nhưng bà nói rất ôn tồn, êm ái:

- Tại sao con chán học bài?

- Thưa mẹ, con không sao học được, quả thật con không sao học được.

rồi Actơ khóc òa lên. Nhưng bà không chuyển lòng mặc dầu bà vẫn thương con. Bà hỏi:

- Hôm nay mẹ định học xong, thì cho con chơi với Rêmi và đàn chó. Nhưng con lại không học thuộc thì chơi làm sao được?

Nói xong, bà đưa sách cho con và bước vài bước định vào trong phòng để mặc cho con nằm trên tấm ván.

Actơ khóc nức nở. Ở ngoài mũi thuyền tôi cũng nghe thấy tiếng ghen ngào của cậu.

Bà Miligơn sao lại quá nghiêm khắc với đứa con ốm yếu mà bà thương yêu nhất đời thế? Cậu không thuộc được bài, không phải lỗi tại cậu, mà là do bệnh tật sinh ra. Bà định bỏ con nằm một mình ở đó và không an ủi con lời nào hay sao?

Không. Bà không bỏ con nằm đó. Định vào trong phòng, nhưng bà lại trở lại. Bà nói:

- Vậy mẹ cùng học với con nhé?

- Thưa mẹ, cùng học, vâng.

Bà liền ngồi cạnh con, cầm lấy sách và đọc rất thông thả bài ngụ ngôn chó sói và con cừu non. Actơ theo mẹ nhắc lại từng tiếng từng câu.

Bà đọc như thế ba lần, xong bà trao sách cho Actơ bảo con tập học một mình và bà vào trong thuyền.

Actơ tiếp tục học bài ngụ ngôn. Ở chỗ tôi ngồi, tôi nhìn rõ môi cậu lắp bắp.

Cậu cũng biết nghe lời mẹ và chịu khó đọc chứ!

Nhưng sự chăm chú ấy không được lâu. Lát sau cậu nhìn ra ngoài quyển sách, môi cử động chậm dần, rồi im bất. Cậu không đọc nữa, không nhắm nữa. Cậu nhìn quanh nhìn quẩn và trông thấy tôi. Tôi giơ tay làm hiệu, khuyến khích cho cậu tiếp tục học bài. Cậu mỉm cười như để cảm ơn tôi, rồi lại nhìn vào quyển sách.

Nhưng được một lát, cậu lại nhìn ra bờ sông, hết bờ này sang bờ kia.

Lúc đó, tôi vô tình đứng dậy, làm cho cậu để ý nhìn tôi, tôi trở vào quyển sách, cậu luống cuống, lại nhắm bài.

Không may, hai phút sau, có con chim bay vụt như một mũi tên ngang sông, qua đầu thuyền để lại sau nó một vệt màu lam.

Actơ ngẩng đầu nhìn theo. Khi con trả đã biến rồi, cậu nhìn tôi và nói:

- Anh ơi! Tôi muốn học lắm, nhưng...

Tôi lại gần cậu và nói:

- Bài ngụ ngôn này không khó lắm đâu.

- Ồ! Khó lắm chứ!

- Tôi thấy dễ. Nghe bà đọc ban nãy, tôi đã nhớ cả rồi.

Cậu mỉm cười có ý nghi ngờ.

- Cậu có muốn tôi đọc lại cho cậu nghe không?

- Đọc làm sao được. Cậu cầm sách dò, tôi cố đọc xem có đúng không.

Cậu cầm sách nhìn, tôi đọc lại. Cậu chỉ phải chờ một hai tiếng tôi quên thôi. Cậu nói:

- Thế anh thuộc thực à?
 - Không được thuộc lắm. Nhưng bây giờ tôi có thể đọc lại không sai.
 - Anh làm thế nào mà thuộc được.
 - Tôi nghe bà đọc, nghe một cách rất chăm chú, không để ý hoặc nhìn những vật xung quanh tôi. Cậu đổ mắt, nhìn ra chỗ khác. Xong, hết thẹn, cậu bảo tôi:
 - Tôi đã hiểu cách nghe của anh thế nào rồi. Tôi sẽ cũng nghe như anh. Nhưng anh làm thế nào mà được tất cả những tiếng ngổn ngang ấy trong óc? Nó cứ rối bời trong trí nhớ của tôi.
- Tôi đã làm thế nào? Tôi cũng không biết vì không bao giờ tôi để ý đến điều đó. Tuy nhiên, tôi cũng theo kinh nghiệm của tôi, cắt nghĩa cho cậu nghe, tôi nói:
- Bài ngụ ngôn nói về cái gì? Về con cừu. Tôi bắt đầu nghĩ đến những con cừu. Rồi tôi nghĩ đến chúng nó làm gì? “những con cừu đang ở yên lành trong chuồng”. Tôi trông thấy những con cừu nằm và ngủ trong vườn, vì chúng được yên ổn. Và đã nhìn thấy chúng, tôi không quên được nữa.
- Cậu nói:
- Phải đấy, tôi cũng trông thấy chúng: “những con cừu ở yên trong chuồng”. Tôi trông có con trắng, có con đen, tôi trông thấy cả những con cừu cái, cừu con. Tôi trông thấy cả chuồng rào giậu thưa.
 - Như vậy cậu không quên được nữa chứ?
 - Ồ! Không quên được.
 - Thường thì ai giữ việc chăn cừu?
 - Những con chó.
 - Khi chúng không cần coi cừu, vì những con này đã được an toàn thì chúng làm gì?
 - Chúng chả làm gì cả.
 - Lúc đó chúng có thể ngủ được. Vậy ta nói: “những con chó nằm ngủ cả”.
 - Chính thế! Dễ quá.
 - Có phải dễ lắm không? Bây giờ, ta nghĩ đến cái khác. Ai thường coi cừu cùng với chó?
 - Người chăn cừu.
 - Nếu những con cừu được yên lành, người chăn cừu ngồi rồi, thì anh ta dùng thì giờ để làm gì?
 - Để thổi sáo.
 - Cậu có nhìn thấy không?
 - Có.
 - Vậy anh ta ở đâu?
 - Dưới bóng cây du to.
 - Anh ta chơi một mình phải không?
 - Không. Anh ta chơi với những anh chăn cừu láng giềng khác.
 - Bây giờ cậu đã trông thấy cừu, thấy chuồng, thấy chó và người chăn cừu. Vậy có thể nhắc lại không sai đoạn đầu bài ngụ ngôn được không?
 - May ra thì được.
 - Cậu cố nhắc lại xem.

Nghe tôi nói và cắt nghĩa bài học như thế nào cho chóng thuộc, Actor nhìn tôi vừa cảm động vừa e sợ vì không tin điều tôi nói là thật. Tuy nhiên, sau vài giây ngập ngừng, cậu nhất định đọc:

- “Những con cừu ở yên lành trong chuồng. Những con chó nằm ngủ cả. Người chăn cừu ngồi dưới bóng cây du đang thổi sáo chơi cùng các bạn khác”. Xong cậu vỗ tay reo:

- Tôi thuộc hết, không sai chữ nào!

- Vậy cứ theo cách đó, cậu học các đoạn sau.

- Ừ! Với anh tôi tin rằng tôi có thể học thuộc hết được. A! Mẹ tôi sẽ sung sướng biết bao.

Rồi cậu theo cách học đoạn đầu, cậu tiếp tục đọc các đoạn sau.

Không tới mười lăm phút, cậu thuộc hết và đọc rất trôi chảy. Khi cậu đọc vừa xong, thì mẹ cậu ở trong ra, đứng sau chúng tôi.

Thoạt tiên, bà có ý không bằng lòng, tưởng chúng tôi họp nhau để chơi, nhưng Actơ không để bà hỏi, nói luôn:

- Mẹ ơi! Con thuộc rồi! Chính Rêmi đã dạy con học đấy!

Bà Miligơ ngạc nhiên nhìn tôi. Bà định hỏi tôi thì Actơ không chờ mẹ bảo, đọc luôn bài ngụ ngôn một mạch, không ngập ngừng và không sai chữ nào, đôi mắt sáng ngời đắc thắng.

Trong khi đó, tôi nhìn bà Miligơ, gương mặt kiêu diễm của bà tươi hân lên, hai mắt long lanh ướt. Bà cúi xuống ôm lấy con hôn, không biết bà có khóc không. Actơ nói với mẹ:

- Những chữ suông không nghĩa lý gì, nhưng những vật thì người ta nhìn thấy. Rêmi bảo con nhìn thấy người chăn cừu với cây sáo của anh ta. Khi con học con không nghĩ tới mọi thứ chung quanh con, con chỉ nhìn thấy cây sáo của người chăn cừu và con nghe thấy cả điệu sáo thổi nữa. Mẹ muốn nghe con hát điệu đó không?

Rồi cậu hát, một bài điệu hơi buồn bằng tiếng Anh.

Continue.....

14. Chương 12

Chương 12 - Má Barberin

Tám giờ sáng cửa mở ra chúng tôi nhìn thấy ngài quan tòa đi vào cùng với ông bạn thú y của chúng tôi muốn đích thân đến giải phóng cho chúng tôi.

Quan tòa bắt tay chúng tôi còn ông thú y ôm hôn chúng tôi.

- Thôi các bạn nhỏ lên đường mạnh giỏi nhé!

Chúng tôi vào làng này thăm hại thế nào thì ra đi oai hùng như thế, đầu ngẩng cao tay dắt bò. Những người nông dân đứng trước cửa nhìn chúng tôi với ánh mắt thân thiện.

Chẳng bao lâu chúng tôi tới ngôi làng mà trước đây tôi đã dừng lại cùng cụ Vitalis vào cái đêm đầu tiên của cuộc sống chung.

Từ đây chỉ còn phải qua một khoảng đất trũng nữa thôi là tới cái dốc xuống Chavanon.

Qua con phố chạy qua làng một ý nghĩ bỗng nảy ra làm tôi phải bảo cho Mattia ngay.- Cậu biết đấy tớ đã hứa cho cậu ăn bánh xèo ở nhà má Barberin, nhưng muốn làm bánh xèo phải có bơ, bột và trứng.

- Ngon quá nhỉ.

- Ngon hẳn đi ấy chứ, rồi cậu sẽ thấy; cuộn lại ăn ngập miệng luôn. Nhưng ở nhà má Bar-berin chắc gì đã có bột và bơ vì má không giàu đâu, hay là ta đem tới?

- Phải đấy, ý hay đấy.

Tôi vào cửa hàng thực phẩm khô mua nửa ki-lô bơ, hai ki-lô bột, rồi chúng tôi tiếp tục đi.

Còn mười cây số, rồi còn tám, còn sáu; có điều lạ là càng đến gần má Barberin con đường càng dài ra chứ không như ngày tôi xa má.

Nhưng tôi vô cùng xúc động và bồn chồn, chốc chốc tôi lại xem đồng hồ.

- Nơi này đẹp đấy chứ? - Tôi bảo Mattia.

Chúng tôi đã tới đỉnh đồi nơi bắt đầu con đường dốc với nhiều đoạn chữ chi dẫn xuống Chavanon, con đường đi qua nhà má Barberin.

Chỉ vài bước nữa là chúng tôi tới nơi tôi đã xin phép cụ Vitalis được ngồi lên cái ụ đất nhìn về cái nhà mà tôi tưởng không bao giờ còn trông thấy nữa.

- Cầm dây dắt bò này. - Tôi bảo Mattia.

Tôi nhảy phắt một cái lên ụ đất: chẳng thấy gì thay đổi trong thung lũng của chúng tôi cả.

- Gì thế? - Mattia hỏi.

Nó đến gần tôi.

- Theo tay tứ chỉ này, - tôi bảo nó, - đấy là nhà má đấy.

Đúng lúc này một đám khói màu vàng bốc lên từ ống khói và vì không có gió nó bốc thẳng lên không trung theo dọc sườn đồi.

- Má Barberin thế là có nhà. - Tôi nói.

Một ngọn gió nhẹ thổi qua cây lá làm cột khói vỡ ra tỏa vào mặt chúng tôi: làn khói có mùi lá dẻ.

Bỗng nhiên nước mắt tôi ứa ra.

- Thôi đi xuống mau lên. - Tôi nói.

- Nếu má Barberin ở nhà thì ta làm sao thu xếp để má ngạc nhiên được nhỉ? - Mattia hỏi.

- Cậu sẽ vào trước: cậu nói là ông hoàng gửi tới á con bò, khi má hỏi ông hoàng nào, tớ sẽ xuất hiện.

Vừa tới chỗ ngoặt ngay trên căn nhà, chúng tôi nhìn thấy một chiếc khăn quàng trắng hiện ra trong sân: đó là má Barberin, má mở cửa rào ra rồi đi về phía làng.

Tôi biết theo thói quen của má Barberin cửa chỉ cài then mà thôi, chúng tôi có thể vào trong nhà được; nhưng trước hết phải cho con bò vào chuồng đã. Tôi bèn đi vào chuồng bò xem sự tình ra sao thì thấy chất đầy những bó củ. Tôi gọi Mattia, hai đứa buộc con bò vào trước máng cỏ xong, mau lẹ chất tất cả các bó củ vào một góc, làm việc này cũng nhanh thôi.

- Bây giờ, - tôi bảo Mattia, - chúng ta vào trong nhà; tớ sẽ ngồi bên góc lò sưởi á Barberin thấy tớ ở đó. Thanh chắn khi má đẩy bao giờ cũng kêu lên ken két, cậu sẽ kịp trốn vào sau giường cùng với Capi, má chỉ nhìn thấy mình tớ, cậu thử tưởng tượng xem má sẽ ngạc nhiên đến thế nào?

Sự việc xảy ra đúng như thế. Chúng tôi vào nhà, tôi ngồi ở lò sưởi y như ngày xưa tôi vẫn ngồi trong bao buổi tối mùa đông. Tóc tôi dài chưa cắt, tôi giấu chúng vào trong cổ áo vét, tôi thu mình lại thật nhỏ cổ giống bé Rémi chừng nào hay chừng ấy.

Yên vị xong tôi nhìn chung quanh. Hình như tôi chỉ mới rời căn nhà này từ tối hôm qua, chẳng có gì thay đổi cả, mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Nếu tôi dám bỏ chỗ ngồi này hẳn tôi đã vui mừng tới nhìn gần từng đồ vật một; nhưng vì má Barberin có thể hiện ra bất kỳ lúc nào cho nên tôi đành ngồi im mà nhìn ngấm vậy thôi.

Bỗng nhiên tôi thấy một chiếc khăn quàng trắng, đồng thời thanh chắn kêu ken két.

- Trốn nhanh đi Mattia. - Tôi bảo Mattia.

Tôi càng thu mình nhỏ hơn.

Cửa mở ra: từ ngưỡng cửa má Barberin đã nhìn thấy tôi.

- Ai đấy? - Má hỏi.

Tôi chỉ nhìn má không trả lời, còn má, má cũng nhìn tôi.

Bỗng nhiên hai tay má run lên.

- Trời ơi! - Má thì thầm. - Có thể thế được không, Rémi ư con?

Tôi đứng dậy, chạy về phía má, tôi ôm ghì má trong hai cánh tay.

- Má ơi!

- Con trai tôi, đây là con trai tôi!

Nhiều phút sau chúng tôi mới định thần lại được và lau xong nước mắt..- Đúng rồi, - má nói, - giá má không lúc nào cũng nghĩ đến con thì má đã không nhận ra con, con thay đổi nhiều quá, trông khỏe mạnh lên nhiều!

Một tiếng hít hít nghẹn ngào làm tôi nhớ ra Mattia, tôi gọi nó, nó đứng lên.

- Đây là Mattia, em trai con.

- A! Thế ra con tìm được cha mẹ rồi à? -Má Barberin kêu lên.

- Không, con muốn nói đây là bạn con, bạn thân của con, còn đây là Capi, cũng là bạn con, bạn thân của con; chào má của chủ mày đi nào Capi!

Capi đứng thẳng lên trên hai chân sau, một chân trước để lên chỗ trái tim, nó cúi chào rất trân trọng làm á Barberin phải phì cười và khô nước mắt.

Mattia ra hiệu cho tôi nhớ lại điều bất ngờ chúng tôi muốn dành á.

- Má ơi, - tôi bảo má Barberin, - ta ra sân chơi một chút đi.

- Ta cũng có thể ra xem cái vườn của con nữa, má vẫn giữ y nguyên như con sắp xếp trước kia để khi về nhà con vẫn thấy nó như thế vì má vẫn tin thế nào con cũng trở về.

Đã đến lúc rồi.

- Thế còn chuồng bò, - tôi nói, - nó vẫn không có gì thay đổi từ khi Roussette đi hả má?

- Dĩ nhiên là không rồi, má chất củi vào đó.

Vừa vặn chúng tôi đứng trước chuồng bò, má Barberin đẩy cửa, ngay lúc đó con bò của chúng tôi, đang đói tưởng có người đến cho ăn, bắt đầu rống lên.

- Một con bò cái! - Má Barberin kêu lên.

Lúc đó không còn nhin được nữa, tôi và Mattia cười phá lên.

Má Barberin ngạc nhiên nhìn chúng tôi.

- Đó là một điều bất ngờ phải không má? -Tôi nói.

- ôi! Con trai yêu quý! - Má Barberin vừa kêu lên vừa ôm hôn tôi.

Rồi chúng tôi đi vào trong chuồng bò để á Barberin có thể xem kỹ con bò của mình.

Mỗi một phát hiện lại làm má reo lên:

- Con bò đẹp biết chừng nào!

Bỗng nhiên má dừng lại nhìn tôi:

- á chà! Thế ra con đã giàu rồi ư?

- Đúng thế đấy má ạ, - Mattia cười nói, -chúng con còn năm mươi tám xu..Má Barberin lại có dịp nhắc lại điệp khúc chỉ có điều hơi khác đi một chút:

- Những đứa con trai ngoan thật là ngoan!

Điều này làm tôi có một niềm vui êm dịu trong lòng: má đã nghĩ đến Mattia và trong tim má, má đã gắn bó chúng tôi lại với nhau.

Trong lúc này con bò tiếp tục rống.

Mattia nói:

- Nó đòi vắt sữa đấy ạ!

Không cần nghe thêm nữa tôi chạy vào lấy cái xô bằng sắt tây đã cọ rửa kỹ.

Má Barberin hài lòng không biết thế nào mà kể khi thấy sữa đầy đến hai phần ba xô.

- Má nghĩ con bò này cho nhiều sữa hơn Roussette. - Má nói.

Sữa vắt xong con bò được thả ra sân ăn cỏ, chúng tôi vào nhà, mang theo xô sữa rồi, tôi đem bơ và bột đặt lên bàn, vào chỗ dễ nhìn thấy nhất.

Thấy thế má Barberin lại reo lên nhưng tôi đành thật thà ngắt lời má:

- Má ơi, - tôi nói, - nổi bất ngờ này không những dành á mà cho cả chúng con, chúng con đói đến chết được và chỉ mong được ăn bánh xèo. Má còn nhớ vào ngày thứ ba béo cuối cùng của má con ta, ta bị ngắt quãng như thế nào không? Và chỗ bơ má đi vay để làm bánh xèo cho con đã bị sai phí phạm như thế nào vào việc nấu với hành trong nồi không? Lần này ta sẽ không bị ai làm phiền nữa.

- Con biết là Barberin đi Paris rồi à?

- Vâng.

- Thế con có biết ông ấy đi Paris làm gì không?

- Không ạ.

- Đi vì việc có lợi cho con đấy.

- Cho con? - Tôi sợ hãi nói.

Nhưng trước khi trả lời má nhìn Mattia như thể không muốn nói trước mặt nó.

- Ồ, má cứ nói trước mặt Mattia. - Tôi bảo.

- Nhưng giải thích ra thì dài lắm. - Má nói.

- ông ta liệu có về ngay không?

- Ồ! Không đâu. Chắc chắn là khác.

- Thế thì có gì mà vội. Má hãy làm bánh xèo cho chúng con trước đã.

- ở nhà không có gà mái...

- Chúng con không mang trứng sợ vỡ. Má có đi vay được ở đâu đây không?.Má có vẻ lúng túng, tôi hiểu ngay chắc má đã đi vay thường xuyên.

- Thôi để con đi mua thì hơn. Con chạy đi ngay đây. - Tôi nói.

Tôi mua một tá trứng và một miếng mỡ. Khi tôi trở lại chỉ còn việc nhào trứng vào bột.

- á chà! - Má Barberin vừa đánh trứng thật mạnh vừa hỏi tôi, - tại sao mà bấy lâu nay tôi không á biết tin tức gì cả là thế nào?

- Má ơi, con biết má không phải chỉ có một mình, má lại không tự đọc được thư con nữa.

Ông Barberin làm con run lên vì sợ, ông ấy mới là chủ nhà, là người đã bán con ột nhạc sĩ già lấy bốn mươi phrăng.

- Bé Rémi ơi, con đừng nói đến chuyện ấy nữa.

- Không phải con nói để phàn nàn gì đâu mà để cắt nghĩa á nghe vì sao con không dám viết thư.

Vừa nói chuyện má Barberin vừa nhào bột để làm bánh, Mattia lo nhóm lửa, tôi thì xếp đĩa, đĩa và cốc tách lên bàn, tôi đi ra chỗ vòi nước lấy một bình đầy.

Bây giờ một ngọn lửa thật đẹp đã bốc lên dưới ống khói, má Barberin bắc xoong lên. Mùi bánh xèo tỏa khắp gian phòng và chẳng bao lâu chúng tôi đã được cắn ngập răng thứ bánh ngon lành ấy.

- ôi! Bánh mới ngon làm sao! - Mattia còn đầy miệng, nói.

Khi cái liễn đã hết sạch, Mattia, biết má Barberin không muốn nói chuyện trước mặt nó, bèn bảo là nó muốn xem con bò ra sao, để hai người chúng tôi lại với nhau.

Nếu tôi có ý đợi đến tận lúc này không phải vì tôi không sốt ruột, chẳng qua chỉ vì tôi tập trung tất cả mọi chú ý vào bánh xèo để quên nỗi bận tâm đó đi mà thôi.

Barberin làm gì ở Paris?

Khi Mattia đã ra ngoài, tôi hỏi má Barberin như vậy.

- Con trai ơi, hình như gia đình con tìm con.

- Má nói.

- Ai tìm cơ ạ? ồ, con xin má, má hãy nói mau đi!

Rồi cảm thấy hình như mình điên, tôi liền kêu lên:- Chính là Barberin đi tìm con chứ ai, để rồi lại bán con đi một lần nữa; nhưng đừng hòng lấy lại được con!

- Con ơi, chúng ta hãy biết điều, hãy nghe lời má nói đây và đừng có sợ nữa. Đây là những điều tận tai má nghe thấy. Thứ hai tới là đầy một tháng, má đang làm việc trong phòng làm bánh mì bỗng có một ông đi vào nhà, Barberin lúc đó đang ở trong nhà. “Có phải ông là Bar-berin không?” ông ta hỏi. “Vâng”, Jérôme đáp.

“Có phải ông là người đã tìm thấy một đứa bé ở Paris chỗ đại lộ Breteuil không, và chịu trách nhiệm trông nom nó không?” “Vâng.” “Thế thằng bé đó đâu?” “Bận gì đến ông cơ chứ?” Jérôme trả lời.

Nếu như tôi nghi ngờ sự thành thực của má Barberin thì tôi cũng phải thừa nhận câu trả lời này thật tử tế, câu trả lời mà má đã nghe được cũng như đã thuật lại với tôi.

- Con biết đấy, - má nói, - ở chỗ làm bánh mì nghe rõ lắm, hơn nữa nó lại là việc về con, nên má rất muốn nghe. Để nghe rõ hơn má lại gần, nhưng má lại giẫm vào một cành cây gãy rắc một cái. “Không phải chỉ có mình chúng ta thôi ư? ” ông kia hỏi. “Đó là vợ tôi”, Jérôme bảo. “ở đây nóng quá ta ra ngoài nói chuyện hơn”, ông kia nói. Thế là cả hai đi ra.

Ba bốn giờ sau Jérôme mới trở về một mình.

Con thử tưởng tượng xem má sốt ruột đến thế nào muốn biết Jérôme và ông kia, có thể là cha con, đã nói với nhau những gì, nhưng Jérôme không trả lời tất cả những gì má hỏi. Jérôme chỉ nói là ông ấy không phải cha con nhưng thay mặt gia đình con đi tìm con.

- Thế gia đình con ở đâu hả má? Gia đình đó thế nào? Con có cha, có mẹ chứ?

- ầy má cũng hỏi Jérôme như con ấy, nhưng ông bảo là không biết. Rồi Jérôme bảo là ông đi Paris tìm người nhạc sĩ đã thuê con và đã cho địa chỉ ở phố Lourcine. Từ hôm ấy đến nay má chẳng được tin tức gì của Jérôme cả. ông kia cho Jérôme một trăm phrăng và có lẽ sau đó còn cho tiền tiếp nữa. Cái đó cộng với những tã lót xưa bọc con khi người ta tìm thấy con chứng tỏ cha mẹ con là người giàu có.

Đúng lúc này Mattia đi qua cửa, tôi gọi nó:

- Mattia này, tớ có một gia đình.

Nhưng lạ một cái là nó không chia sẻ niềm vui này cùng tôi..Chúng tôi đi ngủ sớm, Mattia ngủ ngay. Còn tôi không sao ngủ được, hoang mang vì những ý nghĩ tồi tệ.

Gia đình tôi tìm tôi, nhưng để tìm được gia đình, tôi phải tìm hỏi lão Barberin. Điều này làm cho niềm vui của tôi tối sầm lại, tôi những muốn lão Barberin đừng xen vào hạnh phúc của tôi làm gì. Tôi không quên những lời lão nói với cụ Vitalis: “Ai nuôi đứa trẻ này sẽ có lợi, nếu không tính thế thì tôi nuôi nó làm gì.” Chính vì vậy mà tôi có những tình cảm xấu đối với lão.

Ấy thế mà tôi lại phải tìm cho được lão để lão dẫn tôi về gia đình tôi.

Rõ ràng đối với tôi có một gia đình là niềm vui quá lớn không ngờ tới rồi; tuy nhiên niềm vui này đến với tôi trong những điều kiện không khỏi pha lẫn buồn bã. Tôi vẫn hy vọng có thể sống nhiều ngày hạnh phúc bên má Barberin, thế nhưng ngay ngày mai chúng tôi đã lại phải lên đường rồi.

Rời khỏi nhà má Barberin tôi còn phải đi đến bờ biển ở Esnandes để gặp chị étiennette, thăm Benjamin ở Saint-Quentin rồi sau đó còn phải đi Dreuzy ở Nièvre, đem cho em Lise tin tức của anh chị em; thế mà tôi phải từ bỏ các chuyến đi này!

Suốt đêm tôi cứ xoay đi xoay lại cái ý nghĩ này, lúc thì tự bảo không thể bỏ chị étiennette cũng như Lise, lúc thì ngược lại cho rằng phải chạy về Paris càng nhanh càng hay để gặp lại gia đình tôi. Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi mà chưa đi đến một kết luận nào.

Buổi sáng khi cả ba chúng tôi đều có mặt đông đủ, cả má Barberin, tôi và Mattia bên lò sưởi nơi sữa con bò của chúng tôi đang được hâm nóng, chúng tôi bàn bạc với nhau để đi đến quyết định.

Thảo luận khá lâu, ai cũng tham gia ý kiến, cuối cùng quyết định là tôi sẽ viết thư cho chị étiennette và cho Benjamin, nhưng chúng tôi sẽ đi thăm Lise vì em không biết đọc nhất là tôi lao vào cuộc hành trình này chính là vì em.

Chúng tôi nhất trí hôm sau sẽ ra đi.

Một lần nữa tôi lại buồn vì chia ly; nhưng ít nhất lần này tôi rời Chavanon không như lúc đi theo cụ Vitalis. Tôi có thể ôm hôn má Barberin và hứa với má sẽ cùng cha mẹ tôi về thăm má..Một lần nữa chúng tôi lại đi trên những con đường lớn, túi trên vai, Capi chạy trước; chúng tôi bước những bước dài. Nếu không buộc phải kiếm cơm hàng ngày có lẽ tôi đã rảo bước thật nhanh, nhưng có Mattia ở bên để đưa tôi trở về với thực tại.

Hơn nữa ngoài miếng bánh mì hàng ngày ra, còn có một lý do nữa buộc chúng tôi phải thu nhập càng nhiều càng tốt. Tôi muốn em Lise của tôi cũng sung sướng như má Barberin: tôi muốn tặng em một món quà. Đó là một con búp bê.

Để tới nhà bà cô của Lise chỉ việc đi theo con sông đào bởi vì chồng cô Catherine làm người coi cổng nên gia đình họ ở trong một cái nhà xây ngay bên cạnh cái cổng mà ông phải coi.

Chúng tôi nhanh chóng tìm ra cái nhà đó, nó nằm ngay rìa làng, trên một bãi cỏ có trồng nhiều cây to.

Tim tôi đập liên hồi khi tới gần. Ra hiệu cho Mattia, tôi cầm lấy đàn hác-pơ và chơi những nốt nhạc đầu tiên của bài ca Na-pô-li nhưng không hát lên sợ tiếng tôi làm lộ tẩy...

Chỉ một chút xíu sau cửa mở và Lise đã ở trong tay tôi. Mọi người đưa chúng tôi vào nhà, sau khi cô Catherine ôm hôn tôi bà bày ra hai bộ đồ ăn. Nhưng tôi xin bà sữa soạn ba bộ.

- Nếu cô cho phép, - tôi nói, - cháu có một người bạn nhỏ đi cùng.

Và tôi rút con búp bê trong chiếc túi đeo lưng ra, tôi đặt nó ngồi trên chiếc ghế dựa bên cạnh chiếc ghế của Lise.

Cái nhìn của cô bé nhìn tôi, suốt đời tôi không quên.

Tôi mà không vội đi Paris hẳn tôi phải ở lại thật lâu với Lise, chúng tôi có biết bao chuyện để nói mà chỉ có thể nói được quá ít với thứ ngôn ngữ của chúng tôi mà thôi!

Phải từ biệt Lise, quá vội, để lại lên đường.

Hết chặng đường này tới chặng đường khác, cuối cùng trở lại cái trại mà chúng tôi đã tổ chức buổi hòa nhạc đầu tiên cho đám cưới nhảy. Hai vợ chồng mới cưới nhận ra chúng tôi. Người ta cho chúng tôi ăn tối và ngủ nhờ.

Từ đó, sáng hôm sau chúng tôi vào Paris, vừa vặn đúng sáu tháng mười bốn ngày kể từ khi rời Paris.

Mattia và tôi thỏa thuận với nhau để một mình tôi đi tìm Barberin sau đó chúng tôi sẽ gặp nhau trước gian giữa nhà thờ Đức Bà..Tôi đã ghi trên giấy địa chỉ người chủ cho Barberin thuê nhà; nhưng cẩn thận như vậy cũng chẳng cần vì tôi nhớ rõ chẳng khó khăn gì: khách sạn Cantal, ngõ Austerlitz.

Không chậm trễ tôi đến ngay khách sạn Can-tal, một nơi chỉ có cái tên là khách sạn mà thôi, chủ nó là một người đàn bà dở dế.

- Tôi muốn tìm ông Barberin từ Chavanon, ông ấy trọ ở đây có phải không ạ?

Bà ta không trả lời chỉ giơ hai tay lên trời một cách đột ngột đến nỗi con mèo đang ngồi trong lòng bà hốt hoảng nhảy vọt xuống đất.

- ôi chào! - Bà ta nói.

Rồi nhìn tôi trong khi đầu bà càng rung lên mạnh hơn:

- Cậu là thằng bé ông ấy tìm chứ gì? - Bà ta hỏi.

Tim tôi thất lại.

- Barberin!

- Chết rồi!

Tôi phải tựa mình vào cây đàn hạc-pơ.

- ông ấy chết rồi ư? - Tôi gào to lên để cho người đàn bà nghe thấy nhưng giọng tôi khàn đặc đi vì quá xúc động.

- Chết tám ngày nay ở nhà thương Saint-An-toine rồi.

Tôi sưng sờ cả người; Barberin mà chết thì làm sao tìm được gia đình tôi bây giờ?

- Thế ra cậu chính là thằng bé ấy đấy à? -Bà già tiếp tục nói. - Thằng bé mà ông ta đi tìm để trả lại cho gia đình giàu có của nó đấy à?

Tôi lại hy vọng, tôi bấu lấy câu hỏi ấy.

- Bà biết ư?... - Tôi hỏi.

- Không biết gì hơn ngoài những điều tôi vừa nói với cậu, cậu con trai, tôi muốn nói quý ông trẻ trung ạ. Barberin bí mật ghê lắm, chỉ muốn tiền thưởng dành riêng ình thôi.

Trời hỡi, Barberin chết mang theo cái bí mật về sự ra đời của tôi rồi.

Hai tay ôm đầu, tôi tìm hết cách cũng không thấy ý tưởng nào cho dù chỉ để hướng dẫn tôi hành động. Hơn nữa tôi quá hoang mang, quá xúc động đến nỗi không thể nào suy nghĩ ra đầu ra đuôi được.

- Có một lần ông ta nhận được một bức thư, một bức thư nặng lắm. - Bà ta nghĩ một lúc lâu rồi nói.

- Thư từ đâu đến ạ?.- Tôi không biết. Người đưa thư đưa cho ông ta, tôi không nhìn con tem.

- Liệu bây giờ còn tìm thấy bức thư đó không?

- Chúng tôi đã lục khắp trong đồ đạc của ông ta, không phải vì tò mò đâu, tất nhiên, mà để báo cho vợ ông ta, nhưng không tìm thấy.

Đồ đạc trong bệnh viện cũng vậy. Nếu ông ta không nói từ Chavanon đến thì cũng chịu không báo được cho vợ ông ta.

Tôi đứng im khá lâu không nói nên lời. Biết hỏi gì nữa bây giờ? Bà ta đã nói ra tất cả những điều mình biết.

Tôi cảm ơn và đi ra cửa.

- Nếu cậu không có chỗ trọ, - bà già bảo tôi, - thì cậu cứ đến đây, không phải nói khoe đâu, ở đây rất tốt, chúng tôi là một nhà lương thiện. Nên nhớ rằng nếu gia đình cậu tìm cậu vì không thấy tin tức gì của Barberin họ phải tìm hỏi ở đây chứ ở đâu, cậu sẽ có sẵn ở đây mà đón họ. Thế có phải lợi không, cậu đi chỗ khác thì ai biết ở đâu mà tìm? Cậu thử nghĩ mà xem, hai thanh niên trẻ tuổi trên hè phố Paris, có thể gặp nhiều chuyện rắc rối lắm chứ! Nhiều khách sạn chẳng ra sao chứ không như ở đây, yên tĩnh lắm, khu này là thế.

Tôi không tin là khu này có lợi thế về mặt yên tĩnh; kiểu gì thì khách sạn Cantal cũng thuộc loại bẩn thỉu khổ nhất chỉ nhìn đã thấy, và trong cuộc đời du mục của tôi, tôi đã trông thấy khối khách sạn khổ khổ như thế này.

Nhưng lời đề nghị của bà chủ cần phải xem xét.

Hơn nữa lúc này không nên tỏ ra khó tính, cần phải tiết kiệm. á chà! Mattia thật có lý khi nghĩ rằng phải kiếm tiền! Giả sử không có mười bảy phrăng trong túi thì chúng tôi biết làm sao đây?

- Thuê một phòng cho tôi và bạn tôi thì hết bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Một ngày mười xu.

- Được, thế thì tối chúng tôi quay lại.

- Các cậu nên về sớm, ban đêm Paris chẳng hay ho gì đâu.

Tôi chỉ còn việc đến gặp Mattia ở nơi đã hẹn. Hãy còn sớm, tôi ngồi vào một góc đợi nó.

Chẳng bao lâu tôi nghe thấy một tiếng sủa vui mừng, trước khi kịp đứng lên Capi đã lao vào lòng tôi liếm tay tôi. Tôi ôm nó trong tay. Mattia ngay sau đó hiện ra.

- Thế nào? - Từ xa nó đã kêu lên. - Barberin chết mất rồi.

Nó chạy để đến với tôi cho nhanh, tôi vội kể tóm tắt cho nó nghe những gì mình biết. Bằng những lời thật âu yếm nó cố tìm cách thuyết phục tôi đừng tuyệt vọng.

- Nếu cha mẹ cậu đã tìm thấy Barberin nay không nghe tin tức gì của lão nữa hẳn họ phải tìm xem lão ra sao chứ, dĩ nhiên họ sẽ đến khách sạn Cantal. Ta đi đến đấy đi, coi như chỉ chậm có vài ngày thôi, thế thôi.

Nếu như khách sạn Cantal là một căn nhà lương thiện thì nó chẳng đẹp để gì. Chúng tôi ở trong một buồng nhỏ xíu áp mái, đèn thì tỏa khói mù. Buồng chật đến nỗi một trong hai chúng tôi buộc phải ngồi xuống giường khi người kia đứng lên. Cái bánh mì tròn phết đầy pho-mát trong bữa tối của chúng tôi chẳng phải tiệt trùng gì nhưng cuối cùng thì tất cả đều chưa phải đã hết.

15. Chương 13 + 14

Chương 13 - Tìm kiếm

Tôi bắt đầu ngày hôm sau bằng việc viết thư á Barberin kể về những gì mình biết, việc này không phải nhỏ. Chẳng nhẽ khô khan bảo má là chồng má đã chết?

Cuối cùng tốt xấu gì chẳng nữa thì tôi cũng viết xong bức thư nhắc đi nhắc lại niềm yêu thương không gì thay đổi của tôi đối với má.

Tôi đề nghị má cho tôi hay nếu như gia đình tôi có viết thư hỏi tin tức ông Barberin, nếu người ta cho địa chỉ thì má chuyển cho tôi.

Bốn ngày sau tôi nhận được thư má Barberin nhờ người viết cho tôi.

Má cho tôi biết má đã được báo trước về cái chết của ông chồng, trước đây ít lâu má có nhận được một bức thư của ông ta. Má nghĩ bức thư này có ích cho tôi nên gửi cho tôi, thư có những chỉ dẫn về gia đình tôi.

- Nhanh lên, Mattia, ta cùng đọc nào.. Tay tôi run lên, tim tôi thắt lại khi đọc bức thư đó.

Nhà nó yêu quý của tôi, Tôi đang nằm bệnh viện, ốm lắm khó lòng còn dậy được. Tôi muốn nói rằng nếu như tôi không qua khỏi thì nhà viết cho Hăng Greth và Galley, Quảng trường Green, Lincolnh's Inn, Londres, đó là những người của Hãng Luật có nhiệm vụ đi tìm Rémi. Nhà nó bảo họ là chỉ có nhà mới có thể cho được tin tức đứa bé và cần thận bắt họ phải trả tiền vì những tin tức này.

Tiền này phải được dùng để làm nhà nó sung sướng trong tuổi già. Nhà nó sẽ biết Rémi ra sao khi viết thư cho ông Acquin, vốn làm nghề làm vườn nay bị giam trong nhà tù Clichy ở Paris.

Tôi đã gặp ông này. Hãy nhờ ông mục sư viết tất cả mọi thư từ vì trường hợp này không thể tin ai được. Đừng làm gì cả trước khi biết tôi không còn sống nữa. ạm hôn nhà nó lần cuối cùng.

Barberin Tôi chưa kịp đọc đến chữ cuối của bức thư thì Mattia đã nhảy dựng lên:

- Tiến về Londres!

Tôi vẫn đang còn ngạc nhiên vì những gì đã đọc thành ra cứ nhìn Mattia chẳng hiểu gì cả.

- Bởi vì thư của má Barberin bảo là những người hành nghề luật Anh chịu trách nhiệm đi tìm cậu, điều đó có nghĩa cha mẹ cậu là người Anh. Phải đi sang Anh, đó là cách tốt nhất để gần lại cha mẹ cậu. Ta có đủ tiền làm cuộc hành trình. Ta sẽ xuống tàu ở Boulogne, tàu đưa ta tới Londres. Không tốn kém lắm đâu.

- Thế thì ta đi. - Tôi bảo.

Chỉ trong hai phút chúng tôi gài xong túi, xuống nhà chuẩn bị đi. Tôi không muốn đi khỏi Paris mà không thăm cha Acquin và cho ông biết những tin tức trên.

Ông rất mừng biết tôi sắp tìm lại được gia đình.

- Mong sớm gặp lại con, con trai ạ, may mắn nhé! Nhớ viết thư cho cha.

Chúng tôi mất tám ngày để đi từ Paris đến Boulogne vì dọc đường còn dừng lại đôi chút ở những thành phố chính làm vài cuộc biểu diễn.

Tới Boulogne trong túi chúng tôi có hơn ba mươi phrăng, có nghĩa nhiều hơn số tiền cần chi cho đi tàu.

Tàu đi Londres khởi hành bốn giờ sáng hôm sau, ba giờ rưỡi chúng tôi đã lên tàu và cố gắng ngồi sao cho thật ổn sau một đồng thùng che chúng tôi khỏi làn gió bắc lạnh lẽo và ẩm thấp.

Dưới ánh sáng của mấy cái đèn tỏa khói, chúng tôi nhìn thấy người ta chất hàng lên tàu:

ròng rọc nghiêng lên ken kết, những chiếc thùng thả xuống hầm tàu kêu răng rắc, các thủy thủ thỉnh thoảng lại văng ra mấy tiếng khàn khàn; nhưng bao trùm lên hết thảy mọi ồn ào là tiếng lạo xạo của hơi nước thoát ra từ đầu máy từng đám trắng nho nhỏ một. Một hồi chuông gióng lên từng tiếng một, thùng chảo rơi xuống nước, chúng tôi lên đường.

Sau một cuộc hành trình trên biển với sóng cả chưa từng thấy, qua đó Mattia đã hiểu thế nào là say sóng, chúng tôi vào tới những làn nước êm ả của sông Tamise và đến Londres.

Chúng tôi lên khỏi tàu. Thành phố chìm ngập trong một làn sương mù dày đặc, phố xá tối tăm lầy lội đầy những xe cộ. Chúng tôi cứ đi tới, chốc chốc lại hỏi đường những người qua lại mà mình gặp. Chúng tôi lạc vào một đám phố xá chằng chịt toàn những phố nhỏ yên tĩnh.

Trong khi Mattia hỏi đường một cái bóng đi qua thì tôi dừng lại, tôi không thở được nữa và tôi run lên.

Rồi chúng tôi lại tiếp tục đi, cuối cùng dừng lại trước một cái biển đồng trên đó đọc được những chữ sau đây: Greth và Galley.

Mattia tiến lên giật chuông, nhưng tôi ngăn tay nó lại:

- Từ từ đã, để tớ lấy lại can đảm đã.

Một lúc sau, nó giật chuông, chúng tôi bước vào một căn phòng có hai ba người đang ngồi viết dưới ánh sáng của nhiều cây đèn ga.

Mattia ngỏ lời với một trong mấy người này.

Tên Barberin gây được tác dụng nhanh chóng:

người ta đưa chúng tôi vào một gian phòng đầy sách và giấy tờ, có một ông ngồi trước cái bàn giấy, một ông khác mặc áo dài và đeo tóc giả đang nói chuyện với ông ta.

Người đưa chúng tôi vào giải thích vài lời ngắn gọn cho ông ta biết chúng tôi là ai.

- Ai là người trong hai cậu đã được Barberin nuôi? - ông ngồi trước bàn giấy hỏi bằng tiếng Pháp.

Tôi tiến lên một bước:

- Thưa ông, tôi ạ.

- Barberin đâu?

- ông ấy chết rồi ạ..Tôi kể lại tóm tắt vì sao tìm đến các ông đây. Tôi rất sốt ruột đến lượt mình đặt ra các câu hỏi nhất là một câu đang cháy bỏng trên môi tôi, nhưng không sao có thì giờ. Đầu tiên phải kể lại tôi đã được Barberin nuôi như thế nào, bị bán cho cụ Vitalis ra sao, rồi được gia đình Acquin đón nhận ra sao, sau đó lại bị vứt ra đường trôi nổi trong cuộc đời như thế nào.

Ông ta ghi chép lại hết và nhìn tôi với vẻ mặt khiến tôi đâm lúng túng; phải nói khuôn mặt ông ta rắn đanh lại, cái cười nom có cái gì bần thủ bên trong.

- Thưa ông gia đình tôi sống ở Anh ạ?

- Nhất định rồi, ở Anh, ít nhất là trong lúc này. Tôi sẽ cho người dẫn cậu đi.

Ông ta bấm chuông. Cửa mở ra.

- à! Tôi quên, ông kia nói, họ của cậu là Dricsoll, tên họ cha cậu là như thế.

Mặc dầu khuôn mặt ông ta trông rất khó chịu tôi những muốn nhảy lên bá cổ ông ta nếu ông ta để tôi có thì giờ; nhưng ông ta đã lấy tay chỉ chúng tôi ra cửa.

Người thư ký đưa chúng tôi đến nhà cha mẹ tôi là một gã đàn ông bé nhỏ đã già trông quắt queo, mặt mũi nhần nheo, mặc bộ quần áo đen đã sờn và lên nước bóng loáng, thắt cà-vạt trắng.

Lão ta nhìn chúng tôi và cứ “sịt, sịt” với chúng tôi như sịt chó vậy, có ý bảo chúng tôi đi theo lão. Không mấy chốc chúng tôi đi sang một phố lớn xe cộ chen chúc nhau, lão dừng một chiếc xe lại và cho chúng tôi lên xe. Lão bắt chuyện với người đánh xe. Rất nhiều lần từ Bethnal Green được nhắc tới, tôi cho rằng đó là tên khu cha mẹ tôi ở. Tôi biết green tiếng Anh có nghĩa là màu xanh lá cây, tôi hình dung khu này hẳn phải trồng nhiều cây to đẹp, tôi thấy dễ chịu quá. Chắc nó không giống những phố xá bần thủ ở Londres mà chúng tôi vừa đi qua để tới nơi này.

Xe lăn bánh khá nhanh trong các phố rộng, sau đó vào các phố hẹp, rồi lại tới các phố rộng, nhưng không trông thấy gì ở chung quanh cả do sương mù bao phủ chúng tôi một màu mờ đục.

Trời bắt đầu lạnh, tuy thế chúng tôi cảm thấy khó thở. Tôi nói chúng tôi có nghĩa Mattia và tôi, vì lão dẫn đường ngược lại tỏ ra rất thoải mái, lão thở mạnh, miệng há ra rồi hít vào thật mạnh, như thể vội vã tích lấy một lượng không khí lớn trong phổi lão..Tuy tôi phát sốt lên vì xúc động khi nghĩ tới chỉ chốc nữa đây sắp được ôm hôn cha mẹ, anh chị tôi, tôi rất muốn trông thấy cái thành phố mình đang đi qua. Chẳng phải nó là thành phố của tôi, tổ quốc của tôi hay sao?

Nhưng cho dù có mở to mắt đến mấy tôi cũng chẳng nhìn thấy gì hoặc hầu như không nhìn thấy gì ngoài làn ánh sáng đỏ gạch của ga cháy trong sương mù như một đám mây khói dày đặc; chỉ mờ mờ thấy được những chiếc đèn của xe ngựa đi ngược lại phía chúng tôi, thỉnh thoảng xe chúng tôi phải đứng sững lại sợ đâm vào người đi đường.

Chúng tôi đi khỏi Greth và Galley đã lâu, điều này khẳng định cha mẹ tôi sống ở miền quê.

Nhưng đáng lẽ đi vào vùng nông thôn thì chúng tôi lại đi vào những con phố càng hẹp hơn, chúng tôi nghe thấy tiếng còi đầu máy xe lửa. Bùn trong phố tràn cả vào trong xe, bắn từng mảng đen lên tận chúng tôi; một mùi nhạt nhẽo bao trùm lấy chúng tôi từ đã khá lâu chúng tôi đang ở trong một khu tồi tàn, có lẽ khu cuối cùng trước khi ra tới đồng cỏ của Bethnal Green. Tôi có cảm giác chúng tôi quay trở lại, thỉnh thoảng người đánh xe lại cho xe đi chậm lại tựa như không rõ mình ở chỗ nào. Bỗng nhiên ông ta dừng xe hẳn lại và lỗ nhìn ra ngoài xe mở ra.

Lúc này chúng tôi tranh luận với nhau. Mat-tia bảo tôi nó hiểu rằng lão dẫn đường không muốn đi xa hơn vào khu trộm cắp này nữa.

Cuối cùng lão thư ký cho tiền người đánh xe, lão xuống xe và một lần nữa lại “sịt, xịt” chúng tôi, rõ ràng là đến lượt chúng tôi cũng phải xuống.

Chúng tôi ở trong một con phố đầy bùn giữa sương mù. Lão dẫn đường gọi một người qua đường lại hỏi: chẳng khó khăn gì chúng tôi hiểu là lão hỏi đường.

Tôi quá bối rối đến nỗi không hiểu làm thế nào mà chúng tôi lại đứng trong một căn buồng rộng được chiếu sáng bởi một cái đèn và một ngọn lửa bằng than đốt.

Trước ngọn lửa là một ông cụ già ngồi im như một pho tượng, râu bạc trắng, đầu đội một chiếc mũ trùm đầu màu đen. Một người đàn ông và một người đàn bà ngồi đối diện với nhau qua một cái bàn, người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi mặc bộ đồ nhung màu xám mặt mũi thông minh nhưng đanh lại; người đàn bà kém độ năm sáu tuổi tóc vàng rủ xuống một chiếc khăn san kẻ ô đen trắng buộc chéo trước ngực, mắt không có tí thần nào, khuôn mặt chỉ lộ ra vẻ lãnh đạm và vô cảm. Trong phòng còn có bốn đứa trẻ, hai đứa con trai hai đứa con gái tóc đều vàng như mẹ; đứa lớn nhất khoảng mười một mười hai tuổi; đứa bé nhất chưa đến ba tuổi.

Chỉ một cái liếc mắt tôi nhìn thấy toàn bộ quang cảnh, trong khi lão thư ký già dẫn đường cho chúng tôi lên tiếng nói chuyện.

Mọi con mắt liền đổ dồn về phía Mattia và tôi, kể cả cụ già bất động, riêng đứa con gái bé tí thì chú ý đến Capi.

- Ai trong hai người là Rémi? - Người đàn ông mặc bộ đồ nhung xám hỏi bằng tiếng Pháp.

Tôi tiến lên một bước:

- Tôi ạ.

- Vậy thì ôm hôn cha con đi, con trai của cha.

- Còn bây giờ thì, - ông ta nói, - đây là ông con, mẹ con, các anh các chị em con.

Tôi bước tới chỗ mẹ tôi trước tiên, ôm bà trong hai tay, bà để mặc cho tôi hôn nhưng bà không hề ôm hôn tôi, chỉ nói với tôi vài ba lời mà tôi không hiểu gì cả.

- Đưa tay bắt tay ông đi, nhẹ nhàng thôi, ông bị liệt đấy.

Tôi cũng bắt tay các anh tôi và chị tôi, tôi muốn bế con bé con nhưng nó đẩy tôi ra vì đang bận chơi với con Capi.

Vừa đi từ người nọ sang người kia, tôi vừa tự giận mình. Sao nhỉ? Tôi không cảm thấy vui một chút nào khi cuối cùng được ở trong gia đình mình. Tôi đã chờ đợi giờ phút này với sự nóng lòng đến cháy bỏng thế mà tôi lại lúng túng, lại tỏ vẻ mờ nhạt và không tìm được lời nào để nói cả.

Nhưng người ta không để tôi có thì giờ miệt mài với những cảm tưởng này lâu hơn.

- Thế còn thằng bé này là ai? - Cha tôi chỉ Mattia.

Tôi giải thích mối dây ràng buộc tôi với Mattia, tôi cố gắng đặt tất cả tình bạn vào trong những lời nói của mình.

- Được, - cha tôi nói. - Thế tại sao Barberin không tới?

- ông ấy chết rồi ạ.

Thế là cha tôi dịch ẹ tôi nghe những điều tôi vừa nói, tôi tưởng như mình hiểu được. là bà trả lời thế thì tốt vì bà nhiều lần nhắc đi nhắc lại hai chữ well và good mà tôi biết.

- n không biết tiếng Anh à? - Cha tôi hỏi.

- Không ạ. n chỉ biết tiếng Pháp và tiếng ý con học với một ông thầy mà Barberin đã cho ông ta thuê con.

- Vitalis ấy à? Tên ông này Barberin có nói với cha cách đây ít lâu khi cha sang Pháp tìm con. Chắc con lấy làm lạ tại sao suốt mười ba năm cha mẹ không đi tìm con và tại sao đột nhiên cha mẹ lại có ý định tìm Barberin. n lại đây, gần ngọn lửa này, cha sẽ kể cho con nghe.

Nhưng, khi tôi vừa duỗi đôi chân ẩm ướt vấy bùn trước ngọn lửa thì ông tôi khạc ngay đôm về phía tôi mà chẳng nói gì cả; không cần giải thích tôi cũng hiểu được là tôi đã làm vướng ông, tôi rút chân lại.

- Đừng để ý làm gì, ông cụ không thích ai ở trước ngọn lửa của ông cụ; nhưng nếu con lạnh con cứ sưởi, không việc gì phải bận tâm vì ông ấy.

Thấy người ta nói về ông cụ như vậy tôi choáng váng cả người.

- n là con trai cả của cha mẹ, - cha tôi nói với tôi. - Cha mẹ lấy nhau được một năm thì sinh ra con. Khi cha lấy mẹ con, có một cô gái cứ tưởng rằng cha sẽ lấy cô ấy, đám cưới cha mẹ làm cô ta căm ghét người đàn bà mà cô ấy coi là tình địch. Để trả thù, lúc con được sáu tháng, cô ấy ăn cắp con đem sang Pháp, sang Paris bỏ con ở ngoài phố. Cha mẹ đã tìm khắp mọi nơi, nhưng không sang đến Pháp vì không thể ngờ họ đem con đi xa thế. Cha mẹ cứ tưởng con đã chết, nhưng cách đây ba tháng người đàn bà đó chết, khi hấp hối mới lộ bí mật này ra.

Cha đi sang Pháp ngay, cha đến cảnh sát quận nơi con được tìm thấy. Họ cho biết con được một người thợ nề ở Creuse nhận làm con nuôi, lập tức cha đi Chavanon. Barberin cho cha biết tất cả những gì ông ta biết. Cha không ở Pháp lâu để theo tìm cụ Vitalis được nên giao cho Barberin đi tìm giúp, cho ông ta tiền đi Paris.

Cha bảo ông ta thông báo cho những người lo việc này cho cha, tức là các ông ở hãng luật Greth và Galley, nếu như tìm thấy con. Sở dĩ cha không cho địa chỉ cha ở đây là vì cha mẹ chỉ ở Londres vào mùa đông; tới mùa ấm áp đẹp trời, cha mẹ đi khắp Anh và écosse để bán hàng lưu động.

Đó, con trai ạ, đó là tại sao cha mẹ lại tìm được con sau mười ba năm, tại sao con lại trở về được chỗ của mình trong gia đình. Cha hiểu con có đôi chút hoảng sợ, đó là vì con không biết cha mẹ, không hiểu cha mẹ nói gì nhưng cha hy vọng con sẽ mau chóng quen thôi.

Trong khi tôi lắng nghe câu chuyện kể của cha tôi người ta bày xong bàn ăn.

- Ngồi vào bàn, hai cậu. - Cha tôi bảo.

Trước khi ngồi xuống, ông kéo chiếc ghế bành của ông tôi lại cạnh bàn ăn, rồi bản thân ông ngồi quay lưng lại ngọn lửa, ông bắt đầu cắt một khoanh thịt bò rán và tiếp cho chúng tôi hai lát to kèm theo khoai tây.

Tôi nhận thấy các anh chị tôi toàn thò tay vào ăn mà cha mẹ tôi chẳng tỏ ra bực bội gì cả.

Cơm tối xong, cha tôi nói bận chờ khách rồi ông cầm đèn đưa chúng tôi sang nhà để xe cạnh gian phòng vừa ăn: ở đó có hai cái xe to thường vẫn dùng để đi bán hàng lưu động. ông mở cửa một cái xe, chúng tôi nhìn thấy trong đó có một chiếc giường hai tầng.

- Giường của các con đây, ngủ ngon nhé!

Tôi được đón nhận vào gia đình tôi như vậy đó.

Chương 14 - Cha và mẹ danh dự

Cha tôi để cây nển lại cho chúng tôi nhưng đóng bên ngoài cửa xe lại. Chúng tôi chỉ còn có việc là đi ngủ không chuyện trò gì cả như thói quen của chúng tôi vào mỗi buổi tối.

Nhưng nến cháy hết rồi mà tôi vẫn không sao ngủ được. Tôi cứ liên tiếp trở mình trong cái giường hẹp. Tôi cũng nghe tiếng Mattia cựa quậy như thể ở trên đầu tôi.

Giấc ngủ không đến. Giờ nọ nối tiếp giờ kia, tôi không biết đêm đã khuya đến đâu nữa. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng gõ cửa nhà để xe rất mạnh, cửa này mở ra một phố ngang nhỏ, sau nhiều tiếng gõ cách quãng đều đặn, một ánh sáng tiến vào trong nhà để xe. Cha tôi mở cửa rất nhanh không tiếng động và đóng lại cũng như thế sau khi có hai người đàn ông vác những bọc rất nặng đi vào bên trong. Cha tôi để một ngón tay trên môi và dùng tay kia lúc ấy đang cầm một cái đèn chỉ cái xe trong đó chúng tôi đang nằm có ý nói đừng gây tiếng động sợ làm chúng tôi thức giấc.

Sự lưu tâm này làm tôi cảm động lắm.

Cha tôi biến đi đâu một lúc rồi trở lại cùng với mẹ tôi. Trong lúc vắng cha tôi, hai người đàn ông đã mở các bọc ra, bọc thì đầy các xấp vải, bọc thì có nào mũ nào áo dệt kim, quần đùi, tất, găng. Hai người này chắc là hai tay buôn hàng.

Cha tôi nhắc từng món hàng lên soi vào chiếc đèn đang cầm rồi đưa ẹ tôi, bà cầm kéo cắt đi những cái nhãn dán trên đó rồi cho các nhãn hàng vào túi áo.

Tôi thấy lạ, ngay cả giờ bán hàng cũng lạ.

Vừa xem vải vóc cha tôi vừa nói gì đó khe khẽ với hai tay kia. Tôi chỉ hiểu được hai từ bob và policemen được nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Khi hàng hóa trong hai cái bọc đã được chia ra từng loại kỹ càng, hai người đàn ông rút khỏi nhà để xe đi vào trong nhà, chung quanh chúng tôi lại tối mịt mù như cũ.

Tôi cố hết sức tự thuyết phục mình những gì vừa trông thấy là hoàn toàn tự nhiên nhưng không sao làm nổi, những ý nghĩ đầy lo ngại làm tôi không yên, vừa lúc đó ánh đèn lại tràn ngập nhà để xe như lúc nãy.

Lúc này chỉ còn lại cha mẹ tôi. Trong khi mẹ tôi nhanh chóng bọc tất cả những thứ người ta mang đến thành hai gói, cha tôi quét một góc nhà để xe. ông lấy chổi quét rất mạnh lớp cát khô, lộ ra một cánh cửa sập, nhắc cánh cửa đó lên ông đưa hai cái gói xuống đó. Sau đó ông trèo lên, đóng cửa sập lại, lấy chổi phủ cát lên.

Công việc đó làm xong thì không ai có thể nhìn thấy đâu là cửa sập nữa, cả cha lẫn mẹ tôi lấy những mẫu rơm rạ rắc lên trên cát vì toàn bộ nền nhà để xe đều phủ đầy rơm.

Họ đi ra.

Lúc họ nhẹ nhàng khép cánh cửa vào nhà tôi thấy hình như Mattia cựa quậy trong giường tựa như nó lại đặt đầu trên gối. Nó có nhìn thấy những gì vừa diễn ra không? Tôi không dám hỏi.

Tôi sợ. Người tôi ứa đầm mồ hôi lạnh toát.

Tôi cứ nằm như thế suốt đêm tới gần sáng mới thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề và bồn chồn khác hẳn. Tiếng chốt cửa mở làm tôi thức giấc, cửa xe của chúng tôi mở ra, tưởng đó là cha tôi, tôi nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy ông.

- Em cậu đây. - Mattia bảo tôi. - Nó đi rồi.

Chúng tôi dậy. Chẳng ai nói với ai lời nào.

Tôi vào bếp nhưng không thấy cha mẹ tôi.

Ông tôi vẫn ngồi trước ngọn lửa trong ghế bành tựa như suốt từ tối qua không hề chuyển dịch, cô em gái lớn của tôi, Annie đang lau bàn trong khi cậu em lớn nhất của tôi, Alan, đang quét dưới đất.

Tôi đi tới gần bắt tay họ nhưng họ vẫn cứ tiếp tục công việc của mình. Tối chỗ ông tôi thì lại bị ông nhỏ về phía tôi như tối qua, tôi lập tức thôi ngay.

Chúng tôi quyết định dạo chơi chung quanh một chút. Không dám đi xa lắm sợ lạc, Bethnal Green còn có vẻ gần hơn cả hôm qua trong đêm tối. Chỗ nào cũng thấy nghèo khổ ngự trị với tất cả những gì là đáng buồn nhất. Chúng tôi trở về. Mẹ tôi ngồi đó, đầu tựa vào bàn.

Tưởng bà ôm tôi chạy lại hôn bà. Bà ngẩng đầu lên, cái đầu đung đưa, rồi bà nhìn tôi nhưng không trông thấy tôi; ngửi thấy mùi rượu bách xù trong hơi thở của bà, tôi lùi lại. Bà lại gục đầu xuống giữa hai cánh tay duỗi dài trên bàn.

- Rượu gin đấy. - ông tôi nói.

Rồi ông nhìn tôi cười khẩy.

Lúc đầu tôi đứng yên; rồi mấy giây sau tôi nhìn Mattia, nó cũng nhìn tôi, nước mắt lưng tròng.

Tôi ra hiệu cho nó và chúng tôi lại đi ra ngoài.

Chúng tôi đi khá lâu, cứ thẳng trước mặt mà đi không biết là đi về đâu.

- Đến chỗ nào để ta có thể nói chuyện một chút đi. - Mattia bảo tôi.

Lúc đó chúng tôi vừa tới một công viên mênh mông có cây có cỏ xanh. Ngồi xuống một cái tôi òa khóc sà vào tay Mattia.

Sau một cơn thổn thức tôi cố hết sức trấn tĩnh lại.

- Mattia, đêm qua cậu có ngủ không? Có trông thấy...

- Trông thấy tất.

- Cậu có hiểu là thế nào không? - Những tay bán hàng cho cha mẹ cậu không phải bán những hàng hóa mua về đâu. Cha cậu mắng họ sao không gõ cửa vào nhà mà lại gõ cửa nhà để xe, họ bảo là họ bị các bob rình, tức là cảnh sát ấy.

- Mattia, ta phải chia tay nhau thôi.

- Không bao giờ! Ta cùng đi với nhau.

- Không được! Cha mẹ tớ không là cái gì đối với cậu, nhưng đó là cha mẹ của tớ, tớ phải ở lại với họ.

- Cha mẹ gì mà lại thế! Lão già liệt kia là ông cậu ấy ư? Người đàn bà say rượu kia là mẹ cậu ấy ư?

- Mattia, đừng nói thế! Đó là cha mẹ của tớ, tớ phải tôn trọng, phải yêu họ.

- Đúng vậy nhưng nếu như họ là cha mẹ thực của cậu cơ. Nhưng họ có phải cha mẹ thực của cậu không? Cậu không giống cha cũng chẳng giống mẹ, tóc cậu đâu có vàng như tóc các anh chị cậu? Hơn nữa họ đâu có giàu để mà tiêu biết bao nhiêu tiền đi tìm con? Rémi ạ, cậu không phải con nhà Driscoll. Cậu hãy viết thư á Barberin hỏi má về quần áo của cậu khi người ta tìm thấy cậu. Có thư má rồi cậu sẽ hỏi cái người mà cậu gọi là cha ấy. Từ đây đến lúc đó, tớ sẽ ở với cậu. Chúng ta cùng làm việc với nhau.

Cha tôi về. ông không nhận xét gì về chuyến đi chơi khá lâu của chúng tôi cả. Mãi tới sau bữa cơm tối ông mới bảo chúng tôi đến trước lò sưởi; việc này làm ông tôi cầu nhàu, để có chuyện muốn nói với chúng tôi.

- Cho cha biết các con làm gì để sống ở bên Pháp.

Tôi kể ông nghe tất mọi chuyện.

- Tốt lắm, cho cha xem các cậu có khả năng gì nào.

Tôi cầm lấy cây đàn hác-pơ chơi một điệu nhạc, Mattia cũng làm như vậy với cây vĩ cầm và một trong những chiếc kèn dầy của mình. Nó làm cho trẻ con vỗ tay âm lên, bọn chúng tụ tập thành vòng tròn quanh chúng tôi.

- Còn Capi? - Cha tôi hỏi.

Tôi rất tự hào về tài năng của Capi, tôi muốn nó thực hiện mấy trò trong danh mục biểu diễn của nó, thế là nó thu được thắng lợi thường thấy bên bọn trẻ con.

- n chó này là cả một tài sản chứ chẳng chơi. - Cha tôi bảo..Cha tôi dịch câu này sang tiếng Anh và hình như còn thêm vào đó vài chữ mà tôi chẳng hiểu gì cả nhưng làm cả nhà cười ồ lên.

- Cha đề nghị với các con thế này nhé, - cha tôi tiếp tục nói, - nhưng mà trước hết phải hỏi xem Mattia có bằng lòng ở lại với chúng ta không đã.

- Cháu muốn ở lại với Rémi, nó đi đâu cháu đi đấy. - Mattia trả lời.

Cha tôi không hiểu ý tứ ẩn dưới câu trả lời đó nên hài lòng lắm.

- Tốt quá, - ông nói, - cha trở lại với đề nghị của cha. Chúng ta không giàu, ai cũng phải làm việc để mà sống. Mùa hè cả nhà đi khắp nước Anh, trẻ con phải đem hàng mời những người không muốn tới tận chỗ chúng ta mua.

Nhưng mùa đông chẳng có việc làm gì mấy.

Chừng nào ta còn ở Londres thì Rémi và Mattia có thể chơi nhạc trong các phố, cha tin là chẳng mấy chốc sẽ có nhiều ngày kiếm khá đấy nhất là sắp đến lễ Giáng sinh. Nhưng vì ở đời này không nên để lãng phí một cái gì cả, Capi sẽ đi biểu diễn cùng Alan và Ned.

- Capi chỉ làm việc với con thì mới biểu diễn khá được. - Tôi nói ngay.

- Nó sẽ học làm việc với Alan và Ned. Cha nói điều gì, - Cha tôi nói. - cha muốn người ta thực hiện điều đó. Đó là quy luật của nhà này.

Còn cãi sao được. Buồn thay! Chúng tôi sắp phải xa nhau. Chúng tôi về cái xe của chúng tôi, nhưng tới hôm đó cha tôi không khóa chúng tôi ở trong. Khi tôi đi ngủ, Mattia nói với tôi bằng giọng ghen ngào:

- Cậu xem đấy, cái người mà cậu gọi là cha ấy không những cần những đứa trẻ làm việc cho ông ta mà cần cả những con chó nữa; cái đó chẳng làm cho cậu mở mắt ra hay sao? Mai ta sẽ viết thư á Barberin.

Ngày hôm sau phải lên lớp cho Capi, giải thích cho nó là nó phải làm việc với các em tôi.

Tôi hôn nó trên mũi và nó đi với Alan và Ned, vẻ buồn rầu nhưng không chống đối.

Còn Mattia và tôi thì cha tôi dẫn sang khu Tây, khu giàu có của Londres, ở đầu kia thành phố.

Chúng tôi về nhà khá muộn vì từ khu Tây về đến Bethnal Green rất xa. Tôi mừng gặp lại Capi, lấm bùn be bét nhưng có vẻ vui lắm. Tôi lấy rơm khô chải lông cho nó và cho nó ngủ trong giường tôi. Tôi và nó, ai sung sướng hơn?

Khó mà nói được.

Mọi việc cứ tiếp diễn như vậy trong nhiều ngày, một buổi tối cha tôi bảo tôi là hôm sau có thể mang Capi đi theo vì cha tôi cần giữ Alan và Ned ở nhà.

Chúng tôi tới Holborn, một trong những phố buôn bán đông đúc nhất của Londres. Bỗng nhiên tôi thấy Capi không đi theo chúng tôi nữa. Nó ra sao rồi? Tôi dừng lại chờ nó và khe khẽ huyết sáo. Tôi đã bắt đầu thấy lo ngại sợ người ta ăn cắp mất nó chẳng thì nó phóng tới miệng ngậm một đôi tất len, đuôi vẩy tít lên. Trông nó đầy tự hào, y như những lúc vừa diễn thành công những trò khó nhất. Tôi ngờ cả người thấy Mattia đột ngột kéo tôi vào một phố nhỏ.

- Đi nhanh lên, - nó bảo, - nhưng đừng có chạy.

Chỉ rất nhiều phút sau nó mới dừng lại và giải thích:

- Tôi nghe thấy một người đàn ông nói: “Kẻ cắp đâu? ” Kẻ cắp, chính là Capi đấy. Nếu không có sương mù hẳn chúng ta đã bị tóm rồi.

Tôi sửng sốt. Họ đã biến Capi thành một tên ăn cắp!

- Về nhà đi. - Tôi bảo Mattia.

Mattia không nói gì. Chúng tôi vội vã về nhà. Cả nhà đang ngồi quanh bàn, bận gấp vải. Tôi ném đôi tất lên bàn, Alan và Ned cười to lên.

- Đây là thứ Capi đã ăn cắp được, bởi vì người ta đã biến nó thành một tên ăn cắp. Tôi cho rằng nó chỉ đùa thôi.

Tôi vừa nói vừa run tuy nhiên chưa bao giờ thấy mình kiên quyết đến như thế.

- Thế ngộ nhỡ không phải chuyện đùa thì sao? - Cha tôi hỏi.

- Thì con sẽ buộc một cái dây vào cổ Capi và dù có yêu nó con cũng sẽ dìm nó xuống sông Tamise. n không muốn Capi trở thành một kẻ cắp cũng như con đây con cũng không muốn trở thành kẻ cắp. Nếu biết rằng rồi đây con cũng phải trở thành kẻ cắp thì con sẽ cùng với nó trầm mình luôn.

Cha tôi nhìn tôi, làm một cử chỉ giận dữ, đôi mắt nhìn tôi như thiêu như đốt, tuy nhiên tôi không hề cụp mắt xuống, dần dần bộ mặt căng thẳng của ông dịu lại..- n nói đúng khi nghĩ rằng đó chỉ là trò đùa, - ông nói, - từ nay Capi chỉ đi theo con mà thôi.

Sau chuyện này, quan hệ giữa gia đình tôi và tôi được hình thành rõ rệt như sau: tất cả mọi người đều muốn cà khịa với tôi chẳng úp mở gì, cha tôi chỉ quan tâm đến tôi vào buổi tối để hỏi tiền kiếm được; mẹ tôi thì thường xuyên trong tình trạng lơ mơ như không sống trên đời này.

Nếu tôi quả là người của gia đình này thì tình cảm mọi người đối với tôi phải khác chứ.

Chúng tôi chờ má Barberin trả lời qua hòm thư lưu. Cuối cùng chúng tôi nhận được bức thư trả lời đầy mong đợi.

Chúng tôi đi vào một con hẻm ở phố gần đó để đọc lá thư má Barberin nhờ ông mục sư ở Chavanon viết.

Má Barberin bày tỏ với tôi tình cảm yêu thương, âu yếm, đồng thời cũng tỏ ra ngạc nhiên và thất vọng thấy cha mẹ tôi không phải là người giàu có; cuối cùng má mô tả quần áo tôi mặc trên người khi tới nhà má: một chiếc mũ bằng đăng-ten, một áo cánh bằng vải toan mịn đính đầy đăng-ten, tất dài bằng len trắng, giày trẻ con hàng dệt kim trắng có nơ lụa, một áo dài fla-nen trắng, cuối cùng là một áo khoác mặt trong là lông có mũ bằng ca-sơ-mia trắng lót lụa, trang trí với những hình thêu rất đẹp. Không áo quần nào được đánh dấu cả, nhưng chắc chắn là có dấu vì một số góc đã bị cắt đi chứng tỏ người ta rất cẩn thận làm lạc hướng mọi tìm kiếm.

- Mô tả đầy đủ như thế thì ông Driscoll không thể nào được nhầm lẫn trong việc kể tên những thứ cậu mặc khi người ta ăn cắp cậu.

- ông có thể quên chứ.

- Người ta có thể quên quần áo của đứa con người ta bị mất không? Chính là từ quần áo đó mới tìm lại được nó chứ?

Không dễ dàng gì hỏi cha tôi khi người ta lấy cắp tôi, tôi mặc quần áo như thế nào. Cuối cùng vào một hôm trời mưa giá rét chúng tôi về sớm hơn mọi khi, tôi bèn hỏi ông.

Tôi vừa hé lời hỏi, cha tôi bèn nhìn thẳng vào mặt tôi dò hỏi đôi mắt tôi nhưng tôi chịu đựng cái nhìn đó một cách can trường. Tôi tưởng ông sắp giận dữ, nhưng không. ông mỉm cười, trong cái cười này có cái gì đanh ác.

- Điều tốt nhất đã giúp cha tìm lại được con, - ông nói, - chính là sự mô tả quần áo con mặc lúc con biến mất..Và ông mô tả lại hoàn toàn giống mô tả của má Barberin. ông nói thêm:

- Cha hy vọng nhiều vào hai chữ F.D đánh dấu trên quần áo con, tức là Francis Driscoll, tên thật của con, nhưng dấu này đã bị cô ăn cắp cắt đi mất; cha cũng đã phải đưa ra giấy khai sinh của con mà cha giữ trong tủ này.

Vừa nói thế ông vừa lục tìm trong một cái ngăn kéo với vẻ thích thú khá bất thường ở ông, ngay sau đó ông lấy ra một tờ giấy to đóng rất nhiều dấu, đưa cho tôi.

Tôi cố gắng một lần cuối cùng:

- Nếu cha cho phép con sẽ nhờ Mattia dịch cho con.

Từ lời dịch mà Mattia dịch tạm tạm, tôi được sinh ra vào ngày thứ năm mồng hai tháng tám, là con trai của Patrick Driscoll và Margareth Grange, vợ ông.

Còn đòi hỏi gì hơn nữa?

Tuy nhiên Mattia tỏ ra chưa thỏa mãn, buổi tối khi chúng tôi lui về chiếc xe của mình, nó tâm sự:

- Tất cả những điều đó vẫn chưa giải thích được làm sao mà Patrick Driscoll và Margarreth Grange lại đủ giàu để ăn mặc cho con bộ cánh giàu có đến thế. Bọn bán hàng lưu động làm gì giàu đến như thế được. Tổ thì tổ tin là cậu không phải là con của ông Driscoll mà là đứa trẻ bị ông Driscoll ăn cắp.

- Nếu tổ không phải con ông thì ông tìm tổ làm gì? Việc gì ông phải cho tiền Barberin, cho tiền hãng Greth và Galley? - Tôi đập lại.

Mattia không trả lời được.

Ai dám bảo khi tôi khóc than không có gia đình là rồi đây tôi sẽ khóc vì tuyệt vọng vì có gia đình?

Ấy thế mà tôi vẫn cứ phải hát, phải nhảy phải cười phải nhún nhảy, trong khi trái tim tôi buồn bã sâu sắc đến thế. Chủ nhật là những ngày tốt đẹp hơn cho tôi vì ngày hôm ấy không được chơi nhạc trong phố phường Londres, tôi có thể tự do mà buồn khổ trong khi đi dạo chơi cùng Mattia và Capi.

Một ngày chủ nhật khi tôi chuẩn bị đi ra ngoài với Mattia, cha tôi giữ tôi ở lại nhà lấy cớ là cần đến tôi, cho Mattia đi chơi một mình.

Ông tôi hôm ấy không xuống dưới nhà, mẹ tôi cùng các anh chị em tôi đi rong phố. ở nhà chỉ có cha tôi và tôi. Khoảng một tiếng đồng hồ sau thì có người gõ cửa. Cha tôi ra mở cửa và đi vào cùng một người không giống những người bạn ông vẫn thường tiếp tí nào: ông này đúng là một người ở nước Anh gọi là ông quý phái có nghĩa một ngài quý tộc thực sự, ăn mặc sang trọng mặt mũi cao ngạo tuy có vẻ gì mệt mỏi trên nét mặt. ông độ năm mươi tuổi. Cái gây ấn tượng nhất với tôi là cái cười của ông ta, làm lộ ra những chiếc răng trắng và nhọn như răng chó con. Người ta tự hỏi cái cười của ông gây ra cái mím môi hay là ông đang muốn cắn.

Vừa nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh ông vừa chốc chốc lại đưa mắt nhìn về phía tôi, nhưng khi gặp mắt tôi, ông ta thôi không khảo sát tôi nữa.

Sau mấy phút chuyện trò như thế ông bỏ tiếng Anh chuyển sang dùng tiếng Pháp. ông ta nói tiếng Pháp dễ dàng như không gần như không có âm điệu ngoại quốc nào.

- Đây là đứa trẻ mà ông nói chuyện với tôi chứ gì? - ông ta nói với cha tôi, tay chỉ tôi. -Cháu có khỏe mạnh không nhỉ? - ông hỏi tôi.

- Thưa ông có ạ.

- Có bao giờ bị ốm không?

- Cách đây ba năm cháu có bị sưng phổi một lần khi phải nằm trên tuyết vào một ngày lạnh khủng khiếp.

- Từ đó có bị bệnh này lần nào nữa không?

- Không ạ.

- Không bao giờ thấy mệt mỏi ư?

- Không bao giờ. Khi nào cháu đi nhiều thì cháu mệt nhưng không vì thế mà ốm ông ta đứng lên đi lại gần tôi, sờ tay tôi, đặt tay lên tim tôi, cuối cùng áp tai vào lưng tôi, vào ngực tôi bảo tôi thở mạnh lên rồi ho lên.

Ông ta tiếp tục nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh rồi vài phút sau cả hai đi ra nhà để xe.

Chuyện này nghĩa là thế nào nhỉ? ông quý phái này muốn mượn tôi làm cho ông ta ư? Vậy thì tôi phải xa Mattia và Capi ư? Mà tôi thì quyết định không bao giờ làm đầy tớ cho ai hết.

Sau một lát cha tôi trở vào, ông không giải thích gì cả chỉ nói là tôi được tự do đi chơi.

Tôi không muốn đi chơi, nhưng ngồi làm gì trong căn nhà này? Trời mưa tôi bèn vào xe lấy tấm da cừu. Tôi giật mình thấy Mattia trong đó!

Tôi định nói với nó thì nó đặt bàn tay lên miệng thì thầm:- Ra mở cửa nhà để xe đi; tổ sẽ nhẹ nhàng đi treo cậu. Không nên để ai biết tổ đã có mặt trong xe.

Chỉ khi ra tới phố rồi Mattia mới nói:

- Cậu có biết cái ông lúc nãy đứng với cha cậu là ai không? - Nó nói. - ông Miligan đấy, chú của Arthur bạn cậu mà cậu thường nói chuyện với tớ đấy.

Tôi đứng lặng giữa phố, Mattia nắm lấy cánh tay tôi vừa đi vừa nói tiếp:

- Tớ đi một mình trong mấy phố nhỏ chán quá nên về nhà nằm, nhưng không ngủ được. Cha cậu cùng một ông quý phái đi vào nhà để xe.

Tớ nghe họ nói chuyện với nhau như sau: “Vững chãi như một tảng đá, ông quý phái nói, ở địa vị nó thì mười thằng nhóc đã phải chết rồi, thế mà nó thoát, chỉ bị sưng phổi!”. Vì không biết có phải nói đến cậu không nên tớ chăm chú nghe.

Lúc này cuộc nói chuyện đổi đề tài. “Thế thằng cháu ông thế nào rồi?” Cha cậu hỏi. “Khá hơn.

Lần này nó lại thoát chết. Trước đây ba tháng thì bác sĩ nào cũng bảo là nó không thể chữa được; mẹ nó lại cứu nó lần nữa. á chà! Cái bà Milligan này mới là một bà mẹ tốt chứ!” Cậu xem, tớ càng chú ý đến thế nào. “Này thế nếu thằng cháu ông khá lên như thế thì ông lo toan thận trọng như vậy vô ích à?”. “Lúc này thì có lẽ thế thật đấy nhưng tôi không muốn chấp nhận Arthur sống được, bởi vì sống được là phải có phép thần mà phép thần ở đời này đâu còn. Ngày mà nó chết tôi phải được bảo đảm không có sự trở về nào cả. Người thừa kế duy nhất chỉ là tôi, James Milligan mà thôi.” “ạng cứ yên tâm, cha cậu nói, nếu chỉ cần có thế thì tôi xin bảo đảm chuyện này”. “Tôi trông cậy ở ông đấy” nói xong ông quý phái còn nói thêm gì nữa mà tớ không hiểu, tớ dịch sơ sơ như thế này: “Tới lúc ấy ta sẽ xem nên làm gì”. Rồi ông ta đi ra.

Arthur còn sống! Sức khỏe nó lại khá lên nữa chứ! Lúc này đây tin vui này đủ làm tôi sung sướng..

16. Chương 15 + 16

Chương 15 - Những đêm Giáng sinh

Chúng tôi chỉ còn nói tới Arthur và bà Mil-ligan.

Họ đang ở đâu? Chúng tôi biết tìm họ ở đâu?

Chuyến viếng thăm của ông James Milligan làm chúng tôi nảy ra một ý nghĩ và đưa ra một kế hoạch mà kết quả xem ra là chắc chắn: vì James Milligan đã đến nhà cha mẹ tôi một lần thế nào ông ta chẳng đến nữa? Chắc ông ta có làm ăn gì đó với cha tôi. Vậy thì khi nào ông ta ra về, Mattia sẽ đi theo; biết chỗ ở của ông ta rồi sẽ lần la hỏi chuyện bọn đầy tớ, từ những tin tức này có thể đến được chỗ Arthur.

Đã đến lúc mà, đáng lẽ phải đi chơi đàn trong các phố vào ban ngày chúng tôi lại đi vào ban đêm bởi vì đúng vào nửa đêm mới là những buổi hòa nhạc Giáng sinh. Như vậy ban ngày ở nhà, một trong hai đứa chúng tôi sẽ canh gác, thế nào chẳng có lúc chụp được ông chú Arthur.

Một hôm trong khi đi dạo phố thường tôi thấy một người già da đen mặc quần áo lố lăng có đuôi chim làm hiệu cho Mattia; lúc đầu tôi cứ tưởng một trò hề để làm vui công chúng mà chúng tôi là nạn nhân, nhưng thật ngạc nhiên Mattia thân mật đáp lại.

- Cậu quen anh ta à? - Tôi hỏi Mattia.

- Đó là Bob, bạn tớ hồi tớ làm ở rạp xiếc Gassot, chính anh ấy đã dạy tớ tiếng Anh đấy.

Sau khi trình diễn xong Những bản nhạc du dương của người da đen Bob đến chỗ chúng tôi và cứ xem cái cách anh ta lại gần Mattia, tôi hiểu được người bạn đường của tôi đã được mọi người yêu quý như thế nào. Đến một người anh ruột cũng không có được niềm vui trong ánh mắt, trong giọng nói như của anh hề da đen này, người mà “qua cái nghiệt ngã của thời gian buộc phải trở thành ca sĩ hát rong” như anh ta bảo chúng tôi. Nhưng chúng tôi phải mau chóng chia tay để anh ta còn đi theo đoàn, chúng tôi thì về nhà; hai người bạn đành phải để tới chủ nhật sau mới có dịp vui sướng kể nhau nghe đã từng làm gì từ khi xa cách.

Có lẽ vì tình bạn với Mattia nên Bob rất muốn tỏ thiện cảm với tôi, thế là chẳng bao lâu chúng tôi có một người bạn chân tình mà nhờ kinh nghiệm và những lời khuyên của anh, cuộc sống ở Londres đối với chúng tôi dễ chịu hơn suốt từ hồi nào cho tới lúc này.

Cứ như thế chúng tôi đến gần lễ Giáng sinh, lẽ ra ra đi buổi sáng thì chúng tôi lên đường mỗi buổi tối vào lúc tám hoặc chín giờ để tới những khu mà chúng tôi đã chọn sẵn.

Nhưng những ngày lễ Giáng sinh đã qua rồi mà James Milligan vẫn chưa xuất hiện. Sau Giáng sinh lại phải ra đi ban ngày chẳng còn mấy cơ hội trông thấy hắn ta nữa.

Không nói là chúng tôi đang bận tâm vì cái gì, Mattia cởi mở tâm tình với anh bạn Bob của chúng tôi, hỏi anh xem có thể tìm được địa chỉ một bà tên là Milligan hoặc một ông tên là James Milligan không. Nhưng Bob trả lời phải biết địa vị xã hội của họ hoặc nghề nghiệp của họ thì mới được, ở Londres nhất là trong cả nước Anh có biết bao người tên là Milligan.

Chúng tôi không nghĩ tới chuyện này nữa.

Mattia có ý kiến như sau: nó muốn chúng tôi quay về Pháp, nó nói, ở đó chúng tôi có nhiều cơ hội gặp lại Arthur và bà Milligan hơn. Lúc nào nó cũng nói đi nói lại ý nghĩ đó, nhưng tôi muốn trung thực với gia đình tôi nên từ chối không chịu trốn. Mattia khẳng định rằng gặp được bà Milligan tôi sẽ gặp gia đình đích thực của tôi. Nó nói thế với vẻ rất lạ nhưng không nói thêm gì.

Thời gian cứ chậm chạp trôi đi, đã tới lúc gia đình tôi từ bỏ Londres để đi khắp nước Anh.

Hai chiếc xe lưu động đã được sơn lại, chất đầy ắp những hàng hóa mà chúng tôi có thể chứa nổi, hàng hóa thì người ta lôi ra từ hầm bí mật trong nhà xe.

Cuối cùng mọi thứ đã sẵn sàng để ra đi. Tối hôm trước cha tôi đã báo cho chúng tôi biết là chúng tôi sẽ đi theo họ, nhưng vẫn làm nghề chơi đàn.

Chúng tôi lại đi trên những con đường lớn.

Chúng tôi cứ theo sau hai cái xe, qua vùng đồng quê tươi đẹp thở không khí trong lành. Mỗi khi tới một ngôi làng lớn, họ đưa xe ra một chỗ rộng, hạ một bên thành xe xuống bày hàng ra trước sự tò mò của người mua.

- Hãy xem giá cả này! Xem giá cả này! - Cha tôi la lên. - Không ở đâu rẻ như thế. Tôi nghe thấy tiếng người mua xem hỏi giá rồi bỏ đi:

- Chỉ có là đồ ăn cấp mới rẻ thế.

Giá họ đưa mắt về phía tôi hẳn họ chẳng phải nghi ngờ gì nữa khi thấy mặt tôi đỏ lên.

Nếu như họ không thấy tôi bối rối thì Mattia thấy được điều này, buổi tối nó bảo tôi:

- Việc gì cậu cứ phải chịu đựng mãi nỗi hổ thẹn này nhỉ, Rémi? Chẳng lẽ cậu nghĩ cảnh sát để yên không hỏi xem tại sao ông Driscoll bán hàng với giá rẻ thế? Tất cả chúng ta đều có thể bị bắt... Làm sao chúng mình được là ta không làm gì? Bào chữa ỉn thế nào? ... Ta hãy xem có cơ hội nào là lập tức chuồn ngay, tớ có linh cảm sắp xảy ra tai họa đến nơi. Xin cậu, Rémi, ta hãy quay lại Pháp đi!

- Cho tớ vài ngày nữa, rồi chúng ta sẽ xem.

- Mau mau lên, tớ cảm thấy nguy hiểm chẳng khác gì con yêu tinh ngửi thấy mùi thịt tươi.

Chưa bao giờ những lời nói, lời cầu khẩn của Mattia làm cho tôi bối rối đến như thế, mỗi khi nhớ lại những lời đó tôi lại tự bảo mình là sự do dự khiến tôi trần trụi thật là hèn, tôi phải quyết định một bề thôi.

Hoàn cảnh đã làm những gì mà tôi không dám làm.

Một hôm cha tôi đến đóng đô ở một thành phố, cho rằng ở đó làm ăn được. Tới nơi sớm lại không phải bày hàng nên tôi và Mattia đi xem trường đua ngựa ở cách thành phố khá xa.

Nhiều căn lều được dựng lên, từ xa đã có thể nhìn thấy những cột khói nhỏ đánh dấu giới hạn trường đua. Chẳng mấy chốc chúng tôi đổ ra một con đường trùng xuống nơi đất ruộng mọi khi cần cõn trụi chiều

nay đầy lán hàng dựng bằng ván gỗ trong đó có các quán rượu, xe cộ hoặc đơn giản là những trại đóng quân ngoài trời. Qua trước một ngọn lửa, chúng tôi gặp bạn chúng tôi, anh Bob. Thấy chúng tôi anh vui lắm. Anh ở đó cùng các bạn anh để tổ chức biểu diễn sức mạnh và sự khéo léo, nhưng mấy nhạc sĩ họ trông chờ lại lỡ hẹn thành ra ngày mai, lẽ ra rất thành công có chiều hồng việc. Nếu muốn, chúng tôi có thể giúp họ: thay thế các nhạc sĩ, tiền thu được sẽ chia ra làm năm, lại có cả một phần cho Capi.

Vì chúng tôi tự do muốn làm gì thì làm tùy thích, nên chỉ với điều kiện đem lại thu nhập khá chúng tôi đã nhận lời ngay..Nhưng khi về nhà thông báo cho cha tôi biết việc thu xếp này, bỗng nảy ra một khó khăn.

- Ngày mai cha cần Capi. - ông bảo tôi.

Họ lại cần Capi ột công việc bắn thủ nào chẳng? Nhưng cha tôi làm tiêu tan nỗi lo ngại của tôi ngay tức khắc:

- Capi tai thính, cái gì nó cũng nghe thấy, canh gác rất tốt, chúng ta cần nó để giữ xe, đông thế này họ có thể lấy cắp hàng của chúng ta. Hai đứa đi chơi đàn với Bob thôi, nếu công việc kéo dài thâu đêm, mà có thể như vậy lắm, thì các con tìm chúng ta ở quán Cây Sồi Lớn, bọn ta ngủ ở đó.

Sáng hôm sau, sau khi săn sóc Capi cẩn thận không để nó thiếu thốn cái gì, chính tay tôi buộc nó vào trục chiếc xe mà nó có nhiệm vụ canh gác, chúng tôi đi đến trường đua.

Vừa đến nơi chúng tôi bắt đầu chơi đàn ngay, và chơi không nghỉ cho đến tận chiều tối. Các đầu ngón tay tôi đau buốt như bị hàng ngàn cái gai đâm vào, Mattia thối kèn đẩy đến hụt hơi thở không nổi nữa. Tuy nhiên Bob và các bạn anh vẫn không thôi biểu diễn các tiết mục. Tối đến, tôi tưởng đã đến lúc chúng tôi được nghỉ ngơi, hóa ra lại từ cái lều của chúng tôi chuyển sang một tiệm rượu lớn, rồi các tiết mục nhào lộn và âm nhạc lại tiếp diễn hăng hái hơn bao giờ hết. Cứ như thế cho tới nửa đêm. Tôi không còn biết mình đang chơi bản nhạc gì, Mattia cũng chẳng hơn gì tôi. Các bạn tôi cũng mệt rã rời, làm hỏng một trò diễn. Một lúc nào đó một cái sào lớn phục vụ biểu diễn rơi ngay xuống đúng đầu ngón chân Mattia. Đau đến nỗi nó kêu lên một tiếng, thịt rách ra, tuy xương không bị gãy nhưng Mattia không đi được nữa.

Thế là mọi người quyết định chúng tôi ngủ lại trong xe của Bob, sáng mai mới trở về quán.

Ngủ chỉ được vài tiếng đồng hồ nhưng cũng làm tôi lại sức, sáng hôm sau tôi tỉnh dậy chuẩn bị đi nếu như Mattia, lúc ấy còn đang ngủ, có thể đi theo tôi. Ra khỏi xe tôi đi lại phía Bob đang nhóm lửa. Mải nhìn anh ta đang dùng hết sức lực thổi phù phù dưới cái nồi, tôi hình như nhận ra Capi, đang bị một cảnh sát dẫn đi.

Giật mình tôi đứng lặng người tự hỏi thế nghĩa là thế nào, nhưng Capi, nhận ra tôi, liền giật thật mạnh khỏi dây buộc, thoát khỏi tay người cảnh sát. Chỉ vài bước nó đã chạy tới chỗ tôi và lao vào vòng tay tôi.

Cảnh sát bước tới:

- Có phải con chó này của anh không? - Anh ta hỏi tôi.

- Vâng.

- Thế thì tôi bắt anh.

Và anh ta nắm lấy cánh tay tôi.

Bob đứng lên:

- Tại sao anh giữ thẳng bé này? - Bob hỏi.

- Anh là anh nó à?

- Không, là bạn.

- Đêm qua có một người đàn ông và một thằng bé chui vào nhà thờ Saint-Georges qua một chiếc cửa sổ ở trên cao bằng một cái thang, có cả con chó này đi theo để canh gác nếu có ai làm phiền họ. Đúng là có người đến thật.

Họ nhanh chóng bỏ trốn không kịp mang theo con chó. Nhờ con chó này chắc chắn tôi sẽ tóm được kẻ gian. Thế là tóm được một rồi. Cha anh đâu?

Tôi hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra: không phải người ta hỏi mượn tôi Capi để giữ xe mà để thông báo cho bọn ăn cắp trong nhà thờ biết có người đến! Tôi phải tự mình bảo chữa ình thôi.

Mattia bị cuộc nói chuyện giữa chúng tôi làm thức giấc, ra khỏi xe.

- Anh hãy giải thích cho họ em làm sao phạm tội được vì suốt đêm em ở đây với các anh cơ mà.

Bob dịch lời tôi nói với viên cảnh sát nhưng viên cảnh sát không tin như là tôi hy vọng.

- Cái gì chứng tỏ điều đó là thực? - Cảnh sát nói.

- Tôi thế như thế chứ còn sao nữa! - Bob kêu lên.

- Ồ! Anh ấy à, anh mà làm chứng thì còn phải xem lại đã.

- Này anh đừng có mà lằng nhằng tôi. - Bob nói một cách tự trọng. - Tôi là công dân Anh đấy nhé!

- Trong khi chờ đợi, tôi hãy cứ đưa thằng bé này đi đã, nó sẽ giải thích với ông thẩm phán sau. Tôi giữ cả con chó, nó sẽ giúp tôi tìm thấy mấy kẻ kia..Nhà tù mà họ giam tôi không phải để đùa, như cái nhà tù ở trong chất đầy hành như chúng tôi đã thấy; đây là một nhà tù thực sự cửa sổ có chấn song lớn bằng sắt chỉ nhìn thấy đã tiêu tan ngay mọi ý định vượt ngục. Toàn bộ đồ đạc chỉ có một ghế dài và một cái văng.

Tôi ngã người xuống chiếc ghế và suy nghĩ rất lung về hoàn cảnh đáng buồn của mình.

Tối hôm qua mệt như thế nhưng lo lắng quá tôi không sao ngủ được. Tôi cũng không thể động đến thức ăn người ta mang cho tôi.

Ngược lại tôi vô lấy nước mà uống, tôi khát đến cháy họng.

Tôi muốn chuẩn bị các câu trả lời để cãi ình, nhưng tôi hoảng hốt quá. á chà! Mattia mới có lý làm sao! Lẽ ra tôi phải nghe nó!

Sáng hôm sau một người cai ngục tới dẫn tôi vào phòng lớn của tòa án. Một làn gió nóng thổi vào mặt tôi, tôi nghe thấy tiếng rì rào khó phân biệt. Liếc mắt một cái tôi thấy ngay toàn cảnh rõ nét đang ở quanh tôi: đó là phòng xử của tòa án, trong phòng đầy những người.

Phòng xử khá rộng, trần cao, cửa sổ lớn, chia ra hai khoảng ngăn cách với nhau, một dành cho tòa, phần kia mở ra công chúng. Trên một cái bục cao có quan tòa ngồi, trước mặt quan tòa ở vị trí thấp hơn là ba vị thẩm phán, còn trước cái đài ngồi của tôi là một nhân vật mặc áo dài đeo tóc giả: luật sư của tôi.

Làm sao mà tôi có được một luật sư nhỉ?

Do Mattia và Bob gửi đến chăng? Những câu hỏi này chưa phải lúc để trả lời. Tôi có một luật sư, thế là đủ.

Trong một cái đài ngồi khác tôi nhìn thấy Bob và hai anh bạn và nhiều người khác nữa mà tôi không quen; còn trong một cái đài ngồi khác nữa là viên cảnh sát cùng một số người. Tôi hiểu đây là chỗ ngồi của những người làm chứng.

Nơi dành cho công chúng ngồi chật ních.

Tôi thấy Mattia, ánh mắt chúng tôi giao nhau, tôi cảm thấy mình can đảm trở lại.

Một trong các thẩm phán lên tiếng, ông giải thích tóm lược tình hình câu chuyện: một vụ ăn cắp xảy ra ở nhà thờ Saint-Georges, kẻ cắp là một người đàn ông và một đứa bé, dùng thang leo vào nhà thờ qua một cửa sổ mà chúng đập vỡ kính ra, chúng mang theo một con chó để canh gác. Một người qua đường về muộn thấy lạ vì có ánh sáng le lói trong nhà thờ, ông ta lắng nghe thì có tiếng như tiếng vỡ, ngay tức khắc ông đánh thức người coi nhà thờ dậy; người ta đến khá đông nhưng con chó sủa lên thế là trong khi mọi người mở cửa bọn kẻ cắp tẩu thoát qua cửa sổ bỏ lại con chó; con chó này trong khi cảnh sát Jerry dẫn đi đã nhận ra chủ mình chính là thằng bé ngồi trên cái ghế dài kia, còn tên kẻ cắp thứ hai thì đang lần theo dấu vết.

Sau một vài nhận xét chứng tỏ tôi phạm tội, ông thẩm phán ngừng lời, sau đó một giọng the thé cất lên: "Im lặng!" Quan tòa không buồn nhìn về phía tôi mà như tự nói với chính mình, hỏi tôi tên tuổi, nghề nghiệp.

Tôi trả lời những câu hỏi của quan tòa sau đó xin phép được nói bằng tiếng Pháp. Tôi giải thích mình không thể ở nhà thờ vào giờ đó được bởi vì lúc đó tôi ngủ nơi trường đua ngựa cùng với các bạn tôi.

- Vậy anh giải thích thế nào về sự có mặt của con chó của anh trong nhà thờ? - Quan tòa hỏi, tỏ ra kém tin tưởng ở những lời khẳng định của tôi.

- Tôi không giải thích. Con chó không đi cùng với tôi. Buổi sáng tôi buộc nó vào một chiếc xe của chúng tôi.

Tôi không nói gì thêm vì sợ cho người ta những vũ khí chống lại cha tôi.

Người ta gọi một nhân chứng, người này tuyên thệ trên quyển Thánh Kinh là sẽ nói sự thật, không vì ghét hoặc vì yêu. Đó là một con người nhân hậu, thấp lùn, trông cực kỳ oai vệ mặc dầu mặt thì đỏ, mũi thì xanh nhợt: đó là người giữ nhà thờ.

Ông ta bắt đầu kể lể dài dòng, nào là mình đang hoang mang và phần nộ như thế nào khi người ta đến đánh thức bảo là có kẻ trộm trong nhà thờ; nào là lúc đầu cứ tưởng mọi người đùa mình, nhưng ai lại đùa với những người có tính cách như ông bao giờ, cho nên ông hiểu là đã xảy ra một chuyện gì nghiêm trọng; ông vội chạy tới, mở cửa nhà thờ ra, và thấy... một con chó ở trong đó.

Tôi không có gì để trả lời cho việc này, nhưng luật sư của tôi suốt từ đầu không nói gì bèn đứng dậy, lắc lắc bộ tóc giả, xốc lại chiếc áo dài trên vai và lên tiếng:- Tội qua ai đóng cửa nhà thờ? - ông ta hỏi.

- Tôi. - Người gác nhà thờ trả lời.

- ông có chắc không?

- Tôi làm gì là chắc chắn đã làm việc ấy.

- Được; thế ông có chắc chắn đã khóa cả con chó ở trong nhà thờ không?

- Nếu con chó có ở trong nhà thờ thì tại sao tôi không trông thấy nó.

- Mắt ông có tốt không?

- Mắt tôi cũng như mắt mọi người.

- Cách đây sáu tháng, có phải ông đã đâm đầu vào bụng một con bê phơi mình treo ở trước cửa một cửa hàng bán thịt không?

- Tôi không thấy một câu hỏi như vậy có lợi gì khi đưa ra ột người có tính cách như tôi. - Người giữ nhà thờ kêu lên mặt hóa xanh ra.

- Xin ông hết lòng làm ơn trả lời câu hỏi này.

- Đúng là tôi có va vào một con bê treo một cách vô ý thức trước cửa một hàng thịt.

- ông không trông thấy nó ư?

- Lúc ấy tôi đang bận tâm nghĩ tới chuyện khác.

- Khi ông đóng cửa nhà thờ có phải ông vừa ăn cơm tối xong không?

- Hẳn là thế rồi.

- Thế khi ông đâm đầu vào con bê ông chưa ăn cơm tối chứ?

- Rồi, nhưng...

- Trong khi ăn cơm tối ông uống mấy vại bia?

- Hai.

- Có khi nào uống nhiều hơn không?

- Đôi khi ba.

- Sau bữa cơm có uống một cốc rượu trắng pha chanh với đường nữa chứ?

- Thỉnh thoảng thôi.

- Mấy cốc?

Vì người giữ nhà thờ không trả lời, mặt càng ngày càng xanh, ông luật sư lại ngồi xuống, vừa ngồi vừa nói:

- Cuộc thẩm vấn này đủ tỏ ra rằng có thể con chó đã bị người làm chứng vừa rồi khóa trong nhà thờ từ trước. Ông này cứ sau bữa cơm. Tôi do bận lòng lo lắng cái gì đó nên không nhìn thấy cả những con bê nữa. Đó là tất cả những gì tôi muốn biết.

Giá mà dám, chắc là tôi đã ôm hôn ông luật sư. Tôi thoát rồi!

Sau người giữ nhà thờ, người ta còn nghe nhiều người làm chứng khác, rồi nghe đến các bạn tôi. Cuộc hỏi cung chấm dứt, quan tòa hỏi tôi có muốn nói thêm gì không.

Tôi trả lời là tôi vô tội, tôi xin phó thác mình vào công lý của tòa án.

Lúc đó quan tòa cho đọc biên bản rồi tuyên bố tôi sẽ chuyển sang nhà tù của quận chờ đại bồi thẩm đoàn quyết định xem có bị gọi ra tòa đại hình hay không.

Tôi xỉu đi trên chiếc ghế dài.

Rất lâu sau khi vào lại nhà tù, tôi tìm ra lý do để giải thích ỉn vì sao không được tha:

quan tòa còn đợi bắt được những người vào trong nhà thờ đã, để xem tôi có đồng lõa với họ không.

Ông thẩm phán nói là người ta đang theo hút họ; chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải đau khổ và nhục nhã xuất hiện bên cạnh họ trên ghế của tòa đại hình.

Biết bao câu hỏi trong óc tôi làm cho thời gian trôi nhanh hơn tôi qua.

Trước nửa đêm một chút, tôi nghe có tiếng kèn dầy, tôi nhận ra cách chơi kèn của Mattia.

Tiếng kèn vắng tới tai tôi qua bức tường trước mặt cái cửa sổ phòng giam tôi. Cùng với tiếng kèn có tiếng bước chân và tiếng rì rầm mơ hồ.

Tôi đến mở cửa sổ ra. Tôi mở vô cùng thận trọng tránh cho nó kêu lên, cuối cùng nhờ hết sức nhẹ nhàng tôi đạt được kết quả. Tôi đứng đó lắng tai nghe ngóng.

Bỗng nhiên có đầu ai thò lên trên bờ tường:

đó là đầu Bob. Anh ta lấy tay ra hiệu cho tôi đứng xa cửa sổ ra. Tôi nghe theo tuy không hiểu gì. Tay kia hình như Bob cầm một ống xì đồng, để lên miệng. Tôi nghe thấy một tiếng thổi đồng thời trông thấy một cục tròn màu trắng bay vào rơi dưới chân tôi. Ngay lập tức đầu Bob biến mất, tiếng kèn dầy cũng im. Tôi không nghe thấy gì nữa.

Tôi đóng cửa sổ lại, vò lấy cục giấy mở ra đọc: "Tôi mai người ta đưa cậu đến nhà tù quận.

Cậu sẽ đi tàu và ở trong toa tàu cùng với một cảnh sát. Hãy ngồi gần cửa toa chỗ cậu bước lên; đi được độ bốn mươi nhăm phút (nhớ xem đồng hồ cho kỹ) tàu sẽ đi chậm lại vì có chỗ ngoặt; hãy mở cánh cửa toa tàu ra và dùng cẳng lao xuống, khi lao hai tay duỗi ra phía trước sao cho rơi xuống trên hai chân; tới đất một cái leo lên sườn dốc bên trái, bọn tớ sẽ ở đó cùng một cái xe và một con ngựa tốt; đừng sợ gì cả; hai ngày sau ta sẽ về đến Pháp; can đảm lên!" Tôi thế là thoát rồi! Không phải xuất hiện trước tòa đại hình! ôi! Những người bạn tốt!

Tuy nhiên trong niềm vui bỗng bột tôi có một ý nghĩ buồn: Còn Capi? Nhưng tôi nhanh chóng gạt bỏ ý nghĩ này. Không đời nào Mattia bỏ Capi. Nếu nó tìm được cách cho tôi vượt ngục nó cũng tìm được cách cho Capi trốn thoát.

Tôi đọc đi đọc lại mẩu giấy hai ba lần nữa rồi nhai nuốt nó đi. Tôi ngủ yên ả.

Thời gian trôi khá nhanh và chiều hôm sau, một viên cảnh sát vào ngục tôi bảo tôi đi theo.

Tôi hài lòng thấy đó là một người khoảng năm mươi tuổi thân hình không có vẻ mềm mại lắm.

Vậy là mọi việc có thể diễn biến theo chỉ dẫn của Mattia, lúc tàu sắp chạy tôi ngồi gần cửa toa tàu, viên cảnh sát ngồi trước mặt tôi, chỉ có hai chúng tôi ở trong toa.

Tôi dựa vào cửa toa tàu mà cửa kính mở ra, tôi xin phép viên cảnh sát được nhìn quang cảnh bên ngoài nơi chúng tôi đi qua, viên cảnh sát đồng ý. ông ta sợ gì cơ chứ? Tàu đang chạy nhanh. Bỗng nhiên không khí lạnh tạt vào mặt ông ta, ông ta đi xa cửa toa tàu vào ngồi ở giữa toa. Tôi chẳng biết lạnh là gì, nhẹ nhàng thò tay trái ra ngoài mở nắm cửa sắt, tay phải thì giữ lấy cánh cửa.

Sau bốn mươi năm phút như Mattia đã dặn, đầu tàu rú còi và chạy chậm lại. Đến lúc rồi. Tôi nhanh nhẹn đẩy cánh cửa tàu và nhảy xuống xa nhất có thể. Tôi rơi xuống một cái hố. Cú sốc mạnh quá làm tôi lún ra đất, ngất đi.

Khi tỉnh lại tôi cứ tưởng mình vẫn còn ở trong tàu vì thấy mình đang được mang đi theo một vận hành nhanh; tôi nghe thấy tiếng bánh xe lăn; tôi nằm trên một lớp rơm. Má tôi trán tôi có ai vuốt ve, một cái vuốt ve mềm và ấm.

Tôi mở mắt. Một con chó màu vàng nằm trên mình tôi và đang liếm cho tôi. Luồng mắt tôi gặp mắt Mattia đang quỳ bên cạnh tôi.- Cậu thoát rồi. - Nó vừa nói vừa gạt con chó ra, ôm lấy tôi.

- Chúng ta đang ở đâu thế này?

- Trên xe ngựa do Bob chở.

- Em thế nào rồi? - Bob hỏi.

- Em cũng không biết nữa. Có lẽ tốt thôi, hình như thế.

- Cử động tay, cử động chân xem nào. - Bob kêu.

Đang nằm thẳng trên nệm rơm, tôi làm như Bob bảo.

- Tốt rồi, - Mattia nói, - không chỗ nào bị gãy cả.

- Nhưng mọi việc xảy ra thế nào nhỉ?

- Cậu nhảy tàu, chấn động làm cậu choáng váng, cậu rơi vào trong hố, không thấy cậu đâu Bob bèn chạy xuống sườn dốc trong khi tớ giữ cương ngựa, Bob bế cậu lên. Chúng mình tưởng cậu đã chết cơ đấy. Sợ quá!

- Còn viên cảnh sát thì sao?

- Đi theo tàu. Tàu có dừng lại đâu.

Tôi đã biết những điều cơ bản. Tôi nhìn quanh thấy một con chó vàng nhìn tôi âu yếm, đôi mắt dịu dàng.

- Còn Capi? - Tôi hỏi. - Nó đâu?

Mattia chưa kịp trả lời thì con chó vàng nhảy lên người tôi vừa liếm tôi vừa khóc.

- Nó đấy thôi! - Mattia nói. - Bọn tớ nhuộm nó đi.

Tôi vuốt ve lại chú Capi tốt bụng, tôi hôn nó. Bob quay lại phía chúng tôi và bảo Mattia:

- Em cầm cương ngựa một lát, anh phải làm cho không ai nhận ra cái xe khi đến chỗ chặn đường nữa.

Đây là một cái xe phủ vải bạt trên những cái vòng, Bob bèn đặt những cái vòng đó vào trong xe, vải bạt thì gấp làm tư, anh bảo tôi lấy vải bạt phủ lên người và khuyên Mattia cũng ẩn mình dưới tấm vải. Làm như vậy cái xe hoàn toàn thay hình đổi dạng. Nếu người ta đuổi theo chúng tôi, các dấu hiệu mọi người kể lại sẽ làm mọi tìm kiếm bị lạc hướng.

- Ta đi đâu thế này? - Tôi hỏi Mattia khi nó nằm dài bên cạnh tôi.

- Đi Littlehampton, đấy là một hải cảng nhỏ, ở đấy Bob có người anh ruột chỉ huy một cái tàu chuyên đi Pháp mua bơ và trứng ở Norman-die, Isigny. Nếu ta trốn thoát mà chắc chắn là chúng ta sẽ trốn được - đó là nhờ ở Bob. Bob làm tất cả đấy; chứ còn tớ, thằng bé khốn khổ tội nghiệp, tớ làm gì được cho cậu đâu! Chính Bob nghĩ ra cậu phải nhảy tàu, Bob mượn bạn bè cái xe và con ngựa này, rồi lại kiếm cho ta một cái

tàu để mà về Pháp, bởi vì nếu cậu đi tàu chạy bằng hơi nước cậu sẽ bị bắt ngay. Cậu xem đây, có bạn bè tốt thật là sung sướng.

- Còn Capi, ai có ý định đem nó đi theo?

- Tớ, nhưng Bob là người quyết định nhuộm lông nó thành màu vàng để người ta không nhận ra nó nữa, chúng mình ăn trộm nó từ viên cảnh sát Jerry; đành rằng Capi cũng cảm thấy ở tớ có chuyện gì đó nên để tớ muốn làm gì thì làm; hơn nữa Bob còn biết rõ tất cả mọi thuật của bọn ăn cắp chó.

- Còn chân cậu thế nào?

- Khỏi rồi, hoặc gần như khỏi; tớ chẳng còn thì giờ nghĩ đến nó nữa.

Chúng tôi đi rất nhanh vì ngựa tốt, Bob đánh xe cũng giỏi. Tuy nhiên chúng tôi phải dừng lại cho con ngựa thở một chút và cho nó ăn. Bob dừng lại giữa rừng, tháo ngựa và đeo vào cổ nó một cái túi dết đựng đầy lúa mạch lấy trong xe; đêm tối như bưng, ít có nguy cơ bị bắt lại. Lúc đó tôi liền nói chuyện với Bob, nói vài lời cảm động cảm ơn anh, nhưng anh không cho tôi nói hết những điều tôi cảm thấy.

- Bọn em đã giúp anh, - anh nói và bắt tay tôi, - giờ đến lượt anh: hơn nữa em gần như anh ruột của Mattia rồi còn gì, mà đối với một cậu bé tốt như Mattia thì người ta sẵn sàng làm cho nó mọi việc.

Tôi hỏi anh xem chúng tôi còn xa Little-hampton không; anh trả lời còn phải đi hai giờ nữa và chúng tôi phải gấp lên vì tàu của anh anh cứ đến thứ bảy là đi Isigny, thủy triều lên vào sáng sớm, mà hôm nay đã là thứ sáu rồi. Chúng tôi lại lên nằm trên ổ rơm dưới tấm vải bạt, con ngựa đã được nghỉ ngơi giờ đi rất nhanh.

- Cậu có sợ không? - Mattia hỏi tôi.

- Có và không. Tớ rất sợ bị bắt lại nhưng xem ra người ta không bắt lại tớ được. Chỉ có điều cứ giày vò tớ, đó là đi trốn chẳng khác gì mình có tội. Sẽ bào chữa ình thế nào bây giờ?

- Bọn mình cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng Bob tin rằng phải làm tất cả để cậu khỏi phải xuất hiện trên ghế của tòa đại hình. Phải ngồi đó thì phiền lắm, ngay cả được tha bổng cũng vậy; tớ thì tớ không dám nói gì, bởi vì khẳng định thế nào cũng phải đưa cậu về Pháp, tớ sợ rằng ý định đó có thể khiến tớ khuyên cậu lắm chẳng.

- Cậu làm thế là phải, và dù xảy ra cái gì chẳng nữa thì tớ cũng chỉ có thể cảm ơn cậu và anh Bob mà thôi.

- Sẽ không xảy ra cái gì đâu, yên tâm đi. Khi tàu hỏa đến ga, viên cảnh sát của cậu sẽ báo cáo chuyện cậu, nhưng trước khi tổ chức xong việc tìm cậu thì đã mất khối thì giờ rồi. Mà ta thì lại phi nước đại. Hơn nữa họ đâu biết ta xuống tàu ở Littlehampton mà theo.

Chắc chắn là, nếu họ không theo hút chúng tôi, chúng tôi sẽ có cơ may xuống tàu không lo gì cả, nhưng tôi không yên tâm bằng Mattia.

Trong khi đó con ngựa của chúng tôi, được Bob điều khiển một cách mạnh mẽ, vẫn tiếp tục chạy trốn rất nhanh trên con đường vắng vẻ. Chỉ thỉnh thoảng chúng tôi mới bắt gặp một vài chiếc xe khác. Những ngôi làng chúng tôi đi qua đều im ắng, thỉnh thoảng lắm mới có một cửa sổ còn sáng đèn muộn; chỉ có vài con chó chú ý đến xe chúng tôi đang chạy nhanh nên sủa theo mà thôi.

Sau khi leo một đoạn đường dốc đứng, Bob dừng ngựa lại cho nó thở, chúng tôi xuống xe, dấn tai xuống đất nghe ngóng, nhưng ngay cả Mattia, tai thính hơn chúng tôi, cũng không nghe thấy tiếng động nào khả nghi; chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình trong bóng tối và tĩnh lặng của đêm trường.

Bây giờ không phải chúng tôi nằm dưới tấm vải bạt để trốn nữa mà là để tránh lạnh, một làn gió lạnh thổi đã khá lâu. Khi chúng tôi thè lưỡi liếm môi, chúng tôi thấy vị mặn của muối; đã gần đến biển. Chẳng mấy chốc chúng tôi nhận thấy một luồng ánh sáng cứ từng khoảng cách đều đặn biến đi rồi lại hiện ra rục rục: đó là một chiếc đèn pha. Chúng tôi đã đến nơi. Bob dừng ngựa, đưa nó đi thông thả nhẹ nhàng vào một con đường ngang. Rồi anh xuống xe, bảo chúng tôi cứ ở yên đó, giữ lấy ngựa. Anh đi xem anh của mình đã khởi hành chưa và liệu chúng tôi xuống thuyền có nguy hiểm không.

Tôi thú thật là thời gian Bob vắng mặt đối với tôi sao mà lâu quá. Chúng tôi không ai nói gì chỉ nghe sóng biển đập vào bờ cát sỏi ở gần đầu đày với tiếng động đều đều càng làm tăng nỗi xúc động của chúng tôi. Mattia run bắn lên, tôi cũng vậy.

Cuối cùng chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân ở con đường lúc này Bob đi. Chính là Bob trở lại. Anh không đi một mình. Khi anh tới gần, chúng tôi trông thấy một người đi cùng với anh, đó là một người đàn ông mặc chiếc áo va-rơ bằng vải dầu và đội một cái mũ len.

- Đây là anh anh, - Bob nói, - anh ấy sẵn lòng nhận các em lên tàu. Ta chia tay nhau ở đây thôi. Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong những hoàn cảnh tốt đẹp hơn, anh hứa với các em như thế.

Anh không nói thêm lời nào nữa và ôm hôn từng đứa chúng tôi, rất xúc động. Họng chúng tôi ghen lại không biết nói gì. Bob ra đi không một tiếng động trong đêm tối.

Chúng tôi đi theo anh anh, và chẳng bao lâu đã đi vào những con phố tĩnh mịch của thành phố, rồi sau vài khúc ngoặt ra tới bến cảng, gió biển quất vào mặt chúng tôi. Anh của Bob chỉ con tàu của mình cho chúng tôi, không nói gì.

Vài phút sau chúng tôi xuống tàu, anh đưa chúng tôi vào một ca-bin nhỏ.

- Hai tiếng nữa anh mới khởi hành, - anh nói. - Bọn em đừng gây tiếng động nhé.

Khi anh đã khóa cửa ca-bin Mattia sà vào vòng tay tôi không một tiếng động, ôm hôn tôi.

Nó không run nữa.

Chương 16 - Tàu Thiên Nga

Anh của Bob đi khỏi, con tàu im ắng một lúc rồi dần dần hoạt động lên. Nhiều tiếng chân vang lên trên cầu tàu, dây chèo được thả xuống, ròng rọc nghiêng lên kèn kẹt; tiếng dây xích cuộn vào rồi thả ra; người ta quay cái tời đứng; bánh lái rên lên và bỗng nhiên con tàu nghiêng hẳn sang bên trái rồi bắt đầu rập rình. Chúng tôi lên đường.

Lúc đầu con tàu rập rình chậm và nhẹ, chẳng bao lâu chao đảo nhanh và dữ dội; tàu như bị nhấn chìm xuống trước khi chao đảo và hàng táng sóng biển đột ngột đánh vào sống mũi tàu và mạn phải tàu.

Mattia, giống như lần chúng tôi sang Anh, buồn nôn dữ dội.

Tôi cầm tay nó:

- Tội nghiệp Mattia quá đi mất!

- Không sao. Cậu đã được cứu thoát. - Nó nói. - Không ngờ thoát được như thế này.

Ngay lúc đó cánh cửa ca-bin mở ra:

- Nếu các em muốn lên cầu tàu, - anh của Bob nói, - thì cứ lên không nguy hiểm gì đâu.

- Ở đâu đỡ ốm hơn ạ? - Mattia hỏi.

- Nằm yên trên cái ghế nằm đó.

- Cảm ơn anh, thế thì em nằm yên ở đây vậy.

- Thủy thủ sẽ mang cho bọn em chút gì ăn cho ấm bụng. - Thuyền trưởng nói.

Tôi muốn ở lại bên Mattia, nhưng nó đẩy tôi lên cầu tàu, cứ nhắc đi nhắc lại mãi:

- Không sao cả, cậu được cứu thoát rồi, tớ không sao hình dung được tớ lại thích được say sóng như thế này.

- Nếu gió cứ tiếp tục như vậy, - thuyền trưởng bảo tôi, - thì chiều tối nay ta sẽ đến Isigny sớm thôi; chiếc tàu buồm Thiên Thực này chạy thốt lăm.

Cả một ngày trên biển, có thể hơn một ngày nữa là khác!

Tuy nhiên thời gian cứ trôi, tôi lên cầu tàu chơi rồi lại xuống ca-bin, từ ca-bin lại lên cầu tàu cho hết thì giờ. Vào một lúc nào đó, trong khi tôi nói chuyện với thuyền trưởng, anh đưa tay chỉ về phía đông-nam, tôi nhìn thấy một cái cột àu trắng in hình trên nền trời xanh nhạt.

- Barfleur đấy. - Anh bảo tôi.

Tôi lập tức chạy xuống báo tin vui này cho Mattia: thế là chúng tôi đã nhìn thấy nước Pháp; nhưng từ Barfleur đến Isigny còn xa, bởi vì còn phải đi dọc suốt bán đảo Cotentin mới vào tới Vire và Eure. Khi tàu Thiên Thực cập bến thì đã quá muộn, thuyền trưởng mời chúng tôi ngủ lại trên tàu, sáng hôm sau chúng tôi mới chia tay nhau sau khi đã cảm ơn anh rất phải phép.

- Khi nào các em muốn trở lại Anh, - anh nói và bắt tay chúng tôi thật mạnh, - thì tàu Thiên Thực, thứ ba nào cũng từ đây đi, anh sẵn sàng chở các em.

Lên khỏi tàu buồm, việc đầu tiên chúng tôi bận tâm là đi tìm một túi lính cũ và mua hai áo sơ mi, hai đôi tất dài, một mẫu xà phòng, lược, kim chỉ, khuy áo và cuối cùng là một bản đồ nước Pháp, vì toàn bộ đồ đạc của chúng tôi để lại cả ở nhà Driscoll.

Giờ đây đã sang tới nước Pháp, chúng tôi đi đâu? Theo con đường nào?

Đó là câu hỏi khuấy động chúng tôi khi chúng tôi ra khỏi Isigny theo đường Bayeux.

- Tớ thì sang trái hay sang phải đều được, chẳng bên nào hơn bên nào, - Mattia nói, - tớ chỉ đòi hỏi một điều.

- Điều gì?

- Đi theo một dòng sông lớn hoặc sông nhỏ hoặc sông đào, bởi vì tớ có một ý như thế này.

Tôi bảo Mattia nói cho tôi nghe, nó nói tiếp:

- Hồi Arthur ốm, bà Milligan đưa nó đi chơi trên tàu, cậu gặp Arthur đang đi như thế trên tàu Thiên Nga chứ gì?

- Bây giờ nó không ốm nữa.

- Tức là nó khá hơn thôi; còn trước kia ngược lại, nó rất ốm và chỉ sống được nhờ sự chăm sóc của mẹ nó mà thôi. Cho nên tớ nghĩ là, để cho nó khỏi hẳn, bà Milligan vẫn còn đưa nó đi chơi trên tàu, trên các sông lớn, sông nhỏ, sông đào nào chở được tàu Thiên Nga; cho nên, nếu ta cứ đi theo những dòng sông lớn, những con sông nhỏ thì ta sẽ có cơ may gặp lại được tàu Thiên Nga...- Ai bảo là tàu Thiên Nga ở Pháp?

- Chẳng ai bảo cả. Tuy nhiên, vì tàu này không đi trên biển được, ta phải tin là nó còn ở Pháp. Tớ thì tớ muốn chúng ta gặp lại bà Milligan, ta không được lơ là chuyện đó.

- Nhưng còn Lise, Alexis, Benjamin, chị étiennette!

- Trên đường đi tìm bà Milligan ta sẽ gặp họ: như vậy ta phải làm sao tới được dòng chảy của một con sông hoặc một con sông đào. Ta hãy tìm trên bản đồ xem sông nào gần đây nhất.

Bản đồ được trải ra trên mặt cỏ ở đường đi, chúng tôi tìm con sông gần nhất: đó là sông Seine.

- Ta tới sông Seine. - Mattia nói.

- Sông Seine chảy qua Paris.

- Thì đã làm sao?

- ảnh hưởng lắm chứ; tớ nghe cụ Vitalis nói khi người ta muốn tìm ai, cứ đến Paris mà tìm.

Nếu cảnh sát Anh tìm tớ vì vụ ăn cắp ở nhà thờ Saint-Georges thì sao, tớ không muốn họ tìm thấy tớ vì nếu vậy việc chúng ta đi khỏi Anh chẳng hóa ra vô ích.

- Cảnh sát Anh theo tìm cậu tận bên Pháp?

- Tớ không biết, nhưng nếu thế thật thì ta không nên đi Paris.

- Ta có thể theo sông Seine đến ngoại ô Paris thôi, ta không vào Paris mà đến chỗ xa hơn và lại cứ đi theo nó là được chứ gì. Tớ, tớ cũng chẳng muốn gặp lại Garifoli.

- Có lẽ.

- Thế thì ta cứ làm như vậy, ta sẽ hỏi thăm các thủy thủ đường sông, những người kéo thuyền, và vì tàu Thiên Nga không giống với những con tàu khác, nếu nó chạy qua sông Seine thì người ta phải nhìn thấy chứ; ta mà không tìm thấy nó ở đó thì lại tìm trên sông Loire, sông Garonne, trên tất cả các con sông của nước Pháp, cuối cùng thế nào cũng tìm thấy.

Tôi không có gì phản đối ý kiến này; thế là chúng tôi quyết định tiếp cận dòng chảy của sông Seine rồi cứ đi dọc theo sông, ngược dòng lên phía thượng nguồn.

Sau khi nghĩ đến bản thân mình, đã đến lúc chúng tôi lo đến Capi, nhuộm vàng như thế nó đâu còn là Capi nữa. Chúng tôi mua xà phòng mềm, tới con sông nhỏ đầu tiên đem nó ra chà xát thật mạnh. Nhưng thuốc nhuộm của Bob thuộc loại hảo hạng, phải tắm rất nhiều lần, chà xà phòng thật kỹ trong nhiều tuần nhiều tháng Capi mới trở lại màu bầm sinh của nó được..May thay, Normandie là xứ sở của nước cho nên ngày nào chúng tôi cũng có thể tắm cho nó.

Qua Bayeux, Caen, Pont-l'Évêque và Pont-Aude-mer, chúng tôi tiếp cận sông Seine ở Bouille.

Khi mà, từ trên những ngọn đồi cao phủ rừng và ở chỗ rẽ của một con đường râm mát, Mattia đột nhiên nhìn thấy sông Seine vạch một đường cong lớn ở giữa nơi chúng tôi đang đứng rồi sau đó thông thả đưa dòng nước êm đềm và mạnh mẽ của mình đi đây đi đó, dòng nước trên phủ đầy tàu buồm trắng và những con tàu chạy bằng hơi nước khói bay lên đến tận chỗ chúng tôi, nó tuyên bố lại có cảm tình với nước trở lại và hiểu được vì sao người ta sung sướng được thả mình theo dòng sông êm đềm này giữa những đồng cỏ tươi xanh, những cánh đồng được trồng trọt màu mỡ và những khu rừng tối thẫm.

- Chắc chắn bà Milligan đưa Arthur đi chơi trên sông Seine rồi. - Mattia bảo tôi.

- Ta sẽ biết ngay thôi khi hỏi chuyện những người trong làng ở dưới kia.

Lúc đó tôi chưa biết hỏi chuyện những người Normandie khó thế nào.

- Các cậu hỏi một con tàu từ Havre hay từ Rouen tới? Nó là tàu hay là thuyền nhỏ? Hay dò con, hay sà lan, hay xuồng?

Khi đã trả lời kỹ tất cả những câu hỏi họ đặt ra cho chúng tôi, chúng tôi mới hơi chắc chắn tàu Thiên Nga chưa bao giờ tới La Bouille hoặc nếu có đi qua, thì là đi qua vào ban đêm nên không ai nhìn thấy.

Từ La Bouille chúng tôi đi Rouen, ở đây sự tìm kiếm của chúng tôi không đem lại kết quả nào khả quan hơn; ở Elbeuf người ta cũng không thể nói gì với chúng tôi về tàu Thiên Nga; đến Poses, nơi có nhiều cống, nhiều tàu bè đi qua, cũng thế.

Nhưng chúng tôi không nản, vẫn tiến tới, liên tục hỏi thăm: chẳng đem lại hy vọng gì lớn lao, bởi vì tàu Thiên Nga không thể bắt đầu khởi hành từ một điểm giữa chừng được. Bà Milligan và Arthur phải lên tàu ở Quillebeuf hoặc Caudebec, thế thì mới có thể hiểu được, hoặc tốt hơn là ở Rouen; nhưng vì không tìm thấy dấu vết cuộc hành trình của họ, chúng tôi đành phải đi Paris, hoặc xa hơn Paris.

Vì chúng tôi không phải chỉ có đi, mà còn phải kiếm sống hàng ngày, nên mất năm tuần chúng tôi mới từ Isigny đến được Charenton.

Đến đây một câu hỏi được đặt ra: chúng tôi cứ đi theo sông Seine, hay đi theo sông Marne?

Tôi luôn tự hỏi khi nghiên cứu bản đồ..May mắn thay đến Charenton chúng tôi không phải ngần ngại gì nữa vì hỏi một cái người ta trả lời ngay là lần đầu tiên họ nhìn thấy một cái tàu giống tàu Thiên Nga; đó là một cái tàu chỉ để đi du ngoạn có một cái hiên.

Mattia sung sướng quá nhảy một điệu ngay trên kè sông rồi cầm cây vĩ cầm điên cuồng chơi một hành khúc chiến thắng.

Trong lúc đó tôi tiếp tục hỏi một thủy thủ đường sông nhiệt tình trả lời tôi; không còn nghi ngờ gì nữa đúng là tàu Thiên Nga rồi; nó đi qua Charenton cách đây hai tháng ngược dòng sông Seine.

Như vậy nó đi trước chúng tôi quá lâu.

Nhưng cần gì! Cuối cùng theo kịp nó là được.

Thời gian không còn là vấn đề gì nữa; điều chủ yếu, tuyệt vời nhất, kỳ lạ nhất, là tìm thấy tàu Thiên Nga.

- Ai có lý nào? - Mattia kêu lên.

Chúng tôi không cần dừng lại hỏi thăm tin tức nữa, tàu Thiên Nga ở đằng trước chúng tôi; chỉ việc đi theo sông Seine.

Nhưng ở Moret, con sông Loing đổ vào sông Seine thành ra đến đây lại phải hỏi những câu hỏi của chúng tôi; người ta nói tàu Thiên Nga tiếp tục ngược dòng sông Seine.

Tới Montereau, lại phải hỏi nữa. Lần này tàu Thiên Nga bỏ sông Seine đi vào sông Yonne; tàu rời Montereau đã hai tháng, trên tàu có một bà quý phái trẻ tuổi người Anh và một cậu con trai luôn nằm duỗi thẳng trên giường.

Trong khi đi theo tàu Thiên Nga như vậy chúng tôi tới gần Lise, tim tôi đập mạnh khi tự hỏi trong khi nghiên cứu bản đồ: sau Joigny, bà Milligan chọn sông đào Bourgogne hay sông đào Nivernais?

Chúng tôi tới chỗ hợp lưu của hai con sông Yonne và Armencon; tàu Thiên Nga tiếp tục đi ngược dòng sông Yonne: chúng tôi sẽ đi qua Dreuzy và gặp Lise. Em sẽ nói cho chúng tôi biết về bà Milligan và Arthur.

Suốt từ khi chạy theo tàu Thiên Nga chúng tôi chẳng mất thì giờ mấy cho biểu diễn nữa, Capi không sao hiểu được tại sao chúng tôi lại vội vã như thế.

- Nhanh lên, - Mattia nói, - đuổi cho kịp tàu Thiên Nga.

Đến tối không bao giờ chúng tôi phân nản vì mệt mỏi dù đoạn đường đi có xa đến đâu. Chẳng nữa; ngược lại chúng tôi thỏa thuận mai lại ra đi từ sáng sớm.

- Đánh thức tớ nhé. - Mattia bảo, xưa nay nó vốn thích ngủ. Và mỗi khi tôi đánh thức nó bao giờ nó cũng vùng dậy rất nhanh.

Thỉnh thoảng nó tỏ ra rất tham ăn.

- Tớ chỉ mong bà Milligan vẫn còn cô bếp làm bánh kem mút rất ngon cho cậu ấy, - nó nói, - chắc là ngon lắm, bánh kem mút mơ ấy.

- Cậu chưa ăn bao giờ à?

- Tớ đã ăn bánh kẹp mút táo nhưng chưa ăn bánh kem mút mơ, mới nhìn thấy thôi. Những thứ nhỏ nhỏ trắng trắng gắn vào mút là cái gì ấy nhỉ?

- Hạnh nhân đấy.

- Ôi!

Và Mattia há miệng như thể đang nuốt cả một cái bánh kem mút mơ.

Vì sông Yonne có rất nhiều đoạn quanh co giữa Joigny và Auxerre mà chúng tôi thì đi theo đường cái, cho nên chúng tôi được lợi một số thời gian so với tàu Thiên Nga, nhưng từ Auxerre trở đi thì hết khả năng này bởi vì tàu Thiên Nga, theo sông đào Nivernais, chạy rất nhanh trên làn nước yên tĩnh.

Cứ đến mỗi cái cống chúng tôi lại thu nhập thêm tin tức, vì trên sông đào ít tàu bè qua lại ai cũng để ý đến con tàu trông rất ít giống các con tàu khác này.

Không những người ta nói về tàu Thiên Nga với chúng tôi mà con nói tới bà Milligan “một phụ nhân người Anh rất tốt” và về Arthur “một cậu bé hầu như lúc nào cũng nằm trên cái giường đặt trên cầu tàu, dưới một cái hiên phủ đầy cây lá và đầy hoa, nhưng thỉnh thoảng cậu ta cũng đứng dậy.” Vậy là Arthur có khá hơn.

Chúng tôi tới gần Dreuzy; còn hai ngày, rồi một ngày, rồi vài giờ.

Cuối cùng chúng tôi nhận ra khu rừng mùa thu năm ngoái đã đi chơi với Lise, cả cái cổng, cả căn nhà nhỏ của bà Catherine.

Tuy chẳng ai nói với ai câu nào nhưng cả hai chúng tôi, tôi và Mattia cùng đồng lòng rảo bước, chúng tôi không đi nữa mà chạy, Capi chạy lên trước để báo cho Lise là chúng tôi đã đến; em sẽ ra đón chúng tôi.

Tuy nhiên chúng tôi không trông thấy Lise ra khỏi nhà, chính Capi chạy ra như bị người ta đuổi. Theo bản năng cả hai chúng tôi dừng ngay lại và tự hỏi thế là nghĩa thế nào, có chuyện gì đã xảy ra? Sau đó chúng tôi tiếp tục đi không ai thốt lên được lời nào.

Capi trở lại chỗ chúng tôi, tiu nghỉu tiến sau chúng tôi. Một người đàn ông đang vặn cái van ở cửa cổng, không phải chú của Lise. Chúng tôi đi tới tận nhà; một người đàn bà mà chúng tôi không quen đang đi đi lại lại trong bếp.

- Thưa, chúng tôi hỏi bà Suriot ạ. - Chúng tôi hỏi bà.

Bà ta nhìn chúng tôi một chặp trước khi trả lời, tựa như chúng tôi đã đưa ra một câu hỏi ngớ ngẩn.

- Bà ấy không ở đây nữa. - Cuối cùng bà ta đáp.

- Thế bà ấy ở đâu ạ?

- ở Ai Cập Tôi và Mattia nhìn nhau, sững sờ. ở Ai Cập.

Thực ra chúng tôi cũng không biết nước này ở chỗ nào nhưng mơ hồ nghĩ rằng nó ở rất xa, bên kia biển cả.

- Bà có biết em Lise không ạ?

- Biết chứ! Nó đi theo tàu một bà người Anh rồi.

Lise trên tàu Thiên Nga! Chúng tôi nằm mơ chẳng?

Người đàn bà trả lời chúng tôi là chúng tôi đang ở trong thực tế hiển nhiên.

- Cậu là Rémi chẳng? - Bà hỏi tôi.

- Vâng.

- Khi ông Suriot chết đuối... - Bà bảo chúng tôi.

- Chết đuối!

- Chết đuối trong cửa cổng ấy! à, các cậu không biết đấy thôi, sinh ư nghệ tử ư nghệ mà!

Lúc ông Suriot chết đuối, Catherine lúng túng lắm. Nhưng biết làm thế nào? Tiền thiếu thì làm sao tạo ra một sớm một chiều được. Một bà trước đây Catherine ở làm vú em, cho Catherine một chỗ dạy các con bà ở Ai Cập. Catherine không biết làm thế nào vì vướng Lise. Thế là một buổi chiều kia có một phu nhân người Anh đưa đứa con trai ốm đi chơi trên thuyền dừng lại nơi cửa cổng. Họ nói chuyện với nhau, bà phu nhân đang tìm một đứa trẻ để chơi với con bà, bèn nhận nuôi Lise hứa trông nom em và chữa cho em khỏi bệnh. Bà phu nhân tốt quá.

Catherine đồng ý. Lise lên tàu, Catherine đi Ai Cập. Chồng tôi thay thế ông Suriot. Trước khi đi, Lise yêu cầu dì mình giải thích cho tôi để tôi nói lại với cậu khi cậu đến thăm nó. Sự tình là như thế.

Tôi ngớ cả người không tìm được lời nào mà nói, nhưng Mattia vẫn tỉnh táo.

- Vậy thế sau đó bà người Anh đi đâu ạ? -Nó hỏi.

- Đi miền Nam nước Pháp hoặc Thụy Sĩ; bà người Anh nói sẽ viết thư, cho tôi địa chỉ nhưng chưa thấy.

Trong khi tôi vẫn còn sững sờ thì Mattia làm một điều mà tôi không nghĩ tới, nó nói ngay:

- Cảm ơn bà.

Chúng tôi lại đi theo tàu Thiên Nga không chậm trễ. Chúng tôi chỉ dừng lại để ngủ và để kiếm vài đồng xu.

Tới Decize, nơi sông đào Nivernai đổ vào sông Loire, chúng tôi hỏi thăm tin tức tàu Thiên Nga thì được biết nó đi theo con sông đào ở bên, chúng tôi cứ theo con sông đào đó đi Digoin, rồi sau đó theo con sông đào ở chính giữa mà tới Chalon.

Bản đồ của tôi chỉ ra rằng, nếu từ Charolles chúng tôi đi thẳng đến Mâcon thì sẽ khỏi phải đi vòng trong nhiều ngày, nhưng quyết định đó quá liều lĩnh cả tôi và Mattia đều không muốn theo, ngộ nhờ tàu Thiên Nga dừng ở dọc đường thì chúng tôi đâm ra vượt qua nó, rồi lại phải quay trở lại.

Thế là chúng tôi xuống sông Saône từ đoạn Chalon đi Lyon.

Giữa những chiếc tàu qua lại trên sông Rhône và sông Saône, có lẽ tàu Thiên Nga đã đi qua mà không ai thấy. Chúng tôi hỏi các thủy thủ, những người chở thuyền và tất cả những ai sống trên bờ sông, cuối cùng chúng tôi tin chắc bà Milligan đã tới Thụy Sĩ, do đó chúng tôi theo sông Rhône mà đi.

Tới Seyssel chúng tôi đi xuống bờ sông; thật ngạc nhiên biết bao khi từ xa tôi đã nhận ra tàu Thiên Nga.

Chúng tôi bắt đầu chạy, đúng tàu Thiên Nga rồi, tuy nhiên trông nó như một chiếc tàu không có người; nó được thả neo một cách chắc chắn đằng sau một cái cừ bảo vệ nó. Trên tàu các cửa đóng kín cả.

Chuyện gì xảy ra vậy? Có gì xảy đến với Arthur không? Với Lise không? Chúng tôi dừng chân, tìm nghệt lại vì lo lắng.

Có một người đứng gần đó, chúng tôi hỏi ông ta. Đó chính là người trông coi tàu Thiên Nga.

- Bà người Anh ở trên tàu với một cậu con trai ốm và một cô bé cầm đang ở Thụy Sĩ. Bà bỏ con tàu lại vì tàu không ngược sông Rhône lên xa hơn được. Bà phu nhân đi xe ngựa với hai đứa trẻ con và một bà giúp việc; các đầy tớ khác đi sau cùng với hành lý; mùa thu bà mới trở lại lấy tàu Thiên Nga, sẽ theo sông Rhône xuống tận dưới biển và qua mùa đông ở miền Nam nước Pháp.

Chúng tôi lại thở được. Tốt đẹp cả thôi.

- Vậy thế bây giờ bà phu nhân ở đâu ạ?

- Bà thuê một ngôi nhà nghỉ bên bờ hồ Genève, mạn Vevey ấy, nhưng tôi không biết rõ ở chỗ nào.

Lên đường đi Vevey ngay!

Bốn ngày sau khi rời Seyssel chúng tôi bắt đầu tìm quanh khu Vevey giữa biết bao biệt thự trải dài duyên dáng suốt từ cái hồ nước xanh trong tới những sườn núi phủ xanh lá cây rừng để xem bà Milligan, Arthur và Lise ở trong cái biệt thự nào. Thế là cuối cùng chúng tôi đã đến nơi, vừa vặn còn có ba xu trong túi và giày đã vệt bẩn gót.

Tốt nhất là đích thân chúng tôi phải tìm và đi thăm tất cả những ngôi nhà mà người ngoại quốc có thể cư trú; thực tế điều này không lấy gì làm khó, chúng tôi chỉ việc biểu diễn các tiết mục của chúng tôi trong tất cả các phố.

Chỉ một ngày chúng tôi đã đi khắp Vevey và thu được khá nhiều tiền.

Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục tìm kiếm ở vùng ngoại vi Vevey, chúng tôi chơi đàn trước cửa sổ những ngôi nhà mặt ngoài đẹp một chút; nhưng đến tối chúng tôi lại ra về như hôm trước; ấy thế mà chúng tôi đã đi suốt từ hồ lên tận trên núi lại từ trên núi xuống hồ, nhìn quanh nhìn quất, chốc chốc lại hỏi thăm những người mà chúng tôi cho là sẵn sàng nghe và sẵn sàng trả lời.

Ngày hôm đó người ta cho chúng tôi hai tin vui hụt khi trả lời là tuy không biết tên nhưng họ biết rõ bà phu nhân mà chúng tôi nói tới.

Một lần họ chỉ cho chúng tôi tới một nhà nghỉ giữa lưng chừng núi, lần kia họ khẳng định bà ta ở bên bờ hồ. Đúng là hai bà người Anh thật, nhưng không phải bà Milligan. Một buổi chiều, chúng tôi biểu diễn hòa nhạc giữa phố, trước mặt chỉ có một cái cổng sắt mà chúng tôi chủ ý hát vọng vào đó, sau lưng chúng tôi là một bức tường, chúng tôi không quan tâm.

Tôi hát đến đỉnh tai nhức óc đoạn đầu bài ca của tôi về Na-pô-li và đang chuẩn bị hát tiếp sang đoạn sau thì bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy ở đằng sau, bên kia bức tường, một tiếng kêu; rồi có ai đó hát lên đoạn hai của bài hát bằng một giọng yếu ớt và nghe rất lạ tai:

Giọng ai thế nhỉ?

- Arthur chẳng? - Mattia hỏi.

Không, không phải Arthur.

Không thể chịu đựng nổi nữa, tôi kêu lên:

- Ai hát đó nhỉ?

Và giọng kia trả lời:

- Rémi!

Tên tôi thay cho câu trả lời! Tôi và Mattia nhìn nhau sững sờ. Chúng tôi cứ đứng ngây ra như vậy trước mặt nhau. Tôi bỗng thấy đằng sau Mattia, ở đầu bức tường, phía trên một hàng giậu thấp có chiếc mùi-xoa trắng vẩy vẩy trong gió; chúng tôi chạy lại phía đó.

Chỉ mãi tới khi chạy tới hàng giậu chúng tôi mới biết cánh tay vẩy cái khăn đó là tay ai:

- Lise!

Cuối cùng, chúng tôi đã tìm thấy em, cùng với em sẽ là bà Milligan và Arthur.

Nhưng ai đã hát mới được chứ? Đó là câu hỏi mà cả hai chúng tôi, Mattia và tôi cùng đồng thời hỏi em, ngay khi chúng tôi đã tìm ra lời để nói.

- Em chứ ai. - Lise nói.

Lise hát! Lise nói!

Đành rằng trước đây đã bao lần tôi nghe nói một ngày kia Lise sẽ trở lại nói được rất có thể là nhờ một xúc động thật mạnh; tôi vẫn không sao tin được điều đó xảy ra.

Ấy thế mà điều đó lại thực hiện được đấy; em đã nói được; phép thần đã hoàn thành; và chính là nhờ nghe tôi hát, thấy lại tôi trở về với em trong khi tưởng đã mất tôi vĩnh viễn em đã có cái xúc động thật mạnh đó!

Chỉ với ý nghĩ đó bản thân tôi cũng xúc động dữ dội đến nỗi tôi phải nắm vào một cành cây bên hàng giậu.

Nhưng không thể buông xuôi theo những cảm xúc đó mãi:- Bà Milligan đâu, - tôi hỏi, - Arthur đâu?

Lise mấp má môi để nói nhưng chỉ bật ra được những tiếng bập bẹ không đầu vào đâu.

Thế là em lại dùng tay để diễn đạt ý mình cho nhanh.

Mắt tôi theo dõi ngôn ngữ đó của em đồng thời tôi trông thấy ở xa xa tận cuối vườn một người đầy tớ đang đẩy một cái xe dài. Trên xe có Arthur nằm duỗi thẳng, phía sau là mẹ nó và... tôi cúi hắt người xuống để xem cho rõ... và ông James Milligan; ngay lập tức tôi ngồi sụp xuống sau hàng giậu và vội vàng bảo Mattia cũng làm như thế. Không nghĩ ra James Milligan không biết mặt Mattia.

Giây phút hoảng hốt đã qua, tôi hiểu rằng Lise sẽ sững sờ khi thấy chúng tôi biến mất. Tôi hơi nhòm người lên một chút khe khẽ bảo em:

- Không thể để James Milligan trông thấy anh được, hấn sẽ làm anh phải trở lại bên Anh mất.

Em gơ hai cánh tay lên sợ hãi.

- Em cứ đứng yên, - tôi tiếp tục nói, - đừng nói gì về bọn anh cả; chín giờ sáng mai, bọn anh sẽ trở lại chỗ này; cố gắng chỉ có một mình thôi nhé, bây giờ em đi đi.

Đồng thời chúng tôi ẩn mình sau bức tường.

- Cậu ạ, - Mattia bảo tôi, - tớ phải đi gặp bà Milligan ngay để nói với bà... tất cả những gì chúng mình biết. James Milligan đã thấy mặt tớ bao giờ đâu, hẳn không thể liên hệ tới cậu và gia đình Driscoll được. Bà Milligan sẽ quyết định chúng ta phải làm gì.

Tôi chờ rất lâu mới thấy Mattia trở lại có bà James Milligan đi cùng. Tôi chạy tới, bà đưa tay ra, tôi cầm lấy tay bà mà hôn; nhưng bà ôm lấy tôi, và cúi xuống dịu dàng hôn tôi trên trán.

- Con ạ, - bà nói mắt không rời tôi, - bạn con đưa đến cho ta những tin rất quan trọng; con hãy kể cho ta nghe con tới gia đình Driscoll như thế nào và chuyện tới thăm của James Milligan ra sao.

Tôi thuật lại những điều được hỏi.

- Tất cả những điều này đối với con có ý nghĩa cực kỳ trọng đại. Kể từ ngày hôm nay con và bạn con phải từ bỏ ngay cuộc đời khổ cực này. Trong hai giờ nữa các con hãy đến Territet, khách sạn núi Alpes, ta sẽ gửi người tin cậy đến giữ chỗ trước; chúng ta sẽ gặp nhau ở đó vì ta buộc phải xa các con bây giờ..Bà lại ôm hôn tôi và đưa tay cho Mattia bắt, rồi nhanh chóng rời chân.

Ngày hôm sau bà Milligan tới thăm chúng tôi; đi theo bà là một người thợ may và một bà chuyên trách đồ vải họ đo người chúng tôi để may quần áo, may áo sơ mi.

Suốt bốn ngày liền ngày nào bà cũng đến.

Ngày thứ năm thì bà phục vụ mà tôi đã gặp trên tàu Thiên Nga tới chỗ chúng tôi mà không phải là bà Milligan. Bà phục vụ nói là bà Milligan chờ chúng tôi ở chỗ bà và bà ta đưa chúng tôi đi.

Arthur chìa tay cho tôi; tôi chạy tới chỗ nó, tôi ôm hôn Lise, nhưng bà Milligan ôm hôn tôi.

- Cuối cùng, - bà nói, - đã đến lúc con có thể trở về đúng chỗ của con được rồi.

Tôi trông thấy má Barberin đi vào tay ôm một nắm quần áo trẻ con.

Trong khi tôi ôm hôn má, bà Milligan ra lệnh gì đó ột người đầy tớ, tôi chỉ nghe thấy tên James Milligan, tên này làm mặt tôi xanh đi vì sợ.

- Không việc gì phải sợ cả con ạ. - Bà Mil-ligan dịu dàng bảo tôi. - ngược lại, con lại gần ta đây.

Ngay lúc đó cửa phòng khách mở ra trước mặt James Milligan, hẳn nhìn thấy tôi.

Bà Milligan không để hẳn có thì giờ nói.

- Tôi mời chú đến để giới thiệu với chú con trai cả của tôi mà tôi hạnh phúc đã tìm thấy cháu, chính chú cũng biết cháu phải không, ở nhà cái tên đã ăn cắp cháu ấy, chú đến để hỏi thăm hẳn về tình hình sức khỏe của cháu, có phải không nào?

- Thế nghĩa là thế nào?... - James Milligan nói, mặt biến sắc.

- ... Tên ấy, ngày hôm nay đang ngồi tù về tội ăn cắp trong một nhà thờ, đã thú nhận tất cả..

17. Chương 17 (hết)

Chương 17 - Trong gia đình

Nhiều năm trôi qua.

Giờ đây tôi ở trong lâu đài nhỏ của cha ông tôi ở Công viên Milligan, nước Anh.

Đứa trẻ không gia đình không những có một người mẹ, một người em trai nó yêu và yêu nó, còn có tổ tiên đã để lại cho nó một tên tuổi đáng kính và một gia sản không nhỏ.

Đứa trẻ khốn khổ mà hồi nhỏ đã từng bao đêm ngủ trong vựa thóc, trong chuồng bò hay một góc rừng giữa trời khuya, nay là thừa kế của một tòa lâu đài tráng lệ.

Chúng tôi sắp làm lễ rửa tội cho con trai đầu của chúng tôi, bé Mattia.

Cuộc hội ngộ này tôi tổ chức để làm vợ tôi ngạc nhiên: nàng sắp gặp cha, chị, hai anh và dì nàng. Tất cả sẽ ở dưới mái nhà chúng tôi tối nay.

Nhưng kìa, mẹ tôi đến kìa, tôi trông thấy bà hôm nay không khác gì trông thấy bà lần đầu trên tàu Thiên Nga. Bà dựa vào cánh tay Arthur, nay đã trở thành một thanh niên đẹp đẽ và cường tráng.

Cách sau hai người mấy bước tôi thấy một bà già ăn mặc theo kiểu nông dân Pháp, bế trong tay một đứa bé tí xiu bọc trong một cái áo lông trắng; đó là má Barberin và con trai tôi.

Chú nhỏ nhạc sĩ đường phố, bạn tôi, em ruột tôi, Mattia đã trở nên một nghệ sĩ lớn. Thành công rực rỡ của Mattia cũng là của tôi, chẳng khác gì hạnh phúc của tôi cũng là của nó.

Đúng lúc này có tiếng bánh xe vang đến tận tai chúng tôi, chúng tôi vội chạy ra cửa sổ xem và trông thấy một chiếc xe ngựa lớn bốn bánh, trong đó Lise, vợ tôi, nhận ra cha mình, dì Catherine, chị étiennette, hai anh Alexis và Ben-jamin của mình. Đằng sau chiếc xe này là một chiếc xe độc mã do Bob cầm cương.

Chúng tôi xuống bậc tam cấp đón khách.

Bữa cơm tối đoàn tụ tất cả chúng tôi quanh bàn và dĩ nhiên, chúng tôi nói về quá khứ..Cơm xong, Mattia lại gần tôi, kéo tôi ra khe cửa sổ:

- Tớ có ý này, - nó bảo tôi, - ta cùng chơi bài ca xứ Na-pô-li của cậu đi.

Chúng tôi cầm lấy nhạc cụ. Mọi người vây quanh chúng tôi; lúc này Capi xuất hiện; nó nhận ra cây đàn hác-pơ và khập khiễng đi ra, miệng ngậm cái đĩa tách; nó muốn đi một vòng quanh “củ tọa đáng kính” trên hai chân sau nhưng yếu quá không đứng nổi nữa, nó bèn ngồi xuống và để chào “củ tọa” nó đặt một bàn chân trước lên ngực.

Bài hát được hát xong, Capi cố đứng dậy, thôi thì được sao hay vậy, để đi quyên tiền; người nào cũng cho chút gì vào cái đĩa, Capi mang tiền lại cho tôi. Đó là món tiền lớn nhất tôi chưa thu được bao giờ; toàn là những đồng vàng và những đồng bạc.

Tôi hôn nó trên mũi như trước kia mỗi lần nó an ủi tôi, và kỷ niệm thời thơ ấu này của tôi làm nảy ra một ý nghĩ mà tôi giải thích ngay với mọi người:

- Món tiền này sẽ là món tiền đầu tiên cho vào quỹ xây một cái nhà cho các nhạc sĩ tí hon của đường phố; mẹ tôi và tôi sẽ đóng góp nốt phần còn lại.

- Thưa bà thân mến, - Mattia nói, hôn tay mẹ tôi, - con cũng xin góp một phần nhỏ vào đó; nếu bà cho phép, tiền thu được trong buổi hòa nhạc tối của con ở Londres sẽ thêm vào số tiền thu được của Capi.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/khong-gia-dinh>